Trí Tân

Xuân

GIÁP THÂN

Chúc mừng Xuân mới

SỐ 126-127

Giá 1$50

TRƯỚC CỜ

« Quân ta dù kém quân người
Hơn thua cũng quyết với trời một kẻo »

Quân sĩ cúi đầu và kính cẩn
Cùng lặng chờ trong không-khí trang nghiêm,
Trên voi, Nữ vương vẫn ngồi yên,
Với vẻ mặt trầm tư nghiêm nghị
Ngài như đắm sâu hồn trong suy nghĩ.
Trên đài cao, theo gió ngả nghiêng lay
Lá cờ Phục-quốc nhẹ tung bay,
Hai bên đài, hai hàng nữ tướng,
Cúi chờ lệnh chúa, với hết lòng tin tưởng.
Và, xa xa vang dậy tiếng tung hô,
Cả muôn dân mừng đón đức vua.
Bỗng vẫy kiếm, ngài truyền : « Quân sĩ !
Ta cũng muốn cùng ba quân tạm nghỉ
Nhưng vừa đây Mã-Viện lại tiến binh
Cũng khá nhiều, hai mươi vạn tinh binh.
Vậy há lẽ thấy nhiều mà ta sợ ?
Ta định lúc quân thù chưa yên sở,
Họp toàn quân đánh một trận cuối cùng
Để một là giữ vững non sông
Hai... nhưng có lẽ — có lẽ nào lại thế !
Có lẽ nào — với muôn lòng trung nghĩa,
Có lẽ nào — với sức mạnh cả ba quân,
Không giữ được nền độc lập của giang sơn ?
Không đuổi nổi kẻ tham tàn quen xâm chiếm.
Quân sĩ hỡi ! xin cùng ta vung, kiếm
Trước cờ thề gắng đuổi quân thù,
Trận này là trận quyết được thua,
Phải liều chết để giữ gìn đất nước,
Phải lấy máu giả cái thù nội thuộc. »
Rút lời ngài, nữ tướng Lê Chân
Nâng quốc kỳ, và hăng hái ba quân,
Chỉ kiếm thét : « Xin diệt quân Đông Hán ! »
Trong nắng mới lưng bừng và sán lạn
Ngọn cờ Phục-quốc huy-hoàng bay...

Bà LƯU-VĂN-LỢI

THƠ XUÂN

I

Xuân nay nhắn hỏi ai cười khóc ?
Ai khóc ai cười, có những ai ?
Xuân mới đau lòng câu chuyện cũ.
Thương ai khóc khóc lại cười cười.

II

Mắt hoen lệ mơ-màng sương sám nhợt.
Bóng ai kia tha-thướt đứng bên lầu !
Ồ ! Xuân ơi ! Chờ đợi tự bao lâu ?
Xin chớ hỏi vì đâu ta vô tình thế nhỉ !
Rợn tưởng đông qua hồn mộng-mị.
Lãng quên xuân tới dạ âu-sầu.
Ta với xuân tình nặng vẫn thầm sâu,
Chẳng có lẽ gặp nhau ta hờ-hững.
Kìa bướm lượn, chim ca mừng ánh nắng,
Lướt trên cành hoa trắng điểm hồng tươi !
Cùng xuân trò chuyện dăm nhời.

III

Ta muốn hỏi vì sao em thổn thức,
Rồi ngừng ca như uất ức nỗi lòng chi ?
Với non sông trở lại bóng xuân, kìa !
Hãy gượng hát, vui đi trong chốc lát.
Tâm-sự nghìn thu, tình bát-ngát.
Thiều quang một khắc, mộng huy-hoàng.
Em nghe ta mà sóng lệ vẫn dâng tràn !
Đâu có phải khách bàng-quan em oán trách !
Ta cảm biết em ngập-ngừng bộc-bạch
Mối sầu chung dấu tích chửa phai nhòa.
Một cung đàn, một đôi ta..,

IV

Trông mai, mê bóng mai tường.
Dưới trăng đứng lặng mơ-màng hồn hoa !
Xuân về cách chẳng bao xa,
Cành mai trơ-trụi, lòng ta ngậm-ngùi.

MINH-TUYỀN

BÚT KÝ

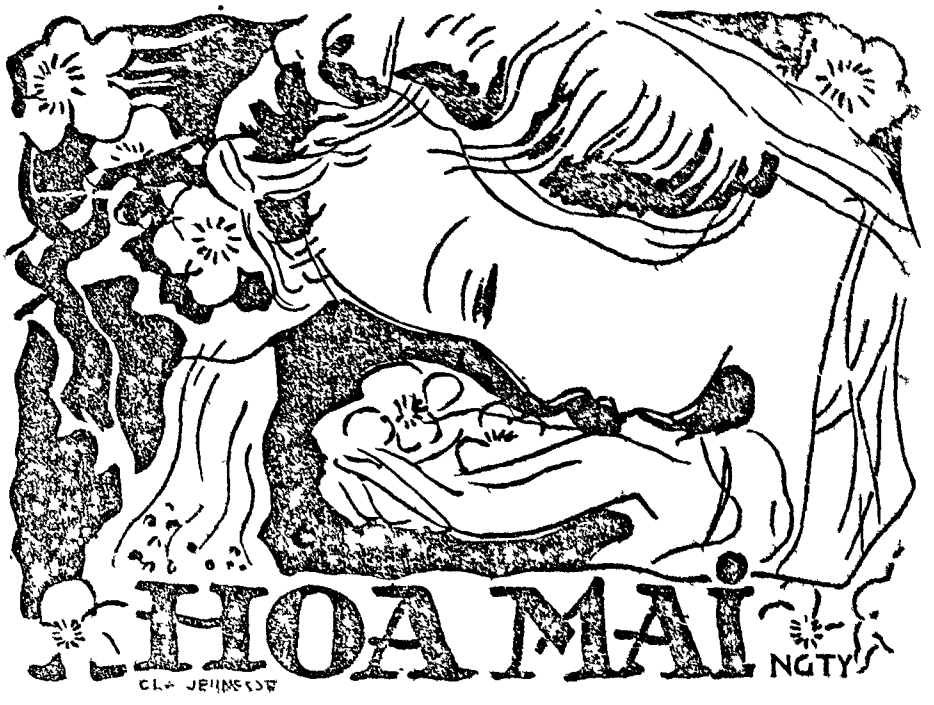

của HOA BẰNG

Đã từ lâu, vườn quê có mấy cây mai, cứ gần Tết đến, mai đua nở... nở những đóa hoa trắng muốt và nhẹ-nhàng. Tôi, bấy lâu, vì « ham giọng muôi », thường phải xa nhà, nên những mùa mai nở, không mấy khi được tận hưởng cái thú, cái đẹp của giờ phút mãn khai, thành thử tuy không đắc-đạo cũng phải dằn lòng mà nghĩ theo Trúc lâm đệ nhất tổ, Điều-ngự Giác-hoàng (thuyền hiệu của vua Trần Nhân-Tông, 1279-1293):

« Viên lâm tịch mịch vô nhân quản,
Lý bạch, đào hồng tự tại hoa. »

Nghĩa là:

Vườn được im lìm, ai kể giữ,
Đào hồng, mận trắng cứ phô bông ».

Nhưng nay, vì thời-cục nghiêm-trọng, khói thuốc đạn đầy tôi về cố hương lánh nạn mấy hôm.

Vừa lê gót giày trên đường lát gạch trong ngõ xóm, tôi đã được hương mai thoang thoảng man-mát đưa đến khứu-quan, nhuần vào da, thấm qua thớ thịt, lọt tới tận xương tủy, hấp-dẫn tôi vào trong vườn, tôi bất giác cất giọng cao ngâm:

Gió chửa ngừng tung, bụi chửa quang
Hương xa... xa đón khách thông-mang...
Thơm-thơm mát nhẹ pha kh ôn, khí,
Đành loãng hơi tanh khói ải lang !

Rồi những lúc thú xông lưng trời, hứng bay theo khói, tôi sống say sưa bên mai: ngắm những gốc gồ ghề cổ kính, những mắt đốt bướng bỉnh gân-guốc và những cành giong-giống gầy gò, tôi cỏ cảm-tưởng coi Mai như một chiến-sĩ có vẻ ngạo nghễ với thời-tiết, tiết-liệt trước nguy-cơ, coi tầm thường hết cả những cái gì là gian nan, là ghê sợ, là éo-le, khinh bỉ hết thảy những cái mờ tối, nhỏ nhen và không trong sạch. Tôi không biết phải dùng những lời nào cho cao hơn, cho thanh nhã để tả cái đặc tính của Mai được vì:

Mưa thấm đường rây khắp thế gian,
Riêng Mai gân-guốc ngạo sương hàn;
Thân già tuy-lửa cành xương xẩu;
Nhựa sống ngầm đây vẫn chưa-chan.

Có một buổi sáng Sương mù dày đặc phủ khắp một bầu trời quê. Tôi cầm chén trà đứng thưởng bên Mai: Lặng ngắm những bông trắng muốt đan dệt ở các khe cành, tôi tưởng tượng như nàng Dương Quí-

(Xem tiếp trang 20)

THƠ XUÂN ĐỜI HỒNG-ĐỨC

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRƯỜNG Bác-cổ có sao được một tập thơ chữ nôm đề là *Hồng-đức quốc-âm thi-tập* (Hồng-đức là niên-hiệu vua Lê Thánh-tông về năm 1470-1497) (1), tất cả độ 250 bài, trong có hơn 20 bài vịnh xuân hoặc vịnh tết nguyên-đán và vịnh một vài thứ hoa cùng một vài thứ cây-cỏ.

Những bài vịnh xuân đã in trong *Nam-phong* (novembre 1919, trang 426, v. v.), nhưng có chữ nhầm, nên tôi chép lại và chua nghĩa qua-loa, để chiều ý các bạn độc-giả đã lưu tâm đến những bài *Tài liệu để đính-chính các bài văn cổ* đăng trong *Tri-tân* năm xưa.

Còn những bài vịnh cây vịnh cỏ, thì chưa thấy ai in ra quốc-ngữ: có bài hay lắm, đọc lên cũng êm tai vui miệng. Tuy chỉ ngâm hoa vịnh nguyệt, nhưng cũng có nhiều chỗ bóng bẩy xa-xôi.

Nếu chỉ cho nhà làm thơ là một tay âm-nhạc, phải dùng chữ như tiếng đàn, thì chắc là nghe không được véo-von, mà cũng không thấy xúc-động đến tâm-hồn. Nhưng ta phải nhớ rằng các bậc tiền-bối thường lấy đạo trung-dung làm trọng, không ưa lời phù-phiếm, lối lãng-mạn, sợ người đọc dễ sinh ra phóng-túng, rồi có hại đến phong-hóa. Cho nên những bài thơ này, tuy chỉ vịnh xuân, vịnh hoa mà vẫn giữ được điều-hòa đứng-đắn: hễ hiểu thấu các điển-tích thì vỡ ngay được cái tinh-thần triết-lý.

Tháng xuân là một dịp tốt để đọc lại những bài thơ cổ mà nghiệm lấy cái âm-hưởng đời xưa, và nhân đấy xem các hoa đua nở,

« Khoe tốt hơn chưng vườn lãng-uyển,
« Kết đôi còn đợi chúa Đông-hoàng;
« Lại mừng được đất phồn-hoa nữa,
« Cành ngọc đôi khi kết quả vàng... » (*Hồng-đức quốc-âm thi-tập*, bản sao của Bác cổ, số A B 292, tờ 42 b).

Nguyên-đán (bài thứ nhất).

Cơ mầu thợ hóa bốn mùa vần,
Đông cuối ba mươi, mồng một xuân.
Rỡ-rỡ cửa vàng ngày Thuấn sáng,
Làu-làu phiến ngọc-lịch Nghiêu phân.
Cao vòi-vọi ngôi hoàng-cực,
Khắp lâng-lâng phúc thứ-dân.
Tôi mọn dự đôi hàng ngọc-duẩn,
Non cao kính chúc tuổi minh-quân.

« Cái triệu-trẫm mầu-nhiệm của thợ tạo, chuyển vần quanh khắp bốn mùa (2). Cuối đông là 30 tháng chạp, đầu xuân là mồng một tháng giêng. Cảnh thái-bình sáng tỏ nhà vàng đời Đế Thuấn. Quyển ngọc-lịch rõ ràng hung cát tự Đường Nghiêu. Trông lên hoàng-cực, ngai vua cao chót-vót. Ngó xuống thứ-dân, giáng phúc khắp nơi-nơi. Tôi nay kẻ hạ-thần nhỏ-mọn, được theo đôi dự trong hàng ngọc-duẩn. Xin lấy câu « non cao » kính chúc muôn tuổi đứng minh-quân. »

Non cao bởi chữ « Thái-sơn chi cao », ví vua cao như núi Thái. Chữ thợ hóa ở câu thứ nhất, tức là chữ thợ tạo bây giờ; hai chữ đều do chữ « hóa-công » mà ra. Về câu thứ tư, sử nước ta có chép năm mậu-dần (khoảng năm 2333 trước Thiên-Chúa) là năm thứ năm đời vua Đường Nghiêu, nước Văn-lang dâng thần-qui, vua Nghiêu sai chép làm qui-lịch. Hoàng-cực bởi chữ « duy hoàng kiến cực », nghĩa là duy vua dựng đạo cực (phép tắc), nên ngôi vua gọi là hoàng-cực. Ngọc duẩn nghĩa là mang ngọc: Đường Lý-tông xét thi cống-cử, lấy được nhiều kẻ sĩ, đời bấy giờ gọi là ngọc-duẩn, sau lấy chữ ấy đặt cho những tòa văn-hàn của nhà vua.

Nguyên-đán (bài thứ hai).

Âm dương hai khí mặc xoay vần,
Nếu quả thời đông đến tiết xuân (3).
Chân ngựa giong khi tuyết tạnh,
Hàng loan sắp thuở canh phân.
Chín trùng chễm-chễm ngôi hoàng-cực (4),
Năm phúc hây-hây dưới thứ-dân.
Mây hợp đền nam chầu-chực sớm,
Bên tai nhường mảng tiếng thiều-quân.

« Hai khí âm dương trong giời đất, mặc ý xoay vần khắp bốn mùa. Theo về thời-tiết, nếu quá đông thì lại sang xuân. Trong cảnh ngày xuân, chân ngựa rưỡi giong khi hết tuyết. Ở nơi cung cấm, hàng loan (lính hầu vua, bởi chữ loan-xa, loan-giả mà ra) sắp sẵn lúc sang canh. Trông lên ngôi hoàng-cực, ngồi chính-chệ trên chín tầng cao. Ngó xuống dưới muôn dân, khắp nơi nơi đều năm phúc đủ. Trăm quan đông như mây họp, đều chầu-chực sẵn ở đền nam. Bên tai nghe tiếng vua ban, như nhạc quân thiều (hai tên nhạc) đời Nghiêu Thuấn.»

Họa vần bài tết Nguyên-đán

Ba dương đã gặp thuở thời vần,
Bốn bể đều mừng một chúa xuân.
Nức ngai vàng, hương mấy hộc,
Trang cửa phượng, ngọc mười phân.
Giời lồng-lộng hay lòng thánh.
Gió hây-hây khắp muôn dân.
Nhờ ấm nhân khi hênh bóng nắng,
Ước dâng muôn tuổi chúc ngô-quân.

« Ba dương (tháng giêng là tháng tam dương) đã gặp thì-tiết, bốn mùa vần chuyển đến xuân. Khắp dưới giời trên bốn bể, đều đón mừng một chúa xuân. Hơi xuân thơm nức chốn ngai vàng, hương đong mấy hộc. Cảnh tết điểm trang nơi cửa phượng, ngọc dát mười phân. Trông giời cao rộng mênh-mông, ví với nhân-từ lòng thánh-chúa. Thấy gió hây-hẩy đưa lại, mừng rằng giải-uấn khắp lê-dân. Nhờ khí ấm của giời, nhân khi hửng bóng nắng. Ước dâng muôn tuổi thọ chúc vua ta. »

Lại hoạ vần bài tết Nguyên-đán.

Khắp bốn mùa đều tạo-hoá vần,
Cuối đông mừng đã lại đầu xuân.
Tiết ba dương thịnh hây-hây mở,
Ân chín trùng nhiều mãi-mãi phân.
Vầy họp đai-cân về một chốn,
Đặt yên chăn-chiếu khắp muôn dân.
Hội lành đã gặp gồm hăm phúc,
Trỏ non Nam chúc thánh-quân (5).

« Bốn mùa quanh khắp đều tự tạo-hoá xoay vần. Cuối mùa đông rồi, mừng nay đã lại bắt đầu sang xuân. Tháng giêng là tháng tam dương, tiết giời thịnh tốt hây-hây mở. Ơn vua từ trên chín bệ, phân-phát thần-dân khắp-khắp nơi. Trăm quan vầy họp đai-cân, cùng về một chốn. Lòng thánh đặt yên chăn chiếu, đều khắp muôn dân. Hội lành mừng gặp thai-bình, đủ gồm năm phúc. Trỏ non Nam, xin chúc thánh-quân. »

Trong kinh Thi có câu « như Nam sơn chi thọ », ví vua sống lâu như núi Nam-sơn. Chín trùng do chữ cửu trùng, là chín tầng giời, tức là nơi vua ở. Sở-từ có câu : « Quản-môn hề cửu trùng », nghĩa là cửa nhà vua thăm-thẳm chín tầng. Cũng có khi dùng cửu bệ (chín bệ), nghĩa cũng thế. Đai-cân là đai và khăn, tức là phẩm-phục. Chữ Hán có câu : « Thố sinh-dân ư nhẫm (chăn) tịch (chiếu) chi hạ », nghĩa đen là đặt sinh-dân ở dưới chăn-chiếu, nghĩa bóng là vua yên dân như yên con.

Xuân (bài thứ nhất).

Một khí giời đắp đổi vần,
Ba tháng đông lại ba tháng xuân.
Sinh-thành mọi vật đều tươi tốt,
Đầm-ấm nào ngày chẳng đượm nhuần.
Tượng mở thái-hoà Nghiêu võ-trị (6),
Ơn nhiều chần-thải Hán nuôi dân (7).
Đài xuân bốn bể đều vầy họp,
« Tuổi tám nghìn », tôi chúc thánh-quân (8)

(*Xem tiếp trang 8*)

---

1) Cũng có vài người sao được tập Hồng-đức quốc-âm thi hoặc có bản cũ, nhưng tôi dẫn bản sao của Trường Bác-cổ để ai nấy thấy chữ nào nghi ngờ có thể tới đấy mà kiểm lại. Xem ra có nhiều bài không phải của đời Hồng-đức (1470 1497). Để khi nào chép thơ triều Lê, tôi sẽ dẫn chứng.

2) Giá theo khoa-học, thì đã cắt nghĩa là cái máy mầu-nhiệm của tạo-hóa chuyển vần thành bốn mùa !

3) Nam-phong *novembre 1919, trang 426, chép là « Nẻo quá ngày đông đến tiết xuân ».*

4) Nam-phong, *nov. 1919, trang 426, chép là « Chín trùng chăm-chẳm ngôi hoàng-cực ».*

5) Nam-phong, *nov. 1919, trang 426, chép là « Trỏ núi Nam sơn chúc Thánh-quân ».*

6) Nam-phong, *nov 1919, trang 426, chép là « Tượng mở thái-hòa Nghiêu phủ trị. » Chữ « võ trị » phải hơn, trên đã cắt nghĩa.*

7) Nam-phong, *nov. 1919, trang 426, chép là « Ân nhiều chần-thải Hán tuy dân ». « Nuôi dân » phải hơn.*

8) Nam-phong, *nov. 1919, trang 426, chép là « Tuổi tám nghìn đôi chúc thánh quân ». « Tôi chúc » mới phải, trên kia đã cắt nghĩa.*

NHÀ THỤC và NHÀ TRIỆU

ĐÀO-DUY-ANH

Đại-Việt sử ký toàn thư chép rằng: «*Nhà Thục.*— An-Dương-Vương, ở ngôi 50 năm, họ Thục, tên Phán, người Ba-Thục, đóng đô ở phong Khê (nay là thành Cổ-Loa).

«Giáp thìn, năm đầu (nam 58 đời Noãn Vương nhà Chu vua đã chiếm nước Văn Lang rồi thì đổi tên nước là Âu-Lạc.

Xưa vua nhiều lần đem binh đánh Hùng Vương, nhưng Hùng-Vương có binh mạnh tướng gan vua thua luôn. Hùng-Vương nói với vua rằng: «Ta có sức thần, nước Thục không sợ sao?». rồi bỏ không sửa sang vũ bị nữa, chỉ ham ăn uống để mua vui. Quân nhà Thục bức đến gần mà Hùng-Vương còn say sưa chưa tỉnh. bèn hộc máu nhảy xuống giếng mà chết. Quân lính trở giáo đầu hàng. Thục-Vương xây thành ở Việt-Thường, rộng nghìn trượng, vòng quanh theo hình trôn ốc cho nên gọi là *Loa-Thành*, lại gọi là thành Tư-Long (người Đường gọi là thành Côn Lân vì thành ấy cao lắm). Thành xây xong lại đổ, vua lấy làm lo, bèn làm chay để cầu đảo trời đất cùng thần núi thần sông, rồi lại xây lại...

«Đinh-hợi, năm 44 (nam 33 đời Tần Thủy Hoàng nhà Tần dùng những bọn lưu vong, bọn rể thừa, bọn lai buôn làm lính, sai quan Hiệu Úy là Đồ-Thư đem quân lâu-thuyền, và sai Sử Lộc xem việc đào sông vận lương, để đi sâu vào miền Lãnh-Nam, chiếm đất Lục-Lương, đặt các quận Quế-Lâm (nay là huyện Minh-Quí, tỉnh Quảng-Tây), Nam-Hải (nay là tỉnh Quảng-Đông), Tượng-Quận (nay là An-Nam), bổ Nhậm-Ngao làm quan Úy quận Nam-Hải, Triệu-Đà làm quan Lệnh huyện Long-xuyên (Long-xuyên là huyện thuộc quận Nam-Hải), khiến đày bọn tù đồ 50 vạn người để giữ miền Ngũ lãnh. Ngao và Đà nhân mưu lấn đất ta..

«Quý-tỵ, năm thứ 50 (nam thứ 2 đời Tần-Nhị-Thế) Nhậm-Ngao bệnh gần chết bảo Đà rằng: «Ta nghe bọn Trần-Thắng nổi loạn, lòng dân chưa biết theo ai. Đất nầy hẻo lánh xa xôi, ta sợ bọn trộm cướp sẽ xâm phạm đến, ta muốn dứt đường để tự giữ và phòng chư hầu có biến. Như g nay ta đau gần chết. Đất Phiên-Ngung nầy có núi ngan nước trở; từ Đông sang Tây có đến mấy nghìn dặm, lại có người Tần giúp đỡ, cũng đủ để dựng nước làm vua, xưng chúa ở một phương được..»

Nhậm-Ngao chết. Đà bèn gởi hịch cho các cửa ải Hoành-Phố, Dương-sơn, Hoàng-Hác, nói rằng quân giặc gần đến, phải kíp dứt đường mà tự thủ.

Hịch đến, các quận huyện đều ứng theo. Bấy giờ Đà giết hết các quan trưởng lại của nhà Tần đạt, mà lấy người đảng mình làm quan Thủ. Đà đem quân đánh An-Dương Vương (lược chuyện Nỏ thần)

«*Nhà Triệu.* — Vũ-Đế, ở ngôi 71 nam, thọ 121 tuổi... Họ Triệu, húy là Đà, người huyện Chân-Định nhà Hán; đóng đô ở Phiên-Ngung (nay tại tỉnh Quảng-Đông).

«Giáp-ngọ, năm đầu (năm thứ 3 đời Tần Nhị-Thế), vua gồm chiếm các đất Lâm-Ấp (sửa là Quế Lâm) và Tượng-Quận, tự lập lam Nam-Việt vương.

«Quí-mão, năm thứ 10, (năm thứ 9 đời Hán-Cao Đế), vua sai hai quan sứ cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu Chân.

«..Mậu-ngọ, nam 25 (năm thứ 5 đời Hán Cao-hậu), vua lên ngôi hoàng đế, phát binh đánh Trường-Sa, đánh được mấy quận (sửa là huyện) rồi trở về.

«...Canh-thân, nam 27 (năm thứ 7 đời Hán Cao-hậu), nhà Hán sai Long-Lân hầu là Chu-Tao đánh nước Nam-Việt để báo thù trận Trường-Sa, gặp trời nắng và ẩm, sinh bệnh dịch, nên phải bãi binh. Vua nhân đó lấy binh thị uy ở miền biên giới, và lấy của cải để dụ các xứ Mân-Việt và Tây Âu-Lạc (tức Giao-Chỉ và Cửu-Chân), hai xứ ấy đều thần phục cả».

Ta hãy phân tích xem trong những điều sử cũ chép về nhà Thục và nhà Triệu có đều gì đáng xem là sự thực.

L. Aurousseau, Giáo-sư ở viện Viễn-Đông Bác-Cổ, trong Tập sau (B.E.F.E.O.) năm 1923 (T. XXIII) đã viết một bài nhan đề là «La première conquête chinoise des pays annamites», dẫn rất nhiều tài liệu trong thư tịch chữ hán xưa về hai nhà ấy. Nay tôi phần nhiều cũng dựa vào những tài liệu của ông đã dẫn mà bàn về hai vấn đề nầy:

An-Dương-Vương. — Vị sử-thần đầu tiên của ta là Lê-văn-Hưu ở đời Trần-Thái-tôn (thế kỷ 13), viết sách *Đại-Việt sử ký*, chép từ đời Triệu Võ-đế đến Lý-Chiêu-hoàng. Ở quyển sử đầu tiên ấy, chưa thấy nói gì về họ Hồng-Bàng và nhà Thục. Mãi đến sử thần Ngô-Sĩ-Liên đời Hồng-Đức Lê-Thánh-tôn (nửa thế kỷ 15) làm sách *Đại-Việt sử ký toàn-thư* mới chép thêm họ Hồng-Bàng và nhà Thục mà họp với lịch-sử Bắc-thuộc làm một bộ *Ngoại-Kỷ*. Để biên bộ Ngoại-Kỷ ấy, Ngô-Sĩ-Liên đã căn cứ vào những chuyện tục truyền (chép trong Lĩnh-Nam trích-quái của Trần-Thế-Pháp do Võ-Quỳnh ở đời Hồng-Đức sửa lại) và những điều vụn vặt ghi chép trong sách Tàu, như Hoài-Nam-tử, Sử-Ký, Tiền-Hán thư, Quảng-châu-ký Giao-châu-ngoại vực-ký.

Xét lại, về sự tích ấy, sách *Quảng-châu-ký* (Thế-Kỷ 3-5) chép rằng: « Sau con vua nước Thục đem binh đánh Lạc-hầu, tự xưng làm An-Dương-Vương, đóng đô ở huyện Phong-Khê. Sau Nam-Việt vương là Triệu-Đà đánh phá An Dương-Vương, rồi sai hai sứ cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân, tức là Âu-Lạc vậy. »

Sách *Giao châu ngoại-vực-ký* dẫn *Thủy-Kinh chú* (đầu thế kỷ thứ 6) chép: « Sau con vua nước Thục đem quân 3 vạn đến đánh giết Lạc-vương và Lạc-hầu và áp phục các Lạc-tướng. Con vua nước Thục nhân xưng là An-Dương vương. Sau Nam Việt vương là Triệu-Đà cử binh đánh An-Dương-vương ».

Sau đoạn ấy thì sách chép về chuyện An-Dương vương xây thành Cổ-Loa và chuyện Nỏ thần. Nhưng dù chuyện xây thành gặp thần Kim-qui và chuyện Nỏ thần là hoang đường, ta ũng không thể xô bồ mà cho rằng An-Dương-vương là nhân vật hoàn toàn truyền kỳ. Triệu-Đà cũng quan hệ đến chuyện Nỏ thần, đã là người thực thì An-Dương-vương cũng có thể là người thực.

An-Dương-vương chiếm đất Lạc-Việt mà dựng nước vào hồi nào? L. Aurousseau cho rằng, trong khoảng từ năm 210 trước kỷ nguyên là năm Tần-Thủy-Hoàng mất, đến năm 207 là năm Triệu-Đà cát cứ lúc ấy Trung quốc có loạn, thời một người con vua nước Thục nào đó thừa cơ hội vào chiếm lấy đất Tượng-Quận của nhà Tần để dựng nước. Tượng-Quận tức là đất Tây-Âu (2) mà trong khoảng năm 224-219 trước nhà Tần đã chinh-phục được.

Tôi không hiểu tại sao L. Aurousseau lại không để cuộc chinh-phục đất Lạc-Việt hay Giao-Chỉ, bởi con vua nước Thục trước cuộc chinh phục đất ấy bởi nhà Tần, đất Lạc-Việt ở đời Chu, tức là đất Giao Chỉ.

Theo sách *Hoài Nam tử* chép thì vào khoảng năm 221-214, quân nhà Tần đánh người Việt, giết được vua nước Tây-Âu (tức Âu-Lạc) gọi là Dịch Hu-Tổng. (3) Cứ đoạn sách ấy thì ta có thể cho rằng trước khi quân nhà Tần đi chinh phục phương Nam, đất Giao-Chỉ xưa đã gọi là Tây-Âu. Vua nước Tây-Âu Dịch-Hu-Tổng, bị quân nhà Tần giết đó, có thể là vị Hùng-Vương cuối cùng.

Sau khi tù trưởng đã bị hại, « người Việt đều vào trong rừng sâu, ăn ở cùng cầm thú, không chịu làm nô lệ nhà Tần. Họ đặt người kiệt tuấn làm tướng và cứ ban đêm thì ra đánh người Tần phá được quân Tần và giết được quan Úy Đồ-Thư. Người chết và bị thương đến mấy chục vạn (Nhà Tần) bèn phát những người bị đày đến đó để phòng bị (người Việt) » (4).

Người kiệt hiệt mà dân Việt cử ra để làm tướng đó, có thể là người mà sách *Quảng châu ký* và *Giao-châu ngoại-vực ký*, cùng sử ta gọi là An-Dương Vương nhà Thục. Nếu thuyết ấy

(*Xem tiếp trang 37*)

Giá báo

1 năm	18 00
6 tháng	9 50
3 tháng	5 00
Mỗi số	0$40

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

1) Trong bài Lạc Long quân và Âu cơ sẽ đăng trong Tạp chí Đại Việt, tôi nói rằng lịch sử đời thượng cổ nước ta, ngoài sự nghiên cứu thư tịch xưa, phải nhờ đến cả các khoa khảo-cổ học, nhân chủng học, địa chất-học v. v. và cần phải có những nhà chuyên môn cặm cụi về vấn đề ấy thì may mới chiếu được ít nhiều ánh sáng vào khoảng đêm tối đầy thần quái ấy. Những bài tôi viết như bài này chỉ là những mẩu tiểu chú trong khi đọc sách mà thôi.

2) Đất Giao Chỉ, ở đời Chu gọi là Lạc Việt, đến đời Tần thì gọi là Tây Âu, Tây Âu Lạc hay Âu-Lạc. (Theo Cương mục và L. Aurousseau).

3) Theo L. Aurousseau thì vào năm 219.

4) Theo Hoài-Nam tử và Sử Ký L. Aurousseau dẫn.

THƠ XUÂN ĐỜI HỒNG-ĐỨC

(*Tiếp theo trang 5*)

« Một khí của giời, đắp đổi xoay vần khắp bốn mùa. Hết ba tháng đông, rồi lại xoay về ba tháng xuân. Sinh nên muôn vật, đều nhờ tiết xuân mà tươi tốt. Đầm-ấm hằng ngày, cùng hưởng hơi xuân được đượm nhuần. Khí tượng thái-hoà, như vua Nghiêu vỗ yên thịnh trị. Gia ơn chẩn thải (phát-chẩn cho dân, hoặc cho dân vay), như đời Hán nuôi dân yêu dân. Khắp bốn bể đều vui-vầy hợp-tập như lên cảnh xuân-đài (đời thịnh). Xin lấy câu « tám nghìn xuân » là lời của bầy-tôi chúc thánh-quân ». (Có câu « bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu », nghĩa là tám nghìn năm là xuân, tám nghìn năm là thu).

Xuân (bài thứ hai).

Từ thuở Đông-hoàng chịu lấy quyền,
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Đường hoa chấp-chới tin ong dạo,
Dặm liễu thung-thăng sứ điệp truyền.
Ả Ngụy nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu rộn mời khuyên.
Nam-nhi gặp thuở công khi ấy.
Áo ngự tràng-an mới phỉ nguyền.

« Từ ngày thần Đông-hoàng nhận lấy quyền coi giữ tiết xuân (thần Đông hoàng cũng có khi gọi là Thanh-đế). Bóng thiều-quang làm cảnh, sáng tốt cảnh giời mùa xuân. Trong vườn hoa xuân, tin ong chấp-chới dạo qua. Ngoài muôn dặm liễu, sứ điệp thung-thăng truyền đến. Ả Ngụy tía, nàng Diêu vàng, tranh khoe đẹp-đẽ (Diêu vàng, Ngụy tía là tên hoa mậu-đơn. Bài *Mậu-đơn ký* của Âu-dương-Tu có câu nói Diêu vàng là nghìn lá hoa vàng, gốc ở nhà người dân họ Diêu ; Ngụy tía là nghìn lá hoa đỏ thẫm, gốc ở nhà tướng nước Ngụy là Nhân-Phổ : bởi vậy người ta thường lấy ả Ngụy nàng Diêu để ví cảnh mùa xuân đẹp-đẽ). Kẻ ngâm thơ, người uống rượu, rộn-rịp khuyên mời. Người nam-nhi gặp được, trong thời-kỳ tuổi xuân. Nên làm thế nào cho cưỡi ngựa chốn tràng-an, xem hoa vườn thượng-uyển, mới phỉ nguyền ước ba sinh. »

Hoa

Một khuôn Tạo-hoa khéo hay là,
Nên khắp hòa cây trăm thức hoa.
Mỗ đóa xuân xưa bông bạc bạc,
Nhị đòi thu muộn khóm vàng pha.
Phi Đường chi nhục tin thôi lẫn,
Chúa Tống đà nhiều phát thưởng qua.
Thuở giá lui, đầm ấm lại,
Kho đầy phong nguyệt của nhà ta.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập, bản sao bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 292, tờ 41 b).

Giải-ngữ-hoa (hoa biết nói).

Quốc-sắc xem bằng ngọc mới đông,
Hay cười hay thốt ý nhường bông.
Nhiều phen hỏi nguyệt đeo hơi quế,
Mấy phút triều xuân kém nhị hồng :
Một thức thơm-tho lầu gác phượng,
Mười phần tươi-tốt mặt tai rồng.
Bên thành cách ngỡ lòng chưa vậy,
Bao mượn huyền-đô đáp đỉnh bồng.

(Hồng-đức..., tờ 43 a).

Chỉ-hoa (hoa giấy).

Đêm qua mừng thấy khí dương hồi,
Nở chẳng chờ lang, yết trống thôi.
Năm thức la hồng lừng thế-giới,
Hai cành gấm đỏ choáng lâu đài.
Hội lành được dự Quỳnh-lâm yến,
Tiết ngọc chăng nhường Ngự-sử mai.
Chiếm được bốn mùa xuân phú-quí,
Nào từng lưu-lạc tới trần-ai !

(Hồng-đức..., tờ 43 a).

Hoa-ảnh (*bóng hoa*)

Lăng-uyển đầm-hâm ngày tháng chầy,
Cồng hoa bóng ác ắt còn xoay.
Khi phê-phất, giương cơn gió,
Thuở dầm-dề, quét áng mây.
Phong đỗ nhọc-nhằn cành ngọc đỗ,
Điệp bay uốn-éo nhị vàng bay.
Tiên-nga những bóng hương vừa lạ,
Giãi đến nghi là mừng-rỡ thay !

(Hồng-đức..., tờ 43 b).

Hoa cúc

Nết na nhận khẩn khác chưng loài,
Chiếm được thu chơi ắt có hai.
Hương ắt chỉn nhiều, vàng chỉn có,
Tuyết đà chẳng nhuốm, bạc chẳng phai.

Ba đường Tưởng-Hủ hồn thêm nhặt,
Mấy phút Uyên-Minh hứng chẳng dài.
Mừng thấy trùng dương nên chẳng phụ,
Muộn chưng thì-tiết hãy đeo đai.

(Hồng-đức..., tờ 43 b).

Mẫu đơn

Dưỡng cần vườn tiên của lạ nhường,
Trăm hoa tươi tốt đã khiêm nhường.
Thức tươi chiếm được xuân thiên-hạ,
Giá trọng kham khoe đất Lạc dương.
Khắp công đời khen quốc-sắc,
Hơn chưng bạn khải hoa-vương.
Dầu thêm hay thốt hay cười nữa,
Thấy mặt đau lòng uốn đoạn-trường.

(Hồng-đức..., tờ 43 b-44 a).

Mai thụ

Lối cành mai chiếm một chồi,
Tin xuân mây-mẩy điểm cây mai.
Tinh thần sáng, thuở giăng tạnh,
Cốt-cách đông, khi gió thổi.
Tiết cứng trượng-phu tùng ấy bạn,
Nết trong quân-tử trúc là đôi.
Nhà truyền thanh-bạch chăng từng khỏi,
Vậy xứng danh thơm đệ nhất khôi.

(Hồng-đức...,tờ 44 a).

Lão mai

Dòng-dõi giang-lăng tiếng đã đồn,
Già còn hơn nữa thuở còn non.
Xuân thêm cốt cách hương càng bội,
Tuyết giúp tinh thần ngọc hãy còn.
Kể mặt hay thông đều bạn tác,
Theo chân xem bảng những em con.
Tiết là đá sắt thêm khoe muộn,
Sực nức danh thơm kiếp chẳng mòn.

(Hồng-đức..., tờ 44 a-b).

Tảo mai

Vườn xuân dòm-dõi đã chầy ngày,
Lẽ có làm bô biết được hay.
Hoa bạc phau-phau xâm khí tuyết,
Nhị xanh yếu-yếu nhạt hơi may.
Tỏ-tường phòng khách khi đầm-ấm,
Lậu tiết lòng xuân đoạn đắng-cay.
Kham hạ điền canh còn để đợi,
Kẻo còn đào mận những thày lay !

(Hồng-đức..., tờ 44 b).

Thủy-trung mai

Nước kia leo-lẻo đã vô tình,
Mai hiện thưa thưa hết tấc thành.
Giá khôn dời, cành đủng-đỉnh,
Giăng dễ thấy, bóng long-lanh.
So cô-dịch quần in tuyết,
Cách Vương-Duy bút vẽ tranh.
Nhẫn-nhủ đội già càng cốt cách,
Dầu đầm chẳng nát thức xanh-xanh.

(Hồng-đức..., tờ 44 b).

Họa mai (bài thứ nhất)

Hoa lãn xưa nên thuở dốc sương,
Chẳng tàn chẳng cũ hãy phong quang.
Cài hiên nhác ngỡ tiên cô-dịch,
Choáng bóng ngờ là chúa thọ dương.
Đêm có mây nào quyến nguyệt,
Ngày dầu gió biếng đưa hương.
Tinh-thần nhẫn-nhủ xem càng lạ,
Đông chọn đông, dầu xuân một nhượng.

(Hồng đức..., tờ 45 a).

Họa mai (bài thứ hai)

Thanh-qui bằng mai ít kẻ lầy,
Hình-dung mạc được lạ lùng thay !
Nguyệt hằng đeo đuổi xuân hằng giỡi,
Sương chẳng phao tung, tuyết chẳng dời.
Thức tốt rồi, người dễ thấy,
Mùi hương đượm, thể khôn hay.
Ngộ thường lại có nơi hơn nữa,
Hoa nở cây nên cũng một ngày.

(Hồng-đức..., tờ 45 a).

Tùng thụ

Tán xanh đột-đột diệp hư-không,
Qua mấy trăm thu thuở bão bùng.
Tiết cứng chẳng kinh sương tuyết biết,
Tài cao dưỡng để miễn đường dùng.
Kỳ viên giống lạ nào so kịp,
Xấu-lĩnh danh thơm dễ sánh cùng !
Càng thấy tam công đeo chức trọng,
Trượng phu há những chịu Tần phong !

(Hồng đức..., tờ 45 a-b).

(Xem tiếp trang 36)

Nhân tết đến chúng tôi nói tới :

TỪ TINH-THẦN QUỐC-GIA CỦA DÂN NƯỚC VIỆT-NAM ĐẾN SỰ THỐNG-NHẤT CỦA NƯỚC ẤY

Mãn-Khánh DƯƠNG KỲ

1 — Tinh-thần quốc-gia của dân-tộc Việt-Nam nhóm lên trong thời-kỳ nào, và vì những nguyên-nhân gì ?

Với tài liệu hiện có, thực chưa thể nào biết cho đích xác tình-hình chính-trị, sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam đời xưa, nhất là trước thời-kỳ Bắc-thuộc. Tuy vậy, ta cũng có thể tưởng-tượng, không khỏi lầm lắm, hồi bấy giờ đang sống dưới chế-độ phong kiến.

Vì giao-thông khó-khăn, vì núi sông cách trở, nên trong nước chia ra từng khu-vực, tại mỗi khu-vực có một bộ-lạc tự-trị ở. Sử cũ ta còn chép tên mười lam bộ-lạc ấy là ; Giao-chỉ, Châu-diên, Võ-ninh, Phúc-lộc, Việt-thường, Ninh-hải, Dương-toàn, Lục-hải, Võ-định, Hoài-hoan, Cửu-chân, Bình-văn, Tân-hưng, Cửu-đức và Văn-lang. « Văn-lang tức là chỗ vua đóng đô » (1).

Vua? Hay là một tù-trưởng mạnh hơn các tù-trưởng khác. Ngoài khu-vực của mình, quyền của vua chắc là không bao nhiêu. Mỗi tù-trưởng giữ toàn-quyền cai-trị bộ-lạc của mình; cho đến quan chức cũng cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Còn chính-trị và nhân-dân thì chắc cũng như Tô Tung đã nói : « Thà giây làm chính-trị, dân không dối-trá lừa-gạt nhau » (2), tuy họ đã biết dùng cơn nước lên xuống mà cấy cày. Thay triều đổi họ vua luôn luôn, nhưng chế-độ phong-kiến cũng không phải vì thế mà thay đổi.

Khi người Tàu sang, thì chắc hẳn không vội tìm cách thống-nhất lại làm gì, vì họ cần để trong nước chia-rẽ cho dễ cai-trị. Chính sách người Tàu tàn-ngược thế nào điều ấy ai cũng biết. Đang lúc Giao châu quằn-quại trong vòng nô-lệ, cũng có những vị anh-hùng bản-xứ nổi lên đánh lại người Tàu, nhưng sở-dĩ không thành-công, hoặc giữ không được lâu dài, là vì trong nước còn chia-rẽ, người nước chưa đồng-tâm, tinh-thần quốc-gia chưa có.

Nhưng ở đời còn gì làm cho ta giác-ngộ bằng đau-khổ. Mà có dân-tộc nào khổ-sở bằng người Việt trong lúc bị Tàu đô-hộ. Nào là người Tàu bóc-lột, nào là người Tàu chia ra phe đảng (nhất là những lúc bên Tàu có loạn) đánh nhau trên đất ta. Những năm mà không thấy sử chép chuyện gì, chính là những lúc người Việt im hơi lặng tiếng, nhẫn-nhục cho qua ngày. Nhưng sự nhẫn-nhục của người, dù cho người Việt nữa cũng có hạn ; đến khi chịu không nổi, lại nảy lên một sức phản-động rất mạnh : chém giết thuộc-hạ các thứ-sử thái-thú, để mà bị đàn-áp một cách dã-man. Lại thêm người Nam-chiếu phía Tây-Bắc, người Mã-lai ngoài biển leo vào, nhất là người Chàm ở trong Nam, luôn luôn đến đánh-phá cướp bóc. Các trạng-huống ấy thay đổi nhau liên-tiếp, lại có khi dồn-dập chất-chồng một lúc trên đầu dân Việt.

Những thống-khổ ấy, ngày nọ sang ngày kia, làm cho dân Việt nẩy chí tự-vệ, rồi lần-lần thiết-tha yêu mảnh đất, mà muốn sống trên đó, họ đã phải chịu bao nhiêu nỗi đau-khổ điêu-linh.

Họ thấy rằng cần thương yêu đùm bọc lấy nhau, cần họp sức lại, mà hy-sinh đổi cho được quyền tự-chủ để, ở trong, tránh khỏi vòng nô-lệ quá cay-nghiệt của người Tàu, ở ngoài, có đủ sức chống với quân Nam-chiếu, quân Mã-lai, nhất là quân Chàm, mỗi ngày mỗi quật-cường tàn-ác.

Lòng thương đất nước thương giống nòi ấy, được cùng với thời-gian un-đúc thêm, củng-cố thêm, nhất là sau khi có mấy đấng anh-hùng đã để lại những kỷ-niệm sán-lạn huy-hoàng trên đất nước : như các bà Trưng Triệu, các vua Lý-Nam-đế, Triệu-Việt-vương, Mai-Hắc-đế và Bố-cái Đại-vương...

Vả lại, những trận đánh Tàu, Chàm, Mã-lai, Nam-chiếu, lại là những trường cho người Việt tập can-đảm, những cơ-hội cho người

Việt thấy rằng dân-tộc mình cũng không đến nỗi quá đớn-hèn, rồi lần-lần tin vào sức mình, nẩy chí tự-cường, tự-thủ.

Trong lịch-sử thường có những kết-quả mà giai-cấp thống-trị không thể ngăn-cản được, dù cho quỷ-quyệt tàn-ác như phần đông các ông Thứ-sử, Thái-thú Tầu. Các chú con Trời ấy có muốn hay không, dân-tộc Việt Nam vẫn hấp-thụ được văn-minh Trung hoa. Rồi lần lần chế-độ phong-kiến cáo chung (3), dân trong nước hiệp-nhất và có một tinh-thần quốc gia rõ-rệt và mạnh-mẽ, đến nỗi có thể giúp Ngô-Quyền gây lên nền độc-lập lâu-dài và vững-chãi. Nếu lúc bấy giờ, nước Việt ta chưa hợp-nhất, tinh-thần quốc-gia chưa có, thì sự-nghiệp của Ngô-Quyền chắc cũng như sự-nghiệp của các bậc anh-hùng tiền-bối, nhóm lên rồi tắt, hoặc, dù giữ được, thì chẳng bao lâu phải đổ sụp tan tành trước sự tấn-công của người Tầu hùng-cường và tàn-ác.

Hai trăm năm sau, khi nước Việt đã thoát khỏi ách đô-hộ của người Tầu, Lê-văn-Hưu, nhơn đọc sử đến đoạn nói về cuộc đô-hộ ấy, đã để cả tâm-hồn, viết một câu ý-nghĩa như sau này (4):

(Xem sử đến thời nước Việt ta vô-chủ, bị Thứ-sử Tầu không tốt làm khổ, Bắc-kinh lại xa, không thể kêu-ca được, bất-giác vừa thẹn vừa buồn. Rồi ước mong thấy có người tinh-thành như Minh-Tông đời Hậu Đường 5, thường đốt hương khấn Trời, xin vì nước Việt sớm sinh thánh nhân, lên làm vua, tự cai-trị lấy nước mình, để tránh khỏi người Tầu bóc-lột).

Ước-mong của Lê-văn-Hưu, chắc hẳn cũng là nỗi lòng của dân Việt trong lúc nội-thuộc Tầu; mà có lẽ họ còn mong-mỏi thiết-tha hơn nữa, vì chính họ là người trong cuộc, đang ngậm đắng nuốt cay, chờ ngày giải thoát.

XUÂN VƯỜN CŨ

Gió xuân sực tỉnh hoa đào nở,
Trên những cành tơ nhựa ứa đầy.
Xuân đã về đây xuân đã đến,
Với muôn ngàn sắc dệt muôn cây.

Liễu mượt, hồ xanh, nước đậm bờ,
Oanh vàng riu rít điểm lời thơ.
Và đôi ngan trắng trong hồ rộng,
Lặng ngắm xuân sang vẻ thẫn thờ.

Cỏ cũng như hoa chẳng kém tươi,
Từng đôi cánh bướm nhởn nhơ hoài.
Từng giây mưa bột rơi trong nắng,
Điểm trắng cành mai những cành mai.

Lòng ai phơi phới như hoa ấy
Xuân đượm lòng ai dễ mấy ngày.
Vườn cũ hoa xuân giờ lại nở
Ai về vườn cũ nhớ ai đây.

HUY-TẢN

11— Hiệu-lực của tinh-thần quốc-gia và sự hợp-nhất.

1) Gây nền độc-lập.

2) Bắc-cự.

3) Nam tiến.

Gây nền độc lập — Trong nước đã hiệp nhất, tinh thần quốc gia đã có, chẳng bao lâu người Việt giành lại được quyền tự chủ. Lãnh đạo phong trào tự chủ hồi bấy giờ, là nên kể nhà họ Khúc: Khúc-Thừa-Giụ (906-907) Khúc-Hạo (907-917), Khúc-Thừa-Mỹ (917-923) kế nhau làm Tiết-độ sứ, tuy danh thì phụ thuộc vua Tầu, nhưng thực thì đã tự trị. Rồi đến Dương-Diên Nghệ làm Tiết độ sứ; nhờ rằng oanh liệt và có công nhất là Ngô Quyền phá quân Nam Hán ở sông Bạch-đằng, giết tướng Tầu là Hoằng-tháo Cha Hoằng Thảo (vua Nam-Hán) đem binh tiếp viện

(Xem tiếp trang 38)

1) *Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ quyển 1, Hùng vương.*

2) *Việt Giám thông khảo tổng-luận, viết mùa thu năm Hồng-thuận thứ 6 (1515)*

3) *Đến cuối đời Ngô 965 có loạn Mười hai Sứ-quân mỗi Sứ quân xưng độc lập mỗi nơi. Đó là dư-hưởng yếu-ớt và chót ít tàn (966-976) của chế độ phong-kiến cũ*

4) *Đại-Việt Sử Ký Toàn-Thư, ngoại kỷ quyển 111, thuộc Đông-Hán kỷ.*

5) *Lê văn-Hưu nói bong đến việc vua Đường minh Tông bên Tàu. Vua này, nguyên là dòng dõi họ Sa đã rợ Tây-Đột quyết, làm vua ở Tàu trong đời Ngũ Đại Minh tông thấy trong nước loạn lý, thường khấn Trời, xin sinh ra người Hán có tài để làm vua Trung nguyên, ngõ hầu dân Hán được yên ổn*

Cánh hoa đào

« Vấn quân hà nhật qui,
Quân chỉ đào hoa hồng...»
(Chinh phụ ngâm)

Tặng Quỳnh-Như trong
thơ Phan khắc Khoan

Hôm nay lầu Thúy-Khuê
hớn hở đón xuân về.
Thềm hoa chan chứa nắng...
— Khách lạ bao giờ về ?
Em đếm cánh đào tươi,
Gió vin cành lả lơi.
Kề hoa bên má phấn,
vin hoa em đợi người...
Lòng em không bợn sầu,
lâng lâng nở nhị đào.
Hương bay tìm nhủ bạn
rằng : em đợi xuân sau.

***

Xuân sau chàng trở lại.
Nắng vàng rơi vương vãi
theo gót hài văn-nhân,
dưới rặng hoa năm ngoái
Đôi má em nóng bừng,
sau mành em đứng trông ;
dưới hoa, chàng cất bước ...
— Văn-nhân cũng thẹn-thùng !
Trên cành hoa lả lướt
hôn nhanh vai áo chàng.
Họa-mi lên tiếng hót :
Lòng em bỗng rộn ràng.

Me em bảo lấy chồng,
em vẫn chối rằng : không !
Sớm nay xuân đẹp quá,
em thấy em dối lòng.
Trên cành chim mỉa mai,
hoa đào cười lả lơi.
Sau mành em thẹn bóng,
đón ai em ngượng lời.
Muốn hỏi chàng đi đâu,
em không tìm thấy câu.
Hình như chàng cũng vậy,
ngẩn ngơ dưới bóng đào.
Thăm hoa chưa được phép,
bên hoa chàng khép nép
như cô gái mười lăm,
như sợ vì... hoa đẹp !
Me em ở trong nhà,
Me em vừa mới ra,
thoáng thấy chàng trai trẻ
cúi đầu nép dưới hoa...
Me cười, me gọi em :
« Thúy hỡi ! chạy ra xem
« ai hỏi ngoài kia đó...»
— Nhưng em đành lặng im.
Vì em thấy con tim
bỗng nhiên làm sao ấy !
Em vội trốn sau rèm,
Không để me trông thấy
rằng... em đã ngắm chàng,
cùng với gió đông sang,
cùng hoa đào chúm chím,
niềm nở đón tân-lang.

Nhưng rồi xuân lại xuân,
đào-hoa nở mấy lần.
Mấy lần, trong xác pháo,
mưa lệ : máu đầy sân !
Ai đem dòng lệ cuối
tưới lên mùa xuân ấy ?
Khăn đào phong xác hoa,
đợi người không trở lại !
Sớm nay ngồi chải đầu,
em khóc bên hoa đào...
Me em cười chẳng nói,
lặng lẽ me trở vào.
Em muốn ôm lấy me
kể lể niềm sau xưa ;
thấy hoa em lại tủi,
rồi lệ đầu chan hòa !...
Trên lầu vang tiếng mõ,
tiếng kiểng đưa nho nhỏ,
me em ngồi tụng kinh.
— Me ơi ! Me có rõ
nông nỗi kẻ phương trời ?
Hoa đào rơi lại rơi...
Lòng con bên gối mẹ
từng mảnh rụng tơi bời.

***

Rồi một hôm pháo nổ,
em bừng tưởng xuân sang
Giấc mộng hoa tan vỡ...
— Bao giờ em gặp chàng !
Rồi lợn quay, giầu, nem,
rồi bao nhiêu người xem...!

Em nhìn qua ngấn lệ
người mặc áo màu lam !

***

Thế rồi xuân lại xuân,
đào hoa héo hẻo dần.
Mơ tàn trong cánh thắm,
chàng rồi bước trần gian...
Đêm nay mơ chàng về !
Hoa đào cười hả hê,
chôm cau chĩm tíu tít
rắc hoa cau xuống hè...
Giữa lúc vàng tung nở,
lư trầm nghi ngút nhang,
giữa khi say lệ nhớ,
đôi tim mỹ vội vàng...
Bỗng đâu đây pháo nổ,
em vội ôm lấy chàng.

***

Bừng tỉnh giấc yêu đương,
trong tay chồng, nức nở.
Nặng trĩu muôn trời sương,
Hoa đào bay khắp ngõ

NGUYỄN ĐAN TÂM

Các nơi trường thi và cách xếp đặt

TRONG TRƯỜNG THI NAM-ĐỊNH

TRẦN-VĂN-GIAP, bác cổ

Vấn đề khoa-cử là một thiên trọng yếu cần thiết trong văn-học-sử và văn-hóa-sử nước Việt-nam nhà. Chính đó là cái cơ quan nung đúc nhân tài của xứ mình. Trong khoảng mấy trăm năm, biết bao nhiêu danh-nhân, phần nhiều đều do đó mà ra: văn-nhân mặc-sĩ cũng có, danh-thần lương-tướng cũng có, đầy dẫy trong sử sách, ít người là không do khoa mục. Nói về nguồn gốc và sử-sự khoa cử, có lẽ mấy quyển sách cũng chưa chắc đã phân minh. Nay xin nói qua về các nơi trường thi. Về thi hội và thi đình thì bất cứ đời nào, nước Tàu cũng như ở nước ta tất là ở nơi đế đô. Về đời Lý, Trần, Lê đóng đô ở Thăng-long thì thi hội thi đình tất ở Hà-nội bây giờ; về bản-triều định đình ở Huế thì đại khoa cũng thi ở Huế. Còn đến thi hương là chọn lấy người vào thi đại khoa, nên phải có trường ở nhiều nơi. Thi hương mới có thể-lệ từ đời Lê Thánh-tôn nên cũng chỉ từ đó mới có đặt ra các trường, những tỉnh to thì mỗi tỉnh có một trường, còn các tỉnh nhỏ thì một hai tỉnh thi chung một trường; mỗi khoa trường thì lấy đỗ nhiều, trường thì lấy đỗ ít là tùy sĩ-số từng nơi.

Về đời Lê, cả nước ta tất cả có chín trường: Hải-dương, Sơn-nam, Tam-giang, Kinh-bắc, Thanh-hóa, Nghệ-an, Thuận-hóa, An-bang, và Tuyên-quang. Trường thi của ta về đời Lê thì mỗi khoa làm một lần, ch có nhà gianh và rào nứa. Bốn phía ngoài cùng trường thi thì rào tre nứa thật kín, trong trường chia làm bốn lần: lần thứ nhất ở trong cùng là nơi các quan Đồng-khảo, Phúc-khảo cùng Giám-khảo ở; lần giữa là nơi ở của các quan đề-điệu giám-thí cùng các quan dự vào việc thi; hai lần ấy thì đều rào phên tre thật kín. Hai lần ngoài là chỗ cho học-trò vào thi, lần nọ cách lần kia chỉ bằng cái rào nứa thưa, giữa có hai con đường thành hình chữ thật, có một cái nhà tre ở giữa để làm nơi thu quyển gọi là nhà *Thập-đạo*. Nhưng cách thức ấy không giống ở Tàu cho nên trong sách *Sứ giao kỷ sự* của ông Chu Xán làm khi sang sứ ta vào hồi Lê, có chép: « (Nước Nam) thi cử không có nhà cửa, (học-trò) ở trong lều tre, ngồi đạp xuống đất mà viết... ».

Về bản-triều khoa thi hương thứ nhất là khoa Đinh-mão năm Gia-long thứ sáu (1807), cả nước có sáu trường: 1) Nghệ-an, 2) Thanh-hóa hợp thi cả học-trò Ninh-bình; 3) Kinh-bắc là Bắc-ninh Bắc-giang bây giờ hợp thi cả Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bằng; 4) Hải-dương hợp thi cả Quảng-yên; 5) Sơn-tây hợp thi cả Hoài-đức, Tuyên-quang và Hưng-hóa; 6) Sơn-nam hợp thi cả Sơn-nam thượng, hạ, trường thi ở làng Hoa-dương, huyện Kim-động gọi là trường Hiến-nam. Đến năm Gia-long thứ 12 khoa Quí-dậu đặt thêm trường Quảng-đức tức là trường Thừa-thiên sau này, hợp thi cả Gia-định, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa; và trường Thăng-long, tức là Hà-nội sau này hợp cả Kinh-bắc, Sơn-tây, Hoài-đức, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bằng. Còn trường Sơn-nam thì Hải-dương, Quảng yên hợp thi.

Từ đó về sau, từ Nam ra Bắc thỉnh-thoảng lại có thay đổi, hoặc đặt thêm trường, hoặc đổi tên trường, hoặc tỉnh nọ đổi thi trường kia, nói ra đây sợ rườm-rà quá, chỉ xin nói về sự biến thiên của trường Nam và trường Hà vì sau này cho đến mãi hồi kết cục hai trường hợp một.

Năm Gia-long thứ 18 là khoa kỷ mão, trường Sơn-nam tức là trường Nam sau này hợp thi với tỉnh Hải-dương, Quảng-yên, di trường xuống đất Vị-hoàng gọi là trường Vị-hoàng. Năm Minh-mạng thứ 6 (1825) khoa ất-dậu là năm bắt đầu có tên cử-nhân và tú-tài về bản-triều mới theo tên tỉnh mà gọi là trường Nam-định, gọi là trường thi Nam-định là bắt đầu từ đây. Năm Minh-mạng thứ 12 khoa giáp-ngọ, chuẩn định ở Bắc-kỳ đặt hai trường: 1) Trường Hà-nội thì hợp thi cả các tỉnh Hà-nội, Sơn-tây, Bắc-ninh, Thanh-hóa, Ninh-

bình, Cao-bằng, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-sơn cộng là 10 tỉnh; còn Nam-định, Hải-dương, Hưng-yên, Quảng-yên thì thi ở trường Nam-định. Năm Kiến-phúc giáp-thân (1884) sau khi có việc ở Bắc-kỳ, các trường thi chưa kịp sửa-sang nên cả trường Hà trường Nam hợp là một mà phụ thi ở trường Thanh-hóa, chính khoa này cụ Thám Vũ Phạm-Hàm đỗ thủ khoa mà ta thường gọi là khoa Thanh. Ấy là trường Hà trường Nam hợp một nhưng chưa thi ở Nam-định; đến ân khoa năm Đồng-khánh bính-tuất, hợp trường Hà, Nam và Ninh-bình là một mới lại thi ở Nam-định, rồi sau nhân loạn lạc, khoa Đinh-hợi ở Bắc lại hoãn, mãi đến năm mậu-tí, trường Hà trường Nam hợp thi là một, từ đó về sau thành lệ cho đến khoa kết-cục. Đó là đầu đuôi trường thi ở Nam, tóm lại trường thi có ở đất Nam trước tiên là trường Vị-hoàng từ năm Gia-long thứ 18 đến năm Minh-mạng thứ 6 thì trường ở đất Nam mới gọi là trường Nam-định.

Cách xếp đặt ở nơi trường thi (xem bản đồ), sang bản triều từ Gia-long, Minh-mạng vẫn theo như thể-lệ triều Lê, mỗi khi đến khoa thi thì sửa-sang làm nhà gianh rào nứa, thi xong lại phá bỏ đi. Đến năm Thiệu-trị thứ ba bắt đầu sửa-sang trường thi ở Thừa-thiên là trường Ninh-bắc làm ở trong thành để làm nơi thi hương cùng thi hội, thể chế rất chỉnh-đốn. Các nhà quan Chánh, Phó chủ-khảo và Chánh Phó đề-điệu cùng nhà thập-đạo cộng là 7 tòa, mỗi tòa một gian hai chái; chín tòa mỗi tòa ba gian hai chái để cho các quan Giám-khảo, sơ-khảo, thể-sát, mật-sát và lại-phòng ở Ngoại-trường; thí viện đường, công-sảnh các quan đề-điệu cùng các lại-phòng nội-trường thì có 3 tòa mỗi tòa năm gian hai chái; hai tòa mỗi tòa sáu gian hai chái, để cho các quan sơ-khảo, mỗi nhà đều có mở cửa ra đằng sau và có các nhà phụ tùng. Các nơi cửa trường có giồng hai cái cột.

> **Thống chế Pétain đã nói:**
>
> *Dân Pháp tin bản-chức cũng chưa đủ, lại phải tự tin nữa mới được. Mỗi người Pháp phải giúp ta một tay. Thời kỳ tư lợi đã qua, ngày nay chỉ có công tâm mới đáng kể*

Chung quanh trường, chung quanh nhà quan đề-điệu, chỗ nhà thập-đạo giáp bốn vi, nhà quan Giám-khảo giáp nhà các quan Sơ-phúc khảo đều có xây tường kín. Trong bốn vi làm 7 dãy nhà dài mỗi dãy 17 gian, để cho học-trò, thi hương thì mỗi gian 4 người, thi hội thì hai, ba gian một người. Các nhà đều lợp ngói cả. Đó là trường thi ở Huế làm năm Thiệu-trị thứ 3. Sau khi làm xong trường thi ở Huế, có chỉ bắt các trường Gia-định, Nghệ-an, Hà-nội, Nam-định cũng theo như mẫu ấy, duy chỉ có trong tám vi chỗ các học-trò làm bài thì không có nhà ngói, nhà lá gì cả. Vậy trường thi ở Nam-định ở vào khu nào và làm từ bao giờ? Trường Nam làm từ năm Thiệu-trị thứ 5 (1845) ở làng Năng-tĩnh, vòng quanh cả thảy 214 trượng (53 thước rưỡi tây), nguyên có tường cao 5 thước ta, trong trường cả thảy có 21 tòa nhà lợp ngói để các quan ở.

Đại khái trường thì chia ra làm ba ngăn, ngăn trong cùng là nội-trường, giữa là ngoại-trường, ngoài cùng là nơi học-trò làm bài thi.

Nội-trường ở giữa có nhà giám viện là nhà để các quan nội-trường hội-đồng, hai bên có hai nhà quan phúc-khảo, sau hai nhà Phúc-khảo mỗi bên có hai nhà quan Sơ-khảo, sau nhà Sơ-khảo có nhà quan Giám-sát để coi các quan Nội-trường.

Ngoại trường ở giữa có thí viện là nhà các quan ngoại-trường hội-đồng, bên tả nhà quan Chánh khảo, bên hữu nhà quan Phó khảo, ngoài nhà các quan Chánh, Phó khảo mỗi bên có một cái nhà quan Chánh Phân khảo và Phó phân khảo. Sau nhà Chánh-khảo và Chánh phân khảo có nhà quan giám-sát rồi nhà lại-phòng; sau nhà hai quan Phó cũng có nhà lại-phòng. Trong ngăn ngoại-trường về phía giáp Nội-trường lại có một ngăn xây kín bốn mặt là nơi các quan để tuyển giữ quyển thi và kháp phách. Ở giữa có đình Đề tuyển sau có nhà lại-phòng, hai bên là nhà quan Chánh đề-tuyển và Phó đề-tuyển. Ngăn ngoài cùng là trường thi, chia làm 8 vi, có một con đường chữ thập ngăn cách 8 vi, giữa đường chữ thập có một cái nhà gọi là nhà

(Xem tiếp trang 34)

TRI-TÂN

MỘT ĐÊM GIAO-THỪA RÙNG RỢN

Kính tặng hương-hồn em Hoài-Châu

Ký ức của TIÊN-ĐÀM

Vào khoảng năm 1912, thày tôi làm việc ở tỉnh Yênbay, hồi ấy tỉnh chưa mở mang nha-môn dựng trên một trái đồi, trước mặt trông ra chợ, chung quanh tỉnh hãy còn rừng núi cả.

Mỗi khi mặt trời tà, màn sương trắng phủ các đỉnh đồi núi chung quanh, khí núi bốc lên nghi ngút là lúc ai ai cũng vào trong nhà đóng chặt cửa lại vì đã đến giờ các ác thú (nhất là hổ) hay xuống giạo chơi trong tỉnh.

Ở nha-môn cũng thế, sau hồi trống thu không — một hồi trống đỗ rồn đều đều làm vang động cả thung-lũng — anh em chị em chúng tôi cũng đều ở trọng tư-thất đóng chặt cửa lại nhất là đêm ấy — một đêm cuối năm — tối đen như mực.

Thày tôi còn đi kinh lý chưa về, ở nhà chỉ có mẹ tôi ngồi khâu cạnh cây đèn dầu, vừa khâu vừa nghe em nhỏ tôi kể truyện Quan Âm thị kính, quanh đấy, chúng tôi họp nhau chơi đùa và sắp những giấy hoa-tiên, bút mực để mai khai bút.

Cả nhà chỉ còn chờ thày tôi về là cúng giao-thừa.

Trong cái không-khí thơm ngào-ngạt những trầm cùng hương một gia đình sum họp vui vẻ chuyện trò, chuyện xa từ quê nhà bên Bắc đem lên, chuyện gần công việc hàng ngày nói lại, chỉ những vui là vui...

Lúc ấy, khoảng 10 giờ đêm, gió bắt đầu thổi mạnh, u già co ro từ dưới bếp đi lên, nói với mẹ tôi :

— Bẩm bà, đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm... tiết sẽ thuận... ra năm mùa màng chắc tốt...

Mẹ tôi cũng gật đầu ừ ừ nhưng vẫn cặm cụi làm việc.

Hết cơn gió, đêm lại tĩnh, thỉnh thoảng có tiếng vạc kêu sương, và xa xa tiếng mõ ở vọng canh bên trại lính đưa lại... ngoài giời, chắc cảnh vật rừng núi âm u lắm.

Trong phút ấy, tôi có cảm giác, rờn rợn, nhìn ngọn đèn, nhìn trộm mẹ tôi, rồi hơi lo... rồi sợ; thì quả-nhiên, ngọn đèn bỗng xanh lét, gió lại bắt đầu thổi rít, tiếng hú qua các khe cửa, rồi ngoài hiên bỗng như có tiếng gì ầm-ầm, tưởng như người chạy, mẹ tôi, các em tôi đều im bặt cả đứa em tôi sợ quá đã sắp khóc ; tiếng ầm-ầm vẫn liên tiếp, rồi một sự làm chúng tôi khiếp quá là qua cái nan cửa chớp gẫy một vật gì giải lòng thòng vừa to, vừa lông lá thò vào quay tít mấy vòng, rồi mấy vòng.. chúng tôi cùng thét lên một tiếng... đèn bỗng tắt phụt tiếng ngoài hiên vẫn chạy ầm ầm như đuổi nhau.

Mẹ tôi là một người rất can-đảm gọi u già thắp đèn lên và gắt chúng tôi.

— Im ngay... không có gì sợ cả... chắc đứa nào ở dưới trại dọa các con đấy !

Đèn thắp, các em tôi ngồi chụm vào với nhau trong một só, mặt tái mét, tay vẫn còn run, em tư tôi đã quấn tròn trong chiếc chăn đỏ, thò hai mắt ra, tay còn cầm đầu chăn định lại thụt vào, còn tôi vì khiếp quá, vứt cả hoa tiên, quên cả mấy câu thơ sáo đã nghĩ để khai bút... tôi chui luôn xuống gầm hương án thờ trong trí khờ-khạo cho là đã có các cụ che trở...

Đến 11 giờ đêm, có hồi trống báo, thì ra thày tôi vừa về, may quá ! Thày tôi vào ngay tư-thất, thấy cửa ngõ đóng chặt, gọi mãi, mẹ tôi vội rục mở cửa, thày tôi vào, hãy còn thấy chúng tôi nháo-nhác, lấy làm lạ, hơi cau mày, hỏi :

— Chúng bay làm gì mà co-ro thế ! Đã bảo cái Truyện đun nước sắp pha nước cúng giao-thừa chưa ?

Nghe tiếng thày tôi, lại thêm có cái đèn lồng vuông lắp kính chiếu sáng mà một tên lính sách theo, em Tư tôi từ trong chăn nhoi ra, xuống đất, tôi cũng ở hương án chui ra, thày tôi trông thấy bật cười hỏi mẹ tôi vì lẽ gì chúng tôi lại như thế... Mẹ tôi kể qua việc vừa sảy ra, thày tôi chỉ mỉm cười quay ra hỏi thày đội lệ đi theo đó có biết như thế là nghĩa làm sao.

Thày này — chừng đã đánh chén say đi ngủ từ chập tối — nghe hỏi hãy còn ngái ngủ, với một giọng khản-khàn gãi tai nói :

— Bẩm... bẩm ngài ở đây có thần đất thiêng lắm !... Khi trước quan nguyên cũng có thấy như thế... rồi sau Bà lớn cũng phải cúng tiễn...

— Hừ... thày tôi ngắt nhời thày đội rồi nghiêm nghị bảo ngay :

— Làm gì có sự hoang-đường như vậy, ai bảo thày thế... thôi thày lại mê ngủ rồi... cho thày đi nghỉ.

Rồi, cha tôi đi thay áo, làm lễ giao-thừa... cái tết vừa bị sự khủng khiếp tưởng đã giảm vui lại trở lại với cái không khí êm đềm...

Mồng một — sáng hôm sau — anh em chúng tôi giậy sớm, sắp quần áo nhưng còn một việc rửa mặt vẫn không anh nào giám ra sân, cứ anh nọ đùn anh kia đi trước... ngoài giời hãy còn sâm sẩm... những chậu nước mùi đã chờ cả ngoài hiên mà không có ai can-đảm ra trước, sau cùng mẹ tôi phải gắt chúng tôi mới kéo ra cả cho đỡ sợ, rồi rửa vội rửa vàng lại thụt vào ngay.

Sáng rõ chúng tôi mới giám lên nhà trên mừng tuổi thày tôi và theo thày tôi ra công-đường khai bút.

Đến cái phút này mới trịnh trọng lắm sao ! Thày tôi — một nhà nho — bắt chúng tôi mỗi người phải viết một câu thơ về mùa xuân đã học, cổ-phiên là thơ cổ, viết lên dữa tờ giấy hoa-tiên đỏ, rồi đề niên hiệu và ký tên, dưới chữ tên có biên thêm mấy chữ « khai bút đại cát » — Chúng tôi đã ngồi cả ra chàng kỷ, nhưng vì đêm trước phải một mẻ sợ, tôi bị kích thích quá sáng vẫn còn hồi hộp chẳng nhớ ra câu nào cả, cứ cầm bút mân mê mãi... Thày tôi ngồi ở sập, bên chiếc kỷ trắc có lư-trầm nhẹ tỏa mùi hương... đang rung đùi se sẽ ngâm thơ... quay ra phía chúng tôi... nhìn... tôi lo quá... vội viết nay một câu mà tôi sực nhớ :

Xuân du phương thảo địa

các em tôi lần lượt trình giấy khai bút, đến tôi, thày tôi chỉ hừ một cái rồi bằng một giọng rất nghiêm ngài nói.

— Sao con viết câu này..! bình nhật con học đã lười .. chỉ nghĩ đến truyện đi chơi thôi... nhưng hôm nay Tết ừ cho đi chơi...

Tôi sung sướng quá vì không ngờ hôm nay thày tôi lại rễ rãi thế có lẽ vì Tết... nếu phải ngày thường thì đã « ôm » ghế rồi (phải đòn nằm ôm vào ghế đầu).

Thế là thoát nạn khai bút lại được phép đi « du xuân », tôi chạy một mạch sang trại lệ tìm thày đội để hỏi về câu truyện đêm qua, câu truyện mà thày đã « bẩm ».

Thày đội đang nằm lim-dim cạnh bàn đèn, thấy tôi vào, ngồi nhỏm giậy, ngồi dựa vào gối mời tôi ngồi chơi, tôi hỏi ngay :

— Hôm qua, thày nói chuyện ở đây có thần đất... thần đất thiêng lắm... phải không thày ?

— Vâng ! Cậu không biết... nằm trước có một quan nguyên không cúng lễ, cậu cả đi học về trèo lên cây táo chơi... ngã đây !

Tôi có vẻ sợ... ngồi im.

Ngay lúc ấy, anh Cai Truyện vừa hầu trà xong, xuống trại tìm điếu cầy hút, thở khói, mắt lim-dim, thấy tôi ngồi thừ đấy, anh hỏi tôi.

— Sao cậu không đi ra chợ mà xem...

— Xem gì hở anh ?

— Xem những vết chân « ông kễnh » (1) to bằng bát chiết yêu một, mà lạ lắm vết ấy đi vào sau dinh... cậu ạ...

— Thế à ! Ghê nhỉ !

— Cậu có đi, tôi đưa đi xem ? ..

— Chịu thôi !

— Ô kìa ! sao lại chịu... ông kễnh ở đây có ai sợ đâu, sao cậu rát thế ! nghe đâu hôm qua, ông chỉ cõng mất có con lợn con của thày phó đội... rồi qua dinh, vụt ra chợ, lẩn thôi mà

— Thế à ! Ừ thì đi, nhưng anh dặt tôi nhớ... không được dọa... nếu dọa.. tôi mách thày tôi...

Thế là chúng tôi ra phố... ra chợ, chúng tôi theo vết chân, có chỗ tròn như cái bát, có chỗ đất ướt, hay rẻo còn hằn cả ngón chân, rõ ràng lắm... theo ấn xét ấy mà đi thì thấy quả đi vào dinh thật mà ghê nữa là ở vườn hoa, cạnh nhà tư thất, cũng có nhiều vết.

Tôi đon đả chạy vào nói chuyện cho mẹ tôi nghe, mẹ tôi thản nhiên rồi cười bảo tôi.

— Con có nhớ cái gì ve vẩy đêm hôm qua không ? Cái dnộ

(Xem tiếp trang 45)

1 Ông kễnh là tiếng gọi của người đường cùng để chỉ con cọp

Nho'n tết năm nào...

TÔI ĐI ĐÁM CƯỚI Ở THỤY-SĨ

Ký-ức của LÊ-VĂN-NGÔN

— Trời tốt quá, anh há !

— Phải, mưa dầm-dề như hôm qua thì khổ lắm.

— Chúng ta nên đi mau hơn một chút kẻo trễ.

— Anh nói rất phải...Ê, mau lên ! Mau lên !

— Đi riết, mầy !

Bị gót chơn thúc nhẹ-nhẹ vào hông, con lừa mà tôi mượn làm chơn dựng sủng hai tai rồi bước lẹ.. bước lẹ. Tuy đường xuống núi ngày nay ít tuyết, nhưng đá lớn nhỏ rải-rác dẫy-đầy cũng đủ làm cho con thú khó dễ dàng tiến tới. Từ nhà anh Jean — người bạn cùng đi với tôi đây — qua chợ cách có ba ngàn thước mà chúng tôi không còn cẳng giò cuốc bộ nổi vì nghe còn mề-mệt sau gần một ngày đứng trong toa xe lửa ngập tràn du-khách. Trước khi đi, ba má anh Jean tính để biểu sớp-phơ đưa chúng tôi xuống làng với chiếc « Simca cinq », nhưng tôi xin phép cho tôi dùng thử cách đi nầy vì nó đối với tôi không những là mới-mẻ mà còn thú vị nữa. Xe hơi, đâu lại không có ! Còn lừa, tôi chưa từng cỡi mó lần nào. Tôi muốn thế, một phần bởi sanh trưởng ở chốn thôn-quê, tôi còn giữ sáng-suốt trong trí-não hình-ảnh cảnh ruộng-nẫy bao-la đầy lúa vàng-tươi rực-rỡ với đàu cò trâu bò qua lại cùng đoàn mục-tử nghêu - ngao. Tuy ở thành - thị đã hơn mười mấy năm, tâm hồn tôi vẫn luôn-luôn ao-ước sống cuộc đời giản-dị của nhà nông-tang và luôn-luôn khao-khát bầu không-khí mát-mẻ dịu-dàng của đồng rộng mênh-mông hiu-quạnh.

Lắc qua lắc lại, ngã tới ngã lui tùy theo bước dài bước vắn của chú lừa, tôi thấy trong mình vô cùng khoan-khoái.

— Hơn tám giờ rưỡi rồi, mà còn hơn một cây số nữa. Chắc chúng mình thế nào cũng trễ.

— Họ lại nhà thờ mấy giờ ?

— Chín giờ. Chúng ta nên đi riết. Hôm qua, tôi có dùng điện-thoại cho cô Denise hay rằng chúng ta sẽ có mặt hôm nay.

— Ê ! Mau lên ! mau lên ! « *Cụ thượng-thơ* » nầy !

Tôi được quen biết cô Denise và cha mẹ cô do một gia-quyến người Pháp ở Grenoble giới-thiệu. Tuy là dân Thụy-sĩ nhưng toàn gia-quyến cô chỉ biết nói tiếng Pháp vì làng cô ở cách ranh Pháp không bao xa. Có dịp gặp nhau nhiều lần, cha mẹ cô để lòng yêu-mến tôi, coi tôi như người thân-thuộc và nhiều phen có ngỏ lời mời tôi qua nhà chơi cho biết. Tới nay, tôi chưa rảnh mà thi hành ý muốn, nhưng tôi vẫn nuôi trong thâm-tâm cái hi-vọng tới viếng một làng ở Thụy-sĩ đặng quan-sát cách làm ăn, cuộc đời sống của dân quê nước ấy. Bởi thế, khi đặng thiếp của cha mẹ cô Denise mời dự đám cưới người con trưởng-nam, tôi không ngần-ngừ rủ ngay anh Jean — bạn học của tôi mà cũng là người đồng-hương của cô Denise — đi dự lễ. Anh Jean nhận lời liền vì, cũng như tôi, anh có đặng thiếp mời.

Lừa cứ lần bước một. Mắt tôi đương say-sưa cảnh - vật Tiếng kêu của anh Jean bỗng làm tôi phải giựt mình :

— Coi kia, tụi « skieurs » lên á đẫy kia. Để coi có ai quen không.

Dưới đồi, hơn hai mươi người, lưng mang cặp « skis » dai thườn-thượt, hai tay chống gậy leo lên. Tấm khăm tuyết trắng ngần được điểm mấy « hoa đen » (1) trông càng ngoạn mục. Ngày nay tha hồ cho họ giỡn đùa, chạy bay xuống núi. Cái thú vui ngộ-nghĩnh nầy mà xứ nào có nhiều tuyết cũng ham chơi khiến tôi sực nhớ nhóm người bắt sò-huyết ở bãi Ngao (2) của cụ Phan-thanh-Giản, tức là ở biển Batri yêu-dấu của tôi. Trời khuya, ước cạn, dưới bóng trăng tàn, nhóm người đó kêu hú nhau trong đêm vắng. Rồi từng tốp, chơn nằm qủy trên cái mòng (tấm ván mỏng hơi cong ở một đầu), chơn kia đầy nhẹ - nhẹ trên bùn lầy, họ trầy tới lẹ-làng và phút chốc đã biệt tăm mất dạng. Đây đi skis

vì thể-thao hay vì tiêu-khiển của bực phú-hào. Đó đi mông vì sanh-sống của con nhà nghèo-đói.

— Chào mấy anh!

— Chào hai anh! Hai anh đi đâu đó mà ung-dung thế?

— Đi đám cưới dưới làng.

— À, đi đám cưới anh François phải không: Thôi rán khiêu-vũ cho đã nư nhé!

Chúng tôi thúc lừa đi riết. Thật báo hại! Mình đã trễ mà nó cứ tiến chậm như thế nầy thì biết chừng nào mới tới. Tuy vậy cũng nhờ sự chầm rãi tự-nhiên của con, « xích-thố tai dài », tôi được có thì-giờ thưởng-thức cảnh đẹp thiên nhiên mà tôi chưa từng thấy: núi non chớn-chở với lơ-thơ đây đó vài cây tùng cây bá xơ-rơ trắng-toát dưới một lớp tuyết dày. Dưới một bầu trời âm-u vân-vụ, cảnh-vật hiện ra mờ-mờ như núp sau một màng khói xanh-xanh dờn-dợt Ai chưa thấy tuyết không thể tưởng-tượng được sự bâng-khuâng, sự cảm-động nó gợi ra trong lòng người. Nhưng hình ảnh mà ta thấy trong sách báo hay trên màn bạc đối với sự thật lợt-lạt như hình với bóng.

Con lừa của tôi đi nhằm một chỗ mà tuyết đã cứng như đá. Nó trợt. Tôi giựt mình ôm lấy cổ nó và nói:

— « May quá, thiếu chút nữa tôi té mất. Ngày nay là tết Annam, nếu té thì « sui » (rông) lắm. »

— Uả, Tết Annam khác ngày với Tết bên nầy sao? Bữa nay là Tết của anh à? Tôi có biết đâu! Chúc mừng năm mới nhé! « Anh Jean dồn-dã một cách thật tình.

***

Keng... keng... Văng-vẳng không biết từ đâu đưa tới, chín tiếng chuông ngân trong-trẻo, thong-thả bay phảng-phất giữa sương mai.

Sau khi gởi lừa ở một nhà quen, chúng tôi vuốt áo quần cho ngay thẳng rồi lật-đật lại nhà thờ.

Tại đây đã có nhiều người vận y phục mới. Có ở Âu-Châu mới biết rõ nghĩa chữ « bận đồ ngày chúa-nhựt » (endimancher). Nhứt là người lao-động, cả tuần làm-lụng, ăn mặc đơn sơ, người nào cũng có một bộ đồ sạch-sẽ để dành mặc ngày lễ và chúa-nhựt. Dầu không dư-giả, họ cũng nghỉ để đi chơi tùy sở-thích Ở trong nhà-quê ta càng nhận thấy rõ cái phong-tập ấy.

Trước nhà thờ, mươi con ngựa cột nơi gốc cây, giậm chơn thở khì-khì, hơi từ mũi bắn ra như hai làn khói trắng Đây đó, xe chỏng gọng dựa góc tường. Anh Jean liền giới-thiệu tôi. Ai nấy dòm tôi với cặp mắt ngạc-nhiên vì mới lần đầu, họ gặp một người « da vàng mũi xẹp ». Phải chi tôi có phép nhiệm-mầu đọc thử trong trí óc họ lúc nầy coi họ tưởng những gì! Ba cô con gái, ngượng-nghịu trong bộ cánh còn lẫn xếp, may theo kiểu cũ đã vài năm, thỉnh-thoảng lén dòm tôi rồi thì-thầm với nhau. Một ông già, đầu đội kết, râu mép lưa-thưa xụ xuống tới cằm nhưng da mặt hồng-hào, bộ-dạng quắc-thước trong bộ đồ nhung đen có sọc, hỏi anh Jean:

— Mà người nầy cũng biết nói tiếng mình chớ?

— Như mình, anh Thành đây là bạn học của tôi.

Sau khi tôi « trầm » vài ba câu tiếng Pháp, ôi huyen-diệu! ôi nhiệm-mầu! mấy cặp mắt mà mới vài phút trước đây còn tỏ vẻ nghi-ngờ bỗng sáng quắc ra tỏ tình thân mật.

— Té ra người nầy *cũng biết nói* như chúng ta vậy mà!

Họ xúm lại chuyện vãn với tôi không ngớt, và hỏi tôi nhiều câu ngờ-ngẩn: « Bên anh có ngựa không? có lừa không? người nước anh ăn gì? có bận đồ như chúng tôi không? Xứ anh ở hướng nào? đi mấy ngày mới tới? » Sau khi nghe tôi nói phải một tháng trường và vượt năm cửa biển, nhiều người lắng-lặng liếc dòm tỏ dấu thán-phục nga.

— Kìa, họ tới kìa!

Đằng xa, cô Demise đã nhận thấy chúng tôi và đưa tay ngoắt. Đám cưới vừa ở công-sở ra, sau khi làm tờ hôn-thú.

Đinh... Đong... Cà đinh! Cà đong!

Kiểng nhà thờ đồ từng chập từng hồi tỏ vẻ chào mừng. Hai cô con gái, môi son má phấn lại gắn trên áo mỗi người một bông cẩm chướng (œillet trắng thật tươi. Cô dâu đi với người cha vào trước; cô lượt-thượt trong cái áo dài trắng phết gót, đầu đội màng the trắng, tay ôm một bó hoa tường vi toàn trắng vì màu trắng là biểu-hiệu sự trinh-tiết của cô dâu khi xuất giá.

Theo sau chàng rể vận lễ phục đen đi với người mẹ. Rồi cả họ hàng lục-tục kéo vào. Mấy ông lão kéo giày lạt-sạt. Cây đờn harmonium dựng trong một góc mà « hàm răng ngà » đã hơi lung lay vì « có tuổi » kêu ầm lên dưới những ngón tay xúc-xích của ông Xã, người đã

(*Xem tiếp trang 42*)

1·) Ski là khúc cây dài dùng để đi trên tuyết. Những người đi skis đều mặc đồ đen.

2·) Bãi Ngao (Ngao-châu) là bờ biển Ba tri, có nhiều sò huyết ngon và không độc.

Một phóng sự ngắn về

Tết lánh nạn

PHẠM-MẠNH-PHAN

Qua một phố đông đúc giữa thành phố Hanoi trên vỉa hè, tôi gặp ngay một ông già phục phịch mà tôi quen đã lâu ngày.

— Chào cụ cụ hãy còn ở đây chưa về quê?

Nhìn tôi qua lần kính trắng người tôi hỏi như định thần để nhận rõ tôi là ai, cụ liền vội đáp:

— Kia, « ông nhật trình » đi đâu đây?

— Tôi định đến thăm cụ.

Nghe tôi trả lời, ông hền tiếp:

— May tôi vừa ở quê ra.

Câu chuyện kéo giài thì tôi vừa tới trước nhà ông trưởng giả mà tôi đã gặp. Thấy cánh cửa kính và chớp đóng nghìm nghìm tôi biết ngay vì tình thế hiện thời sau những cuộc ném bom rùng rợn, ông trưởng giả của tôi cũng như phần nhiều người khác đã cho gia quyến về quê.

— Cụ sơi tết ngoài này?

— Không ông ạ, giời đất này ai giám ở. Đấy ông xem các đồ đạc tôi đã cho xe đến trên chục xe bò đem về ấp.

Rõ có của khổ về của. Những đôi chóe và những đôi thống mà trước ông thấy bầy đầy đều phải mang đi kẻo nó vỡ phí mất. Chính tay tôi phải bọc rơm và đi xe nhà kèm sau. Ông tính hôm nọ cụ Nghị đằng kia sơ ý một tý mà những ông phu xe lôi thẳng đồ đi đâu không biết.

— Thưa cụ, ăn tết nhà quê chắc buồn. Người tôi tiếp chuyện như có ý nhớ tiếc một cái gì liền hạ giọng đáp:

— Buồn thì đã cố nhiên nhưng tôi đã bảo các tá điền sắp sẵn lợn gạo để giã giò và gói bánh. Tôi đáng lo làm sao mua được mấy cành đào lớn và cây cảnh mà mang từ đây về ấp được.

— Bẩm thời buổi này chắc cụ cũng tiệp diệp.

Ông trưởng giả của tôi sửng sốt:

— Ấy chết, không có sao được, năm ngoái tôi đã phải mua gần 300 đồng hai cành đào và mười giò đòng lan mỗi giò năm mươi đồng. Chỗ mình nhà « đại gia » phải bầy biện cho tươm tất. Ông tính bộ lỗ bộ của tôi trước bầy ở đây tôi cũng cho mang về bầy cho người ta trông vào. Vả lại sáng sớm mùng một bác Tuần nó nhà tôi có hẹn lại xông đất. Năm ngoái bác cháu cũng xông đất nên cả năm tôi tuyền gặp sự may...

Biết ông trưởng giả của tôi giơ cụ Tuần của ông ra để khoe mình là đại gia mặc dầu ông không thèm học nhiều chỉ biết đủ ba chữ ký, nên tôi yên lặng đứng lên cáo từ để mặc ông với cái thân hình lơn ỷ tròn như cái hũ trong can nhà rộng với bộ óc tối tăm như đêm hôm trừ tịch.

Tôi thầm nghĩ nếu số tiền nghìn ông sắm tết mà đem giúp nạn dân đỡ cơn đói rét thì hay biết bao. Nhưng có lẽ đó là điều không bao giờ ông nghĩ đến.

***

Từ nhà ông trưởng giả tôi phân vân chưa biết đi đâu trong lúc mọi người ai cũng rộn rịp sợ bom và sắm tết. Tôi sực nhớ đến bạn tôi một công chức ở trên một căn gác hẹp.

— Anh đã nghỉ tết?

— Không tôi còn đi làm vài hôm nữa.

— Thế chị về quê trước?

— Ấy, mấy hôm nọ nhốn nháo tôi phải cho nhà tôi và các cháu về. Anh tính đau nhà nho quá, ai lại từ đây về Thường tín mà hôm đó tôi phải thuê hai xe tay mất tám mươi đồng. Cụ tôi, nhà tôi và năm cháu bé với chiếc hòm quần áo xếp

mãi vào một xe không hết! Thành ra dành dụm chắt bóp được bao nhiêu phen này các ông xe ông ấy xơi cả. Tiền nhà tháng này cũng chưa có giả. Lại tết đến nơi rồi.

— Anh ăn tết ngoài này?

Một nét buồn thoáng hiện qua trên mặt bạn tôi. Rồi bằng một giọng rầu rầu bạn tôi thư thả nói:

— Anh bảo tết mới nhất gì. Nhà tôi về quê cũng ở nhờ chứ có nhà cửa đâu. Một nách mấy con mọn thì làm gì, con vú phải cho về rồi vì nuôi tốn lắm. Vả lại ở nhà người ta cúng vào đâu. Có chỗ dung thân là tốt.

Ngoài này đến tôi lo cho có đủ cơm ăn hai bữa cũng còn khó. Đi làm về chiều phải vác bị ra chợ mua thức ăn về thổi nấu lấy. Thằng bé con kia (anh vừa nói vừa chỉ thằng nhỏ 12, 13 tuổi) chỉ để coi nhà chứ làm an gì. Mà từ hôm tôi thổi cơm lấy thì mười bữa đến năm sáu bận khê.

Tôi cười để bạn tôi lãng quên nỗi buồn man mác đang ám ảnh bạn:

— Như thế anh hơn tôi lại càng thạo thêm việc nội trợ chứ sao...!

Bạn tôi ngắt lời mà phàn nàn:

— Nay báo động, mai báo động, ấy thế mà nhà tôi nằng nặc đòi ra để đem hấp áo nhung an tết và sợ tôi ngoài này rộng cẳng chơi. Anh tính cứ ra, rồi báo động lại thuê xe chạy hàng chục thì lấy tiền đâu mà đong gạo. Lo cho yên thân chứ tết với nhất gì. Thôi năm nay lạy vong linh các cụ đành bát gạo, nén hương với ly nước lã chứ chả còn lấy đâu mà mâm cao cỗ đầy như mọi năm.

— Cần gì anh, miễn lòng thành là đủ.

— Nhưng thấy nhà người cúng mà mình không thì đạo làm con lòng những nao nao, ai chẳng chạnh nhớ công tiên tổ mà bùi ngùi tấc dạ...

Nghe lời bạn, tự nhiên tôi động lòng trắc ẩn thấy thoáng một nét buồn trong tâm khảm.

Tầu đi

Muôn cột giăng đều giây thép lướt
Tình dài vương vấn nợ phong sương
Hồn mơ dáng núi từng cơn khoi
Lòng gởi theo ga mỗi chặng đường
Chuyến choáng loa say sầu tứ xứ
Ngang tàng bánh cuộn gió mười phương
Đôi đường ân ái song song nối
Mây gió biên thùy, mộng cô hương

VÂN ĐÀI

***

Lững thững một mình trong đêm tối, gió thổi quanh mình, nghĩ đến tết lòng tôi thấy lạnh. Trên con đường Huế vắng tanh tôi lại gần một bác phu xe quen mặt.

Bác cùng tôi chuyện vãn trong bầu không khí thân mật. Trông thân hình gầy còm với manh áo rách tôi hỏi:

— Bác chắc khỏe lắm mặc thế không thấy rét?

— Thưa ông nó quen đi.

— Dịp Hanoi bị ném bom vừa rồi tôi nghe nói các bác phát tài lắm.

— Bẩm ông quả có,

Qua hiệu cao lâu tôi liền dìu người tôi tiếp chuyện vào một bàn ăn:

— Bác vào đây, ta làm chầu phở tái và vài cút rượu.

Sau khi cùng tôi chén tạc chén thù rượu vào lời ra, ngà ngà say bác phu xe của tôi chếnh choáng hơi men:

— Thưa ông thật chẳng giám giấu ông tự rạo chầu làm xe tết này mới mát mặt một chút. Còn trước thật chẳng lợi đồng nào mà vất vả lắm.

Hai hôm ném bom ở Hanoi chầu luôn chân mà cũng không hết khách. Từ Hanoi vào Hadong mười một cây số mà hai mươi đồng chầu không thèm đi. Từ đây lên Vĩ chầu đi được ba chuyến mỗi chuyến 50 đồng. Đi Thường Tín bốn chục một cuốc. Một hôm chầu kéo một cụ già xuống Hưng Yên đi ngày 80 đồng lấy đường chầu gần về kêu một kilông đi được nữa, cụ hăn nhỉ lấy vàn chầu mãi bấu ngay chỉ thêm 30 đồng nữa chầu nói để cho.

Bẩm ông nếu cứ gặp chu ế mà thỉnh thoảng lại tu tu bảo độ thì lấy tổ nghề xe kéo của chúng chầu cũng phát tài. Chầu bỏ cười đến chết, hai vợ chồng chủ một hiệu tạp hóa gả chầu 40 đồng về Ứng Hòa chầu không kéo người chồng lo cuống bèn thuê một cái xe bò rồi xếp ba đứa con và hành hỏn xiềng lên trên, chồng kéo vợ đẩy đi xuốt đêm để lánh nạn...

Bác phu xe trông tôi ngồi nghe không uống bắc liền mời:

— Kìa ông cạn chén đi chứ.

(Xem tiếp trang 47)

Một chuyện thú giữa người mình và người Tàu

ĐÃ CÓ KHI NÀO NHÀ THANH BẮT DÂN TA RÓC BÍM HAY NHÀ LÊ BẮT THANH-KIỀU ĐỀ TÓC ?

LONG-ĐIỀN

HÂN đọc quyển « *Quan Thám kéo vó* » của ông ban Tiên-Đàm, lại nhân khảo gia thế họ Nguyễn-đang ở Tiên-du, Bắc-ninh, tôi nhận thấy một chuyện thú giữa người mình và người Tàu, trong khoảng thế-kỷ 16.

Chuyện thú đó, là việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím theo tục họ, hay nhà Lê ta nghiêm sức những người Thanh ngụ ở nước ta đều phải theo tục bản quốc từ y-phục đến ngôn ngữ.

Nếu lấy thế-lực bình đẳng mà nói nghĩa là nếu nước ta và nước Tàu cũng là nước lớn hay nước nhỏ cả, thì hoặc thi-hành với nhau lệ « nhập ra tùy tục », hoặc tiếp đãi nhau theo cách xã giao thông-thường, việc giao-thiệp sẽ tùy nghi châm chước.

Nhưng nước ta và nước Tàu, thế lực chênh-lệch, cường-nhược rõ ràng, mà có những giai-sự như kia, thế mới là câu chuyện thú.

Việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím, chứng-cớ cũng còn truyền, kể cũng có thể có; mà việc nhà Lê bắt người Thanh để tóc, sử sách còn ghi rõ, kể không lẽ rằng không.

Vậy không rõ không không có có ra sao, nay xin tạm trình bày tài-liệu về hai việc đó, còn quyết đoán sự nào có, sự nào không, xin nhường những đại-gia học-sĩ gia tâm tham khảo.

Việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím :

Người Mãn-châu thôn tính nước Tàu, diệt được nhà Minh, lập lên nhà Thanh, cai-trị dân Hán. Năm giáp-thân (1644), Thanh-Thế-Tổ vào Bắc-kinh làm vua Trung-quốc (1), bắt người Tàu bãi bỏ thói tục mũ áo người Tống người Minh, phải róc bím mặc áo ngắn theo tục họ (2).

Tương truyền sau đó ít lâu — không rõ đích năm nào — nhà Thanh có chiếu-thư sang bắt dân ta róc bím. Vua Lê chúa Trịnh lo sợ, vội phái đại thần là ông Nguyễn đang Cảo (3) lên Nam-quan ứng tiếp. Ông Nguyễn đăng Cảo biện bạch xác đáng, lại đưa bài « *Giải chư-hầu hoặc* » và biên thuộc lòng bộ sách « *Đại-học chính văn* », làm cho người nhà Thanh khâm phục không dám hạch-lạc gì nữa (4)

Việc trên không những khẩu truyền trong dân-gian, mà còn ghi trong gia-phả nhà họ Nguyễn-đăng, (5). Lại ông Vũ-Phương-Đề, Tiến-sĩ khoa bính-thìn (1736), năm Vĩnh-hữu thứ 2 đời vua Lê Ý-Tôn, cũng có chép rành mạch chuyện đó trong quyển « *Công-dư tiệp ký* ».

Và đôi câu đối :

Lão khuyển lạc mao, do hướng đình tiền phệ nguyệt ;
Tiểu oa đoản cảnh, mạn cư tỉnh đề khuy thiên.

Còn đó, bài « *Giải chư hầu hoặc* » còn kia : không lẽ việc không có, mà nhất đán bầy ra bầy nhiêu chứng-cớ.

Ấy là xét về mặt tài-liệu.

Còn xét về mặt tình-hình hoàn-cảnh, thì nước ta và nước Tàu thế lực khắc nhau. Người Mãn-châu lại là người hung hãn cương cường, một khi đạp đổ nhà Minh vào làm vua Trung-quốc, đến cả dân Tau nhiều hơn 100 triệu, còn phải theo y phục tục lệ của họ, phương chi ta là nước nhỏ, cái công lệ. « cường lang nhược » tất không sao tránh khỏi.

Xem tài-liệu và tình-hình như trên, thì việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím có thể có được.

Song xét cho kỹ, di phong cải tục là một việc lớn, can-hệ đến danh-giáo trong dân-gian, thể-diện của nòi-giống, thanh-thế của quốc-gia, mà sao chỉ thấy hư-truyền ở sách ngoài, không thấy ghi-ký trong chính-sử.

Xem ngay năm kỷ-dậu (1789) — sau 150 năm nhà Thanh cai-trị Trung-quốc — vua Nguyễn quang-Trung mang quân ra bắc, đánh bại quân nhà Thanh ; Tôn-sĩ-Nghị, chánh soái binh Thanh, ruổi vua Lê Chiêu-Thống chạy sang Tàu (6) để mưu cứu viện. Sau người Thanh không có ý cất quân, muốn an-trí vua Lê ở Tàu, bèn thác ra chuyện cải-trang để lừa quân địch. Vua Lê nóng việc khôi-phục, nghe họ róc

bím ; duy ông Lê-Quýnh và mấy vị quan tùng vong khẳng-khái, khảng-cự nói : « *Bọn chúng tôi, đầu cắt được, chứ tóc không cắt được.* » Vua Thanh đành chịu, mà còn phải ban khen là « Lê-thị trung-thần. » (7)

Như vậy, đủ rõ : bắt cả dân cắt tóc róc bím không phải là việc dễ-dàng.

Lại xét : ông Nguyễn-đăng-Cảo biện thuyết với Thanh-sứ về việc bắt dân ta róc bím chỉ đưa một bài « *Giải chư hầu hoặc* » mà người Thanh phải chịu, như vậy là một việc ngoại giao thắng-lợi vẻ vang ; thế mà Triều-đình không thấy ghi việc ấy, cũng không giữ bản lưu-nha bài ấy, nhà họ Nguyễn-đăng không thấy chép ở gia-phả và giữ bản tồn-cảo, ở dân-gian cũng không thấy truyền tụng bài đó ; chỉ duy, ông Vũ-Phương-Đề — sau 100 năm — chua xuống bốn chữ « *Giải chư hầu hoặc* » trong sách « *Công dư tiệp ký* » của ông, chứ không thấy chép được nguyên văn hay đại-lược để biết văn-lý bài đó ra sao, mà người Thanh phải phục !

Từ xưa đến nay, nhiều bài văn kiệt-tác, có can-hệ đến cuộc hưng vong của nước nhà, thường hay ghi chép và truyền tụng trong đám nho-lâm, như :

1·) bức thư của Hán văn-đế đưa cho Triệu-Đà ;

2·) bài thơ « *Nam quốc sơn hà nam đế cư* » ở đời Lý ;

3·) bài hịch của đức Trần Hưng-đạo ;

4·) bài « *bình Ngô đại cáo* » của cụ Nguyễn Trãi ;

5·) bài « *Di sứ biện* » của ông Lý văn Phức...

Mà sao đến bài « *Giải chư hầu hoặc* » lại thất truyền ! Thật là đáng tiếc và đáng ngờ vậy.

Xem như thế, thì tài liệu để lại vẫn còn hàm-hồ không đủ cho ta rõ được thực sự.

Thẩm-sát tài-liệu và tình-hình như trên, ta vẫn chưa rõ được việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím có hay không, nay lại xin trình tài liệu về việc nhà Lê bắt người Thanh, cư ngụ nước ta phải ăn mặc để tóc theo tục bản quốc.

Việc nhà Lê bắt người Thanh để tóc

Nam quốc sơn hà Nam-đế cư !
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư...

Trời đã định cho nước ta và nước Tàu lớn bé rõ rệt. Đến Tàu là nước lớn, đối với ta là nước nho, còn không thể mỗi chốc di-phong cải tục được, phương chi ta đối với Tàu bao giờ cũng một niềm tòng thuận, dẫu có nhiều lần :

Bảo rằng châu-chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai ngờ xe nghiêng.

Ấy là việc đời Lý. Lý thường Kiệt và Tôn-Đản đánh Tống năm ất-mão (1075) giết hại đến 10 vạn người rồi lại bắt người lấy của về nước). (8)

...Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm.
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

(Ấy là việc thắng chạp năm bính-thìn (1076), quân Tống kéo sang xâm chiếm nước ta, ông Lý Thường Kiệt lại đem binh ngăn chống. Trong khi ấy trên sông Như-nguyệt có tiếng ngâm đọc bài thơ trên để giục lòng quân sĩ. Vì thế chuyển bại thành thắng).

« *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* » (9)

(*Xem tiếp trang 26*)

1) *Thế giới đại sử biên — Từ nguyên.*

2) *Khâm định chính biên quyển 34*

3) *Người làng Hoài bão huyện Tiên du (Bắc-ninh), 28 tuổi đậu Thám-hoa khoa bính-tuất niên hiệu Phúc thái thứ 4 đời vua Lê Chân tôn*

4) *Công dư tiệp ký, quyển thứ 2.*

5) *Theo lời ông Tiên Đàm, tác giả quyển « Quan Thám kèo vỏ »*

6) *Khâm định chính biên, quyển 47*

7) *Khâm định chính biên, quyển 47*

8) *Việt Nam sử lược, của Trần Trọng Kim, quyển thượng.*

9) *Tương truyền có một người Tàu ra cho người Nam ta một vế câu đối : « Đồng-trụ chi kim đã dĩ lục », người Nam ta liền đối : « Đằng giang tự cổ huyết do hồng ».*

Vế của người Tàu nghĩa là : Cột đồng đến nay rêu đã xanh, có ý mỉa ta rằng khi xưa Mã Viện đời Đông-Hán sang đánh nước ta, về có giống Cột đồng ở biên giới.

Vế của người Nam nghĩa là : Sông Bạch-đằng từ xưa huyết cũng có ý nói cho người Tàu rõ : khi Nguyên sang xâm nước ta, đức Trần Hưng đạo đã đánh giết bao nhiêu quân Nguyên ở khúc sông ấy

Hai câu đó, mỗi người nói một thuyết, chưa tham cứu rõ là của ai, và vào thời nào (H. B. chưa : theo chỗ tôi biết thì vế đối này của cụ Trần Quý, bảng nhãn khoa mậu tuất năm Mạc Đại chính thứ 7 1538 đời Mạc)

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

BÚT KÝ của HOA BẰNG

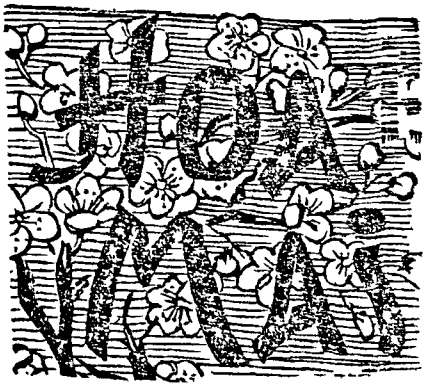

p i đương ngái ngủ trong màn the trắng nở hay là một cô-dâu kiều-diễm trong tấm mạng bạch mịn màng đang đình-đạo trên chiec xe hoa đầy xuân khí.

Hương trà quện hương mai đem đến cho tôi những phút êm dịu. Tôi lửng quên cả những vị cay chua đắng cay ắt của « chén » đời !

***

Thấy mai tôi liền tưởng đến những áng thơ hay, nhã nhặn và đẹp đẽ như mai này.

Trước hết tôi nhớ tới bài *Khán mai khúc* của Hầu phu-nhân.

Phu-nhân chắc phải là người đẹp lắm mới được tuyển vào cung của Tùy Dãng-đế, một ông vua đã khét tiếng xa xỉ dâm dật nhất đời.

Mộ bữa, chừng ở trong thâm cung tịch-mịch, phu nhân bỗng cuốn rèm ngó ra ngoài sân, thấy thềm tuyết hãy còn trắng xóa, không biết ngày nào tan chảy, phu-nhân không khỏi nhún vai, rùng mình, nhíu đôi mày hiểu. Nhưng kìa, hoa mai mới chớm nở một vài bông ở đầu cành, phu-nhân tưởng cành mai thứ nhất kia dường có ý thương yêu mình, mới vì mình mà trổ mấy bông trước tiên ấy. Phu-nhân cao hứng, lanh lảnh ngâm :

Sẽ tuyết tiên vô nhật,
Quyển liêm thời tự tân !
Đình mai đối ngã hữu tiên ý :
Tiện lộ chi đầu nhất điểm xuân »

(*Tiếp theo trang 3*)

砌雪消無日
捲簾時自顰
庭梅對我有憐意
先露枝頭一點春

Dịch :

Thềm tuyết chưa tan chảy,
Cuốn rèm thường nhíu mày.
Trong sân mai ấy chừng yêu tớ :
Đầu nhánh, tin xuân báo trước đây !

Rồi tôi lại nhớ đến bài *Vịnh mai* có in trong tập *Nhật-bản thi tuyển* (Anthologie japonaise) của Giáo-sư Léon Rosny (sách in của trường Bác-cổ) :

« Cửu châu đệ nhứt mai
Kim dạ vị quân khai !
Dục thức hoa châu ngụy,
Tam canh, đạp nguyệt lai ! »

九州第一梅
今夜爲君開
欲識花真僞
三更踏月來

Dịch :

Cành mai đệ nhất Cửu-châu,
Đêm nay, nở mấy bông đầu vì anh.
Muốn coi hư thực cho rành ?
Giẫm trăng, tìm đến, lối canh ba này !

Bài này là một thiên *đoản ca* ; hết thảy người Nhật đều thuộc lòng và thích đọc. Người ta có thể ghép vào bản đàn mà ca-hát được.

Trong nguyên văn, có chữ « đạp », theo ý tôi, tôi cho là hay tuyệt ! Các bạn thử tưởng tượng : Dưới ánh trăng trong-trẻo, êm-đềm, nhánh mai xòa ra những bông trắng toát thơm-tho chỉ chực đợi khách yêu hoa đến thăm-nom thưởng thức. Bỗng có một người, vì muốn thăm cho biết đích xác xem mai có thật nở bông hay không, xăm xăm giẫm trên lối đi đầy ánh trăng sáng, để đến ngắm cảnh nên thơ kia thì còn thanh thú nào bằng nữa ?

***

Nhưng, đó mới là những thiên giai-tác của mấy nơi xa-lạ tỏ ý khen Mai hoặc yêu Mai, chứ chưa phải là sản-phẩm của xứ-sở. Vì thế, tôi lại lan-man suy-nghĩ, tìm lấy mấy vần thơ ta xem cổ nhân đã có câu nào nói đến Mai trong dịp tân xuân này :

Kể ra thì nhiều. Nhưng kiếm lấy một câu nói đến Mai mà có ngụ biết bao tâm sự, chứa biết bao ý-nghĩa, tôi tưởng nên giới-thiệu bài của Lê Cảnh-Tuân :

« Lữ quán khách nhưng lại,
Khứ niên xuân phục lai.
Quy kỳ hà nhật thị :
Lão tận cố hương Mai ! »

(Nguyên nhật

旅館客仍在
去年春復來
歸期何日是
老盡故鄉梅

Dịch :

Quán trọ, khách vẫn đấy.
Xuân xưa, nay lại rồi.
Ngày về chưa dám hẹn :
Quê cũ, Mai già thôi !

Thấy tác-giả Lê Cảnh-Tuân có cái bùi-ngùi vì nỗi « *Lão tận cố hương Mai* », ta nay thử xét xem tâm sự và cảnh-ngộ của Lê thế nào.

Nguyên Lê, tên tự là Tử-Mưu, người làng Mộ-trạch (tên nôm là Trầm), tổng Tuyền-cử, huyện Bình-giang, tỉnh Hải-dương.

Trước kia, Lê làm Hạ-trai học-sinh đời Hồ (1400-1407). Khi người Minh lót miệng bằng tiếng cứu Trần, đem binh sang xâm chiếm nước ta, Minh nghĩ ngay đến chước nhốt chặt nhân tài vào lồng cũi : Họ dùng Bùi-Bá-Kỳ làm tham-nghị.

Lê bấy giờ ẩn-náu ở nơi quê thôn, viết một bức thư dài hàng vạn lời gửi cho Bá-Kỳ, trong có bày lỏ ba phương-sách, đại lược :

« 1· Nhà Minh trước có ban sắc-thư bảo Các-hạ (chỉ Bùi-Bá-Kỳ) : đợi khi bắt được họ Hồ, thì chọn con cháu nhà Trần mà lập lại. Thế mà bây giờ đặt ty Bố-chính, trao cho Các-hạ cái tước cao, chỉ cấp cho nhà thờ họ Trần mấy người quét tước ! Vậy nếu Các-hạ có thể tâu bày rõ rằng con cháu họ Trần hãy còn, để cho nhà Minh ra chiếu-sắc khác, lại phong cho họ Trần : đó là thượng-sách.

« 2· Nếu không được thế, thì Các-hạ nên từ chức mà quay về, tình-nguyện làm viên quan coi đền thờ họ Trần : đó là trung-sách.

« 3· Nếu Các-hạ cứ ham quan cao, tham lộc bậu : đó là hạ sách.

« Vì bằng Các-hạ làm được thượng-sách thì tôi xin coi mình như là vị nhân-sâm, cam thảo, chỉ xác, trần-bì xếp trong ô thuốc để Các-hạ dùng. Nếu làm trung-sách, thì tôi xin sẵn lòng cầm đồ thờ như cái biên (1) cái đậu (2) mà đi lại ở bên, cũng cốt để cho Các-hạ sai-khiến. Nếu Các-hạ làm hạ-sách thì tôi xin câu chỗ vắng-vẻ, cày nơi thanh-nhàn để cho qua cái tuổi sống thừa mà thôi. »

Kịp khi người Minh tịch-biên nhà Bá-Kỳ, vớ được bức thư của Lê, liền sai lùng bắt để xét tội. Nhưng, gặp lúc loạn-lạc, Lê đi trốn tránh, nên không biết ở đâu.

Về sau, người Minh lập các trường học ở Giao-châu, được Lê Cảnh-Tuân làm giáo-thụ, bèn bắt về Kim-lăng (nay là Nam-kinh), bỏ ngục. Rồi Lê và con là Thái-Điền đều thụ bệnh, chết cả.

Có rõ cảnh-ngộ và tâm-sự của Lê Cảnh-Tuân như thế, ta nay mới thấy bao mối cảm-động bời-bời hiện đến trước câu : « *Lão tận cố hương Mai !* »

Bài thơ *Nguyên-nhật* (nghĩa là ngày đầu năm, cũng như *Nguyên-đán*) này của Lê có in trong tập *Hoàng Việt thi-tuyển* của Bùi Tồn-am, quyển 2, tờ 22 b, tuy không thấy đề làm vào bao giờ, nhưng nay ta có thể đoán rằng có lẽ tác-giả đã viết mấy câu tuyệt-diệu ấy vào lúc đương long-đong trốn-tránh, ẩn tích, mai danh, hòng thoát bãy lưới người Minh đương khắp nơi dương bủa.

Bấy giờ chừng Lê đương lánh nạn ở một nơi tha hương, tháng ngày lần lữa, bất giác Tết đã thấm-thoát đến, Xuân đã tràn-ngập về với người lữ khách đang trĩu nặng lòng quê :

— Muốn về quê để thăm Mai lắm, nhưng vì tình-thế bỏ-buộc, chưa thể về được, Lê không khỏi bùi-ngùi mà ngâm :

Ngày về chưa dám hẹn :
Quê cũ, Mai già thôi !

***

Tôi còn đang mơ mơ màng-màng, say-sưa nghĩ chuyện hoặc văn-học hoặc sử học có dính-líu đến Mai, bất giác trăng đông đã cao treo, xóm hoa đã chìm trong tịch mịch. Tôi thơ thẩn bên gốc mai, thì kìa, trước mắt tôi, một bức tranh thủy mạc thiên nhiên vừa mới chấm xong những nét mộng lung phiếu đề... Té ra mấy cành mai cổ-kính ở bên thềm nghiêng mình in trên bức tường vôi mờ trắng. Tôi nhớ ngay đến hai câu thơ cổ đầy diễm-lệ và rất hợp cảnh :

« *Sơ ảnh hoành tà, thủy thanh thiển,*
Ám hương phù động, nguyệt hoàng hôn »

Dịch :

Bóng nhạt rủ ngang, nước lơ-lửng ;
Hương ngầm lỏa đượm, trăng lờ mờ.

Rồi tôi muốn đánh dấu cái đêm nên thơ đáng kỷ niệm của Mai, cũng tức cảnh :

Bóng in lơ lửng ngang tường
Nhạt, thưa, mờ, tỏ : cảnh sương lanh lảng !
Tơ vàng dệt nét mông-lung,
Khéo cài như sẵn, như không : mơ màng.

HOA BANG

(9 Janvier 1944)

1) Thứ đồ gỗ trong tròn ngoài vuông, dùng đựng cơm gạo, v. v

2) Thứ đồ gỗ trong vuông ngoài tròn, dùng chứa đồ ăn.

Bác-sỹ

LÊ VĂN NGON

ở Cần Thơ

Chữa đủ các bệnh — có phòng chiếu quang tuyến X

Một chuyện thú...

(*Tiếp theo trang 23*)

Ấy là việc tháng ba năm mậu-tí (1288) tại sông Bạch-đằng, đại quân Trần Hưng-đạo, phá quân Nguyên, bắt sống được tướng Nguyên, bọn Ô-mã-nhi.

« *Giao-châu lũ kích, thi cương cao chiến cốt chi sơn.* » (10)

(Ấy là một vế câu đối của một nhà van ngoại-quốc vịnh lúc đời Trần đánh quân Nguyên, vì quân Nguyên thời bấy giờ hùng-cường có tiếng đánh đâu được đấy, duy sang bên ta, gặp đức Trần-Hưng-đạo, mà đến nỗi thua, thây chất thành non).

« *Hà vật ngô cầu bỉ tự lai tống tử nhĩ!* » (11)

(Ấy là nhời vua Quang-Trung khi nghe tin Tôn-sĩ-Nghị mang binh vào Thăng-long, về đời Lê mạt)

Nhưng sau lại xin hòa, xin phong, vừa để cho dân an cư lạc nghiệp, vừa để làm kế hoãn binh, có ý dưỡng sức hòng gặp trường-hợp bách-thúc, đủ lực-lượng mà đối phó.

Cái lối sử cương sử nhu ấy thực là tuyệt diệu, chính vì thế mà nước Tàu tuy coi ta là chư hầu, nhưng vẫn có lòng e nể mà nước ta tuy coi họ là thượng quốc, nhưng vẫn thường hay đối đãi một cách đường hoàng.

Xem như năm bính-tí (1696), nghĩa là 50 năm, sau khi nhà Thanh vào Trung-quốc, nhà Lê nghiêm sức cho những người Thanh sang trú ngụ bên ta phải để tóc, ăn mặc như người bản quốc. (12).

Nguyên từ khi nhà Thanh làm chủ Trung-quốc, lễ tục cũ của Tống của Minh bỏ đi hết cả, bắt người Tàu theo tục họ: mặc áo ngắn, cắt tóc, róc bím. Đám khách-thường sang ta buôn bán nhiều, thành ra người Nam hay bắt chước ăn mặc theo họ, vì thế Triều-đình mới ra lệnh nghiêm sức người Thanh sang ta phải ăn mặc theo ta, còn những người nào sang ngụ, mà không có ai quen nhận lãnh thì không được thiện tiện vào nước. Lại nghiêm cấm cả người Nam ở biên cảnh không được bắt chước mặc áo tàu, nói tiếng tàu; trái lệnh, phải tội.

Việc trên này, chưa rõ-ràng trong chính sử, tức là pho « *Khâm-định Việt sử thông giám cương mục* » là một bộ sách do vua Tự-Đức đời Nguyễn sai làm. Tài-liệu phong phú, kể cứu thận trọng, làm đến đâu lại dâng lên vua Tự-Đức ngự phê đến đấy. Thật là một pho sử có giá-trị.

Xét tài-liệu trên, thì việc nhà Lê bắt dân Thanh sang ngụ nước ta phải để tóc là rõ ràng minh bạch lắm.

Song, ta thử nghĩ kỹ xem, việc như thế, ở địa-vị nước ta là nước nhỏ, mà còn khẳng-khái kháng cự như bọn ông Lê Quýnh, huống hồ người Thanh, hả lại chịu sao, mà không thấy phản nàn phản-đối? Hay là họ, cho đó là « nhập gia tùy tục » giữ lễ khách vị mà không can thiệp đến chăng?

Sau 19 năm khi nhà Thanh vào Trung-quốc, tức là năm quí-mão (1663), bấy giờ nhiều người Thanh sang trú ngụ nước ta đến nỗi phong tục lẫn lộn, vua Lê Huyền-Tôn phải nghiêm sức các quan địa-phương xét trong thuộc hạt có người Thanh cư-ngụ thì phải tùy nghi khu xử cho ở phân biệt.

Lại năm giáp-thân (1764) — sau 120 năm nhà Thanh vào Trung-Quốc — Triều-đình ta ra lệnh cấm người Thanh sang buôn bán bên ta không được đi ra ngoài nơi mình ngụ.

Vốn trước, theo lệ phàm người Tàu sang buôn bán bên ta, chỉ cho ở Vạn-ninh, Vân đồn thuộc xứ An-quảng, và cửa cần, cửa Hội-thống thuộc xã Trảo-khẩu (Nghệ an). Khi loạn lạc, dân siêu lưu nhiều, người Tàu mới nhân dịp ấy chiếm cư sang cả Vĩnh đại và Trảo-khẩu mở phố buôn. Vì thế, Triều-đình mới ra lệnh cho quan sở tại áp tống ra ngoài địa-phận, bắt về chỗ cũ cho ở riêng ra.

Hai việc trên như thế, (13) vậy mà nhà Thanh không hề can thiệp lại thường đối với nước ta rất là lễ nhượng, nên nhiều việc ngoại giao của ta thắng lợi vẻ-vang.

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học
của Ng. đình Thi — *Giá 5$00*

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) — *Giá 3$50*

Học Thuyết Freud
của Tô kiều Phương — *2.50*

Triết Học Einstein
của Ng. đình Thi — *2.30*

Thi Hào Tagore
của Ng. văn Hai — *4.80*

Triết Lý về Vũ-Trụ và Nhân-Sinh
của Phan Mật — *2.30*

Vàng Sao
của Chế lan Viên — *2.50*

Triết Học Descartes
của Ng. đình Thi — *4.50*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

Như việc tháng chạp năm kỷ-hợi (1719), Thanh-sứ sang ta sách phong cho vua Dụ-Tôn, mới đến bắt làm lễ theo lệ Tàu ba quỉ, chín vái, Triều-đình ta nhất định không nghe đòi làm lễ theo lối ta: 5 quỉ, 3 vái. Biện chiết ba bốn lần, sau Thanh-sứ cũng phải chịu theo (14).

Lại việc năm mậu-thìn (1728), nhà Thanh trả nước ta mỏ đồng Tụ-Long (15).

Xét tình-hình và tài-liệu như trên, ta cũng không rõ được hẳn việc nhà Lê bắt người Thanh để tóc có hay không, và luật lệ đó có thi-hành không.

Vì việc đó không phải là nhỏ, nhất đán bắt các Thanh kiều phải đổi bỏ y phục ngôn ngữ. Dẫu Triều-đình Thanh cho là sự nhập gia phải tuỳ tục, không can-thiệp đến, nhưng dân Thanh cư-ngụ bên ta há lại không có một vài người tỏ ý phản-đối hay phàn-nàn? Nếu có, tất trong dân gian có biết. Thế mà tuyệt không ai nói đến.

« Trăm năm bia đá thì mòn,
« Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ!

Những việc lâu từ đời bà Trưng, bà Triệu còn ghi rõ rệt trong trí nhớ của dân-gian, huống hồ một việc thế ấy, mà mới có hơn 300 năm, há đã không còn vết tích gì để khảo cứu được rõ thì thật là lạ!

***

Tổng kết

Nay bình-tĩnh mà xét cả tình-hình, cả tài-liệu hai việc « nhà Thanh bắt dân ta róc bím và nhà Lê bắt dân Thanh để tóc » sự thực chưa tìm ra được, vẫn xin nhường cái nhà sử học đại-danh phê phán, như tôi đã thanh minh ở trên, nay chỉ xin lấy ý ngu kết luận như sau:

1· Việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím có lẽ không có, mà chỉ có việc nhà Lê bắt người Thanh để tóc.

Việc năm quí-mão (1663), năm bính-tý (1696), năm giáp thân (1764), chứng cho ta rằng việc nhà Lê bắt Thanh kiều theo tục nước ta là có.

Thêm việc năm kỷ-hợi (1719), ta lại thấy người Thanh cũng trọng quốc tục của ta vậy.

2 Nhà Lê ra lệnh nghiêm bắt dân Thanh cư ngụ ở nước ta, để tóc, nhưng họ có phản-kháng kinh-liệt vì thế nên mới có cuộc ứng tiếp sứ Thanh của ông Nguyễn-đăng-Cảo. Mà vì thế, ông Nguyễn-đăng-Cảo mới đưa bài « *Giải chư hầu hoặc* » có lẽ tức là bài văn xin lỗi. Lại nhân lúc đó sứ Thanh mới hạch-sách ta; ra câu đối, thử văn-chương.

3· Rồi người Thanh thôi không bắt-bẻ nên luật bắt để tóc không thi-hành nữa, thành thử trong dân gian không ai biết tới.

4· Sau đó, ước hơn 100 năm (1736), ông Vũ-Phương-Đề mới đỗ tiến sĩ sau ra làm quan, nghe truyền tụng đôi câu đố và bốn chữ « *giải chư hầu hoặc* » nên ông cứ chép vào sách, không khảo xét qua việc đó thực hư thế nào.

Theo ngu ý, thì tức là việc họ lầm sang việc kia, như ni nều giải sự thuộc lịch sử quá khứ. Còn việc phân minh quyết đoán việc nào có việc nào không, thì xin mong chờ ở một sử gia nào khảo cứu tường tận cho vậy.

LONG ĐIỀN

10) Nguyên Genghis Khan (Thành cát Tư hãn) (1154 1227), người Mông cổ, hung hãn quật cường bậc nhất thời đó, đã thôn tính được hai phần ba đại lục Âu Á. Chau là Hốt Tất Liệt (Koubilai, (1279 1294), nối chí ông tổ, nghĩ tổ liên đã chinh phục mặt bắc nhiều rồi, đến mình phải chinh phục miền đông, miền nam, mới đem binh đánh Nhật và nước ta. Nhưng sang đánh Nhật, bị bão vỡ chiến thuyền; sang đánh ta, hai lần bị thua. Vì thế một nhà văn mới ghi việc ấy bằng hai câu:

« Nhật-Bản nhất chinh nhục tích
trường đồng dương chi thảy;
« Giao-châu lữ kích, thị cường cao
chiến cố chi sợ.

11) Tây-sơn thực lục.

12) Khâm định chính biên, quyển 34.

13) Khâm định chính biên, quyển 42.

14) Khâm định chính biên, quyển 35

15) Khâm định chính biên, quyển 30.

ĐÃ CÓ BÁN:

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI

Truyện dài tâm-lý
của Dương-Ngà giá 3$00

Người ta thường chê người Việt-nam sống không có mục-đích, không có lý-tưởng, cho nên đời sống nhạt-nhẽo, và buồn tẻ. — Sau khi đọc cuốn **Bước đường mới** của ông **Dương-Ngà**, các bạn sẽ tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, sẽ biết sống vui, và thấy đời đẹp đẽ vô cùng. — Các bạn sẽ biết hy-sinh cho đồng loại, cho nghĩa-vụ, cho lý-tưởng.

PHIÊU-LƯU

Tức Hoa-Mai số 34
của Nam-Cao giá 0$20

Giấc mơ Phò-mã

Tức Hoa-Mai số 35
của Vị-Hồ giá 0$20

Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Xuân với vũ-trụ và thi-ca

NHẬT-NHAM

Cỏ non xanh rọn chân trời..

Mỗi khi xuân đến, màu tươi tràn ngập rừng xanh, đồng nội. Tạo vật, sau một lớp áo xanh tươi, tưng-bừng rạo rực, theo dịp đàn xuân ngọt-ngào êm-dịu.

Trên rừng núi, « *cỏ cây chen đá, lá chen hoa* »: cỏ hoa nghìn sắc đua tươi..

Dưới đồng bằng, giữa những tấm thảm xanh, đềm muôn tia nghìn hồng...

Những ngọn suối, nước trong suốt đáy phản chiếu ánh dương-xuân, lững lờ buông xuôi để hưởng ứng với cảnh xuân êm-dịu, sau những cơn gầm thét, cau có, để làm việc bổn-phận trong mùa mưa lũ

Những ngọn đèo lơ lửng đầu non, giữa hai tầng thông xanh biếc vi vút trước làn gió xuân hiu hiu thổi, đa hình-dung cho một chuỗi ngày hưu-nhàn dưới trời xuân, một khi đan dê non lững-thững về làng.

Không khí êm-dịu. Cảnh-vật im lặng dưới bong dương-xuan.

Một con ong bay qua... Rồi vẫn bầu trời im lặng và tươi sáng.

Đồng lúa xanh um đã đem lại hạnh-phúc cho nhân-loại và mầu-sắc cho vũ-trụ. Hạnh phúc ấy đã được biểu-lộ bằng những câu hát nhẹ nhàng, trong trẻo của các cô xuân nữ làm cỏ trong các ruộng nương. Giọng hát từ miệng hoa cười của các cô, rồi từ giữa đồng nội vang động ra khắp vũ-trụ bao-la bát ngát.

Phải, đồng ruộng là quê hương của tất cả sinh-lực. Ta thường quên rằng mọi thứ đều phát nguyên từ đồng ruộng, trừ ánh sáng từ mặt trời soi tới, để đem sinh-khí cho tạo-vật. Mỹ-thuật, sở-trường của mỗi người đều bắt đầu từ mầu sắc ngọn cỏ, lá cây và giữa không gian, từ số hoa nhiều ít, từ hình-dung trái quả, từ khung ảnh của cây cối, của mây ngàn, của non xanh, nước thẳm.

Phong-cảnh nơi thôn-dã có ảnh-hưởng đến cuộc đời như thế, mà người thôn-quê cũng không phải không giúp cho đời, để giảm những sự ưu-tư do cuộc cạnh-tranh gây nên.

Những buổi chiều xuân tại nơi thôn-ổ, trực-tiếp với người đồng ruộng, đã để lại cho tôi nhiều kỷ-niệm êm-đềm không bao giờ quên.

Thời-kỳ niên-thiếu là một thời-kỳ tự-do và vui sướng. Nhưng thiếu-niên nơi thôn-ổ nhờ khu-vực rộng rãi của hoàn-cảnh, nhờ sự thay đổi của tạo-vật, có thể mở mang trí-tuệ và thâu-thái nhiều điều mới lạ, để vừa chơi đùa, vừa học, vừa chiêm nghiệm.

Muốn làm nên sự-nghiệp oanh-liệt, cần nên ở những nơi không-khoáng, sinh-trưởng với nông dân, những dân bình-tĩnh lần-nát trên cánh đồng, trong óc có một quan-niệm riêng về vũ-trụ, một tâm-hồn tươi sáng như mầu-sắc mùa xuân.

Phần nhiều người không chú-ý đến đồng ruộng và dân đồng ruộng, không nhớ đến đồng ruộng là một quyển sách vũ-trụ, không bút nào chép hết được, không tài lực nào đủ ghi hết được. Dân đồng ruộng tuy sống một đời thanh-đạm, giản-dị, không đủ cho thế-nhân bàn-luận đến luôn, nhưng họ rất giàu tình-cảm, họ có một kho thi-ca, phong-dao di-truyền từ đời nọ qua đời kia, một kho vô-tận, rộng rãi, bao la, bát ngát, như đồng ruộng dưới ánh dương-xuân, năm năm tươi sáng với cảnh xuân êm-dịu.

Biết bao thi-nhân đã lấy đồng ruộng làm đầu-đề cho văn thơ của mình, mà chính giữa nơi đồng ruộng đã sản-xuất ra biết bao thi-nhân ngâm vịnh về cỏ cây non nước, tạo nên một nền thi-ca rất đầy đủ, đánh dấu bước đường sinh-hoạt nông-dân.

Thi-ca không phải là một cuộc giải-trí. Các thi-nhân thường làm thơ để biết thêm việc đời. Nhân đó, thi-nhân tỏ cho đời biết là

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt: *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

còn nhiều phương-pháp hiểu đời hơn là Khoa học, luân lý, tôn giáo, trong sự sinh-hoạt hằng ngày, trong cuộc xã-giao, và trong sự sử-thế và xuất-thế. Mà mỗi người có thể tùy tài tự tạo lấy một phương-pháp để tự hiểu biết việc đời. Vì vậy một thi-nhân chưa lấy làm thoả-mãn khi đã được các tiền-bối để lại cho mình một nền học-thuật về thi-ca; gặp một dịp nào là thi-nhân trổ tài nhiều ít. Thi-nhân nhờ sự cộng-tác giữa mình về hình-thức và tinh-thần và những sự biến-cải của ngôn-ngữ, đã tổ-chức nên nghệ-thuật của mình về thi-ca. Như vậy thi-nhân biết được vũ-trụ, liên-lạc với vũ-trụ và có quyền-lực đối với vũ-trụ. Rồi thi-nhân luôn luôn xét đến độ-lượng sự am-hiểu vũ-trụ và đến cái quyền-lực đối với vũ-trụ. Ngôn-ngữ tiêu-biểu cho tư-tưởng, một nền tư-tưởng tự-do, trong trẻo, độc-lập. Thi-nhân giải-phóng cho loài người ra khỏi vòng cương-tỏa của tạo-hóa.

Ngôn-ngữ, sau khi đã thử làm những việc không thể làm được, đại trở lại bằng thi-ca với sự thực, sự thực vô biên, có thể hứa hẹn một tương-lai đầy tươi sáng.

Loài người luôn luôn trực-tiếp với vũ-trụ và hình-dung sự trực-tiếp ấy bằng sự vui vẻ khỏe mạnh, bằng câu thơ, giọng hát. Thi-ca đều tiêu biểu cho một sự thực ở hiện-tại, một mảnh tiền-định của cá nhân. Trong chốn thâm-u của vũ-trụ, những sự hành-động thường nhật của loài người có một tiếng vang rất linh-động! Cảnh-vật bầy nên một kỳ quan: nào phố-xá, nào tửu điếm, nào đường đi, nào sự hưu-quạnh, nào sự hỉ, nộ, ai, lạc, nào ký-ức chuyện thần-tiên, cuộc đời dĩ vãng đều nhờ ngòi bút của thi nhân mà được sống mãi với thời-gian.

Đây không phải là phép mầu nhiệm của thi-ca đã khiến loài người có thể thay một vũ trụ vui tươi vào một khổ hải vô nhai. Thi-ca chỉ là nhời nói của tiền-định cá nhân, của đời cá-nhân, địa-vị cá-nhân trong xã-hội, nỗ-lực cá nhân từng giờ phút, mầu sắc và linh-hồn của một lợi-khí riêng từng người. Thi-nhân thường tự hỏi mình luôn luôn: người ta có thể làm những gì?...

***

Và, lúc đầu, thi-nhân có thể sống một cuộc đời ẩn-dật để tìm chân lý. Nếu phấn-đấu với đời bị kiệt-quệ, nếu thiếu phương pháp để hiểu việc đời, thi-nhân có thể tự an ủi một khi đã sản-xuất bằng văn-thơ những lâu-đài hay những hải-đảo. Như vậy cũng là một dịp để chống đến không-gian. Theo nhiều người, cái quyền-lực to nhất của người ta là tạo nên cái chết, trong lúc sinh-thời và tuy còn sống cũng như sống trong cõi chết. Nhiều điều tho sầu đã làm cho loài người mơ mộng, để linh-hồn phiêu diêu trên chín từng mây, để quên hết những nỗi thông-khổ của cõi trần đầy gió bụi.

Nhưng thi-nhân có thể công nhận vũ trụ và dự vào công việc thế nhân, bắt đầu từ những việc tiểu-tiết, khiến giữa nhời văn và tạo vật không có chút chi phân biệt. Thế là thi-nhân có thể lên tới một bực tối-cao của tạo-hóa và tìm đến chỗ tận thiện, tận mỹ của cõi không.

Dù thi-nhân về giống nòi nào hay sở trường về môn nào, nhưng thi ca là cái sích-độ từng đoạn đời, trong mọi hoàn-cảnh và mọi thời-đại của lịch-sử.

Không có một sinh lực nào là không có âm điệu. Vì vậy người nào cũng có thể là thi nhân cả. thi-ca sẽ phổ cập khắp hoàn hầu, mỗi khi chúa Xuân đem sự vui sướng, mầu tốt tươi, tuổi trẻ khắp trần gian.

Với thơ xuân và xuân tứ, xuân có riêng ai...

NHẬT NHAM

ĐÃ CÓ BÁN:

Un Poète humaniste Annamite (Một nhà thơ cổ điển việt nam) bằng pháp văn của cụ Thượng Phạm Quỳnh nói về thơ văn của thi-sĩ Phan Mạnh Danh.

Có kèm theo bản dịch ra quốc-văn của ông Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng và nhiều bài khác.

Giá: 2 $ 00

Một quyển sách hoàn toàn thơ cả về hình thức lẫn tinh thần:

HỒNG KIỀU

của Phan Mạnh-Danh

tác giả Thi Văn Tạp (có rất ít và Bạt Hoa (hết), quyển sách đã được đức Bảo Đại ngự khen. Giá: 1 $ 50

Phan-Phong Linh, 7 Rue du Marché de Nam Định, Nam-định xuất bản.

VĂN-HỌC NAM-KỲ 1943

KIỀU-THANH-QUẾ

NĂM vừa qua là một năm rất đáng ghi nhớ của văn-học xứ Nam-kỳ.

Với năm ấy, Nam kỳ văn-học bước vào một kỷ nguyên mới. Mầm hoạt động đã bắt đầu hưng khởi... với những cuộc lễ kỷ niệm Đồ Chiểu, Thủ khoa Nghĩa, đức Khổng tử, Nguyễn Du; với cuộc diễn thuyết có tánh cách lịch sử: *Theo dấu Cao hoàng;* với mấy giải thưởng văn chương của Hội Khuyến-học Nam-kỳ và Hội Khuyến-học Cần-thơ; với các sách của mấy nhà van Nam-kỳ do các xuất bản xã và các ấn quán Hanoi đứng in, phát hành mà đáng để ý nhất là: *Bịnh ho lao, Triết lý về vũ trụ và nhân sinh, Phật giáo triết học.*

***

Ngày 28-6-1943, Hội Khuyến học Nam-kỳ tổ chức tại nhà Hát Địa-phương Saigon lễ kỷ-niệm Đồ Chiểu rất long trọng.

Chiều hôm ấy trời mưa bụi. Nhưng thính-giả đến nghe cũng đông...

Lễ kỷ-niệm bắt đầu bằng một cuộc nói thơ Vân Tiên: một người đàn bà già-nua mù-lòa vừa đánh đàn độc huyền vừa kể lại những lời thơ áo-não của một bực tài hoa ngày trước cũng mất quan-niệm về ánh sáng như mình, còn gì ý nghĩa bằng?... Còn gì cảm động cho khán giả và thính giả bằng khi được mục kích một hiện trạng phô-bày nghèo khó và bịnh tật để liên-tưởng đến một «nỗi lòng» đã thôn thức nên bổn *Lục vân Tiên.*

Giữa lúc ấy trời mưa lớn — như sầu, như lụy vì ai?!

Ông Đoàn-quang-Tấn, hội trưởng Hội Khuyến-học, bước ra nói về ý nghĩa cuộc lễ kỷ-niệm. Kết luận, ông không quên nói đến «bài học về giản-dị» — cái đề năm ngoái ông đã nói trong dịp kỷ niệm tác-giả *truyện Kiều.*

Nam ngoái, ông bảo «Hội Khuyến học Nam-kỳ kỷ niệm Nguyễn Du là nhắc cho văn-sĩ nhà Nam nhớ chừng mà nối gót theo tác-giả *truyện Kiều,* áng văn cao nhứt, mà cũng là giản-dị nhất của Việt-nam vậy.»

Năm nay, ông bảo «Hội Khuyến-học Nam-kỳ kỷ niệm Đồ Chiểu là nhắc cho văn-sĩ nhà Nam nhớ chừng mà nối gót theo tác-giả *Lục vân Tiên,* áng văn cao nhứt mà cũng là giản-dị nhất của Việt nam vậy.» Nhưng ông quên cho thính-giả rõ: *Lục vân Tiên* và *Truyện Kiều,* quyển nào giản-dị hơn quyển nào; để «bài học về giản-dị» của ông được rõ rệt đôi chút.

Dáng-điệu ông Đoàn-quang-Tấn trang nghiêm, rất hợp với phong t ái một người đứng ra khai mạc buổi lễ kỷ-niệm. Nhưng phải giọng ông hơi nhỏ, trong lúc mưa nặng hột, mà máy truyền thanh lại như muốn cợt ông từng chập réo lên một hồi dài.

Sau Đoàn-quân, Chim-Hải-Yến biệt hiệu Hải-Đường «theo dấu *Vân Tiên* tầm Đồ Chiểu».

Nghe đến biệt danh Hải-Đường, người ta tưởng tượng diễn giả ít nhất cũng phải là hiện thân của một nàng Dương quí-phi.

Nhưng đến khi diễn giả bước ra, ồ! người trông khỏe lạ! Giọng nói của ông lại át cả tiếng mưa rơi, bất cần máy truyền thanh...

Cuộc nói chuyện của ông Chim-Hải-Yến có vẻ hoạt động và vui tươi. Nhưng đến đoạn Michel Ponchon gặp Đồ Chiểu, giọng diễn giả cũng hạ thấp xuống trên sự nghèo-nàn trong-sạch của tác-giả *Lục vân Tiên.* Có nhiều thính-giả, cùng với diễn giả thành thật cảm động.

Tâm sự Vân-Tiên, nỗi lòng Đồ Chiểu, ông Chim-Hải-Yen vừa nói dứt. Bước ra cô Tư Sạng một danh ca ở Nam-kỳ, cùng với tiếng đàn tranh phụ họa, bình lên bài thơ của Tây-đô Cát-sĩ (biệt danh của giáo-sư Nguyễn-lương Kiết ở Cần-thơ) vịnh về «Tâm sự Vân Tiên».

Lời thơ đã não nùng, giọng bình lại ai-oán: một im lặng trĩu xuống bao nhiêu mái đầu của cử tọa đang nặng lòng hoài niệm cổ nhân.

Bầu không-khí buồn buồn của bao nỗi mến thương tiếc hận phút bỗng bị mấy bản nhạc trần hàng của Lưu-hữu-Phước đánh tan!

Ai Chi-lăng, Sông Bạch-đằng như hai khúc khải hoàn ca. Kéo thính giả ra khỏi cơn hôn thụy để ra về, vui tươi và phấn khởi.

***

Cũng trong tháng 6, ở Cần-thơ, nhóm Tây đô với Hội Khuyến-học tỉnh ấy hợp lực tổ chức lễ kỷ-niệm

Thủ-khoa Nghĩa. Và người ta lại quyên tiền để tu bổ lại phần mộ tác-giả *Kim thạch kỳ duyên* (Xin mở một dấu ngoặc để nhắc người ta cũng nên nhớ lo tu bổ luôn một ngôi mộ nữa ở Cần-thơ : Mộ Cử Trị) (1).

***

Ngày 9-9-1943, là « ngày văn học » ! Sở Vô-tuyến-điện Saigon phát âm nhiều bài diễn thuyết để kỷ-niệm tác-giả *truyện Kiều*. Đáng để ý nhất là bài diễn thuyết của Nguyễn-văn-Cổn.

***

Cuối tháng 9, sở Vô-tuyến-điện Saigon lại làm lễ kỷ-niệm Khổng-tử vào ngày 26 tây. Cũng có nhiều bài diễn-thuyết. Đáng để ý nhất là bài Thiếu-Sơn nói về « Nho-học với Nhân đạo ».

***

Đến hai giải thưởng văn chương : một giải lấy tên là *giải Đồ Chiểu* sẽ tặng trong năm 1944 cho danh sĩ nào viết được một quyển hay nhất về sự nghiệp và thân-thế tác-giả *Lục Vân Tiên*. Giữa Phan văn Hùm và Lê Thọ-Xuân, người ta không biết rồi ông nào sẽ giật giải. Nhưng Lê Thọ-Xuân tuyên bố chỉ nhất định « *theo dấu Cao hoàng* » mà thôi. Còn tác-giả *Nỗi lòng Đồ Chiểu* thì lại bảo rằng cho người ta mượn tất cả tài liệu về Đồ-Chiểu rồi, còn đâu mà viết với lách ! Hãy còn một ông nữa cũng làm le tranh giải ấy : ông Trượng-Chánh Nguyễn-văn-Nghĩa — cây bút năm xưa đã đưa ra đời một tập sách nhỏ về Thủ-khoa-Nghĩa.

Giải văn-chương thứ hai trong năm vừa qua của xứ Nam-kỳ là giải của bác-sĩ Lê văn-Ngôn và nhóm Tây-đô đặt ra để khuyến khích riêng các văn-sĩ Nam-kỳ thôi. Vì thế có kẻ không bằng lòng ! Nên trong quyển *Nguồn gốc văn minh* của nhà xuất bản Hàn-Thuyên, ở mấy trang cuối cùng có những lời « bóng gió » về cái giải thưởng có tánh cách địa-phương ấy.

***

Từ lâu, tôi có thành kiến cho rằng các bậc du học ở Pháp về đều không hiểu và viết được quốc văn ; cũng như các bậc ấy đã khinh-miệt phần nhiều văn sĩ Việt-nam là bọn vô học viết báo chỉ để nội xấu người ta, viết sách chỉ để kiếm lợi. Nhưng mấy năm gần đây, thành-kiến ấy không còn nữa trong thâm tâm tôi. Và tôi nhận thấy các bậc đi Tây về cũng không nghĩ lầm lạc về văn sĩ Việt-nam như trước nữa. Họ đã đọc các tác phẩm của danh-sĩ Việt-nam một cách trân trọng. Riêng chúng tôi cũng sốt-sắng chờ đợi những « công trình quốc-văn » của họ.

Sách của các bậc đi Tây về xuất bản ở Nam-kỳ cũng bộn ! Nhưng trong năm ngoái, chỉ có quyển *Bịnh ho lao* của bác-sĩ Lê văn-Ngôn là thấy trình bày khả quan nhất. Đến phần nội dung cũng có điều đáng để ý : bác-sĩ Lê văn-Ngôn viết chuyện khoa-học bằng một lối văn giản-dị, kích thích. Không gì buồn bằng đọc một quyển sách khoa học ! Lời ấy tôi thấy không đúng sau khi đọc tác-phẩm của bác sĩ Lê văn-Ngôn.

Ngoài những đoạn nghiên-cứu về lịch-sử bịnh lao và về các phương pháp ngừa lao, trị lao, quyển *Bịnh ho lao* có một phần đáng để ý nhất là phần nói về bịnh lao với hôn nhơn và bịnh lao với thai nghén.

Quyển *Triết-lý về vũ trụ và nhân sinh* của Phan văn Hùm tuy mang cái tên rất « triết học » ; nhưng chân giá trị của nó là không phải ở những giòng chuyên trị về triết học ; mà chính ở những giòng nhân cái triết lý về vũ trụ và nhân sinh đưa ra mấy bài học lịch sử đầy ý nghĩa. Phan quân đem đời người, với những phương diện sanh lý, trí-tuệ, tình-cảm, sánh cùng bốn mùa xuân hạ thu đông của thời tiết. Mùa xuân là mùa của tuổi trẻ Trả ; qua hạ, thu, đến đông là mùa của tuổi già, của điêu tàn. Nhưng « không lẽ cảnh đông thiên kéo dài mãi » (trang 151), « vì luật tuần hoàn đưa đẩy, cảnh đông thiên lạnh lẽo âm u mấy rồi cũng phải hết. Và một phen đã nhẹ nhàng thoát ly ra ngoài sự đau khổ, những sự thất bại, những điều kinh nghiệm đau đớn kia sẽ giúp cho ta tạo lập lại một cuộc đời mới mẻ, tốt đẹp, khác nào những lá vàng lình lạc dưới gốc cây bồi đắp cho cây được xinh tươi » (trang 156). Từ xuân đến đông của *thời tiết* cũng như từ sớm đến tối của *một ngày*, cũng như từ trẻ đến già của một *kiếp người*.

Hết đông thì phải trở lại sang *xuân* ;

Hết tối, hết đêm thì phải trở lại *sáng sớm* ;

Hết già, chết thì hóa sinh kiếp khác, để lại *tươi trẻ*.

« Chủng-tộc cũng tấn hóa như cá nhân... theo lẽ tuần hoàn, sự định (doanh) khuy tiêu trưởng cứ tiếp tục đổi thay, cuộc thế suy vi cũng có ngày phục hưng thịnh vượng... » (trang 137).

(*Xem tiếp trang 45*)

1) *Xem Tri Tân số 75, bài « Ngôi mả hoang ».*

TRÊN ĐƯỜNG «NGHĨA-VỤ»

Truyện ngắn của KHÁI-SINH

Trong số xuân năm Ngọ dưới đầu đề «nghĩa-vụ», các bạn đọc đã rõ vì sao Văn phải dấn thân vào chốn tử bi...

Một đêm không trăng sao, vào hồi 20 tháng Giêng, một thanh niên cứng cáp trong bộ đồ tây, gọn gàng đi ven bể lại. Người ấy đi một cách nhẹ nhàng, lanh lẹn, mặc cho tiếng chó ở xa đang xủa gió. Người ấy đi, đi để làm việc cho đời...

Hai năm qua, kể từ năm Ngọ. Đầu xuân năm ấy, Văn lần theo làn cát trắng chỗ gần chùa Bà-Đế ở bãi biển Đồ-Sơn, bước thấp bước cao, đến bến Sâm (1), ngồi một lúc rồi ngoảnh cổ lại: Kia làn nước biếc mông mênh bát ngát, lớp sóng bạc nhấp nhô trôi dạt vừng thái dương đỏ ối một góc giời...

Dưới chân Văn, lũ Dã-tràng xoăn xoe se cát làm cho Văn càng xúc cảm, tăng thêm cái chí lập thân. Ừ! Con Dã-tràng kia sao cứ kiên nhẫn se cát dù biết chỗ cát se ấy chỉ có thể tồn tại trong khoảnh khắc.

Dã-tràng se cát bể đông,
Nhọc mình mà có nên công-cán gì!

Kh ông nên công cán gì, thực, «hưng nó cứ se, vì là nghĩa vụ của nó. Ta đây, đường đường một đấng nam-nhi, trí khôn có đủ sức khỏe vốn sẵn, không lẽ lại vì một cuộc thất-bại trong tình trường mà liều thân hoại thể, ta cần phải sốt sắng tự lập, đem tấm thân bẩy thước mà đền ơn xã hội, quốc gia...

Ấy Văn nghĩ thế, nên quyết chí về Hà-nội. Nhân người anh quen một ông bạn có cái ấp trệu Thái, đang thiếu người trông nom, Văn yêu cầu ông ta lên đảm nhận việc quản-lý ấp ấy.

Văn vốn thích nghề giồng giọt chăm nuôi ngay từ khi còn đi học đã từng ao ước: «Được một khoảnh vườn và một tủ sách, thì đời tôi chẳng còn thiếu chi nữa» Vì Văn vốn tin rằng: «Xuốt năm giồng hoa, cái ăn thức mặc có thể không thiếu được» (2)

Bởi vậy Văn thường ngâm nga những câu:

«Ai đi đường ấy mặc ai,
«Ta về cầy ruộng giồng đồi ta ăn.
(Tản Đà)

«Mưa xuân phơi phới vườn hồng,
«Ta về đập đất, ta giồng lấy cây,
«Giồng lấy cây mong ngày ăn quả,
«Can chi mà vất vả như ai?
(Phong Dao)

«Ai giầu thì mặc ai giầu,
«Tớ về nhà tớ hái dâu, chăn tằm.
«Tớ chăn tằm lấy tơ tớ dệt,
«May áo quần khỏi rét ai bì!
(Phong Dao)

«Ao to là thả cá chơi.
«Hồ rộng nuôi vịt vườn khơi nuôi gà,
«Quanh năm khách khứa trong nhà,
«Ao vườn sẵn đó lọ là tìm đâu?
(Phong Dao)

Và bài thơ:

«Mấy khoảnh vườn còn, mấy khoảnh ao,
Nào nơi giồng chuối chốn giồng cau,
Xóm làng đi lại vui trưa sớm,
Khách-khứa ra vào sẵn cá rau
Hồng gió trên cây khi hái quả,
Xem trăng dưới nước lúc buông câu.
Cơn buồn dắt trẻ thăm vườn cảnh
Chẳng tụy chi ai, cũng chẳng cầu.
(A Nam)

***

Ngày ấy, nhiều người biết Văn có những tư-tưởng đó đã bảo Văn là người vị kỷ, chỉ muốn sướng lấy một mình, không thiết gì đến việc xã-hội cả. Nhưng Văn phản-đối:

«Người nào nói thế là chưa nghĩ kỹ. Ông Thái-Công ngày xưa suốt ngày với một cần câu, cứ ngồi hết tảng đá này đến tảng đá khác ở sông Vị, cũng hầu phú quý mặc ai; ông Trần Đoàn cũng cứ suốt đời lấy gió giăng làm thích, coi danh lợi như giấc chiêm bao, dễ những người ấy đều là những người vị-kỷ cả sao? Bọn ta ngày nay không dám sánh với các bậc ấy, song cứ thiển ý tôi nghĩ thì ở trên thế gian này, trừ cái hạng vô dụng ra, còn ai là người có chút lương-tâm có thể phân làm 2 hạng một hạng ông Trời phú cho tất thông minh, tài cán, một hạng ông Trời phú cho trí khôn vừa vừa tài cán bậc trung Hạng trên thì phải cố công cùng sức, dem hết tâm lực lo gánh vác cho xã hội, nếu không thế mà cứ tự lợi tự tại

thì mới là hạng người có tội. Còn hạng dưới không làm được những việc lớn thì chỉ bằng cứ an phận làm ăn, có dư của dư công chút nào, giúp vào mọi cuộc công ích: Thế cũng là biết đi trên đường nghĩa-vụ.»

Nay cậu được cơ hội thực hành cái chí của mình nên Văn vui vẻ mà:

« Quyết chí phen này xếp bút nghiên
Trở về vui với thú điền viên,
Văn chương vẫn biết ta vô giá,
Canh-tác xem ra lại có quyền.
Nghĩ những thiên kinh cùng vạn quyển,
Sao hơn lắm thác với nhiều tiền.
Nghề nông chẳng khác chi nghề chữ
Nghĩa vụ làm dân cốt vẹn tuyền.»

(Khai Hóa, 2-4-25)

Giữa ngày mồng một tháng hai Văn đáp ô-tô cùng với ông chủ ấp lên Thái nhận việc.

Ấp này ở cách tỉnh lỵ 5 cây số, 3 mặt sông, một mặt núi, cảnh trí rất đẹp, ngoài hơn tram mẫu là ruộng, còn ngót 30 mẫu là đồi cỏ.

Mấy ngày đầu, Văn đi quan sát địa thế, xem xét tình hình. Thấy công việc còn phải khuếch trương nhiều, Văn mới thảo một chương-trình hai năm gửi về cho ông chủ ấp. Ông chủ xem biết cái tài của Văn, liền chuẩn y ngay. Thế là Văn cứ làm:

Năm thứ nhất, Văn sửa-sang đường xá, khơi những vực nước cho chảy ra suối, mua bò ở các đồi cỏ, nuôi dê ở một khu riêng;

Năm thứ hai, Văn cho đào các lạch con khiến nước ở suối vào nhiều để những năm hạn-hán, các tá điền có đủ nước cây. Văn lại mở trường học cho các con châu tá điền, tổ chức những cuộc nói chuyện về vệ sinh thường thức và các cách giống giọt chăn nuôi cho dân ở ấp và quanh đấy hiểu biết. Ngoài ra, Văn lập một quỹ tương tế trong hàng tá-điền, mỗi khi có hoa lợi mầu mỡ gì, các người bạn-điền đều phải trích ra một phần hai mươi bỏ vào nghĩa sương phòng lúc túng bấn thì lấy ra mà ăn tiêu hay có các ạn bè chẳng may gặp hồi đen thì sẵn đây đem ra cứu giúp.

Vì thế, xuốt trong hàng ấp, ai ai cũng mến Văn, quý Văn kính trọng Văn, coi như một vị phúc tinh

***

Thời-giờ qua, ngày mồng hai tháng mười năm Mùi, vừa gần 2 năm. Một buổi sớm trong trẻo, vừng ô đỏ rực chân giời, cơn gió hiu hiu thổi mát, trên cành hồng thắm long lanh cánh hoa tươi, dưới ngọn xanh rủ, riu ríu tiếng chim ríu. Văn vội bước rảo lên đồi gần nhà Văn, cạm thấy vẻ đẹp bày trước mắt: dưới chân đồi những thửa ruộng cao thấp xen lẫn giòng nước đục, dẫng xa xa, mấy lều tranh nhấp nhô trong đám bụi che xanh; . . . đây là đàn bò béo vàng đang nhoan ngoãn theo mấy đứa nhỏ chăn trên đồi cỏ; kia là đám dê sặc sỡ nhảy nhót sát bụi cây rậm. . . Thật là một cảnh đầy thi vị! Văn lấy làm khoái trí: Phải, được sống một đời êm đềm ở chốn này thì còn gì thú bằng! Thực thế, cảnh vật với Văn tuy hai mà một, vì nó luyến Văn, mà Văn cũng mến nó. Không những Văn mến nó, lại mến cả cái xã hội giản-dị của mấy bác sống giữa cảnh vật ấy.

Này, mới mờ đất, có lẽ trước khi Văn thức dậy 1 giờ, bác nông phu đã vác cày dắt trâu đi làm. « Đi đi », con vật ra sức kéo, đất tuy rắn chặt nhưng cũng bị lật qua lưỡi cày sắc bóng dưới tia lửa hồng.

(Xem tiếp trang 40)

1) *Một bến đỗ cái thuyền đánh cá trú lại đồ sơn, giáp với biệt thự của phủ toàn-quyền.*

2) *Trung niên tài hoa, y thực khả dĩ vô khuyết (chữ trong quyển chữ nho học lấy của đường Bá trực)*

XUÂN PHONG VĂN TẬP

Với những món quà văn chương đầy hương sắc:

Đón gió xuân — Xuân du phương thảo địa — Lê Thọ Xuân vô xuân — Phan Khôi đa tình — câu đối của Đông Hồ — Nụ cười giai nhân và văn nhân — Lê văn Trương với đàn bà — Từ Oscar Wilde đến Nguyễn Tuân — Lỗ mũi và da của Nguyễn Tuân — Cái tát của Nguyễn công Hoan — Ngày mai của Phan trần Chúc và của các nghệ sĩ Việt Nam — Óc khoa học giả dối của Trương Tửu — Một cặp bất tử: Điệu Anh, Xuân Sanh — Thơ Đa Đa hay thơ Cập thể — Nhạc trong thơ — Kẻ nào nên đét và nên chém trong văn chương Việt Nam — Trong quốc sử Lê đại Hành hữu công hay đắc tội? — Ngọc Hào vương phi (lịch sử tiểu thuyết).

Bìa chạy litho nhiều màu. Mỗi tập dày dặn khổ lớn: 2$20

Mua buôn C. R. gởi về 303-304 Pétrus Ký Cholon

Các nơi trường thi...

(*Tiếp theo trang 15*)

Thập-đạo nghĩa là giữa con đường chữ-thập. Thẳng nhà thập-đạo ra đằng trước có một cửa gọi là cửa tiền, cửa này chỉ để riêng cho học-trò khi làm bài xong ở trong trường đi ra. Bốn vi đằng trước gọi là vi Giap-nhất, Giáp-nhì, Ất-nhất, Ất-nhì; bốn vi đằng sau gọi là Tả-nhất, Tả nhị, Hữu-nhất, Hữu-nhị. Mỗi vi có một cửa ra ngoài để cho học-trò vào và một cửa ở trong đi lên nhà Thập-đạo. Ở tám cửa để cho học-trò vào, trước hôm thi mỗi cửa cho treo bảng biên tên những người nào vào vi nào, học-trò vào xong thì các cửa ấy đóng lại. Trong trường có ba cái trời; cái giữa cạnh nhà Thập-đạo để các quan Ngoại-trường ngồi coi học trò làm bài; hai cái hai bên ở vào giữa con đường từ tả sang hữu tám vi, có quan ngự ngoại-trường và nội-trường để giám sát cả quan trường và học-trò.

Các quan-trường nghĩa là tất cả các viên-chức ở trường thi, xin chia làm hai ban cho dễ hiểu.

A. — Một ban là các quan chỉ chuyên việc chấm quyển thi: có một quan Chánh chủ-khảo, một quan Phó chủ-khảo là quan ngoại-trường; hai quan Giám-khảo, 4 quan Phúc-khảo 8 quan Sơ-khảo là quan Nội-trường. Mỗi quyển thi do quan Sơ-khảo chấm trước, dấu chấm son ta, rồi đến quan Phúc-khảo dấu xanh, Giám-khảo dấu hồng đơn, quan Chánh Phó khảo chấm sau cùng để định được hay hỏng, chấm bằng dấu son tàu. Nếu quyển nào quan Sơ, Phúc, Giám đánh hỏng thì đến phần quan Phân-khảo xét lại và chấm, quyển nào đáng đỗ thì lại giao sang quan Chánh, Phó định. Quan Chánh, Phó và Phân-khảo lại còn trông coi việc soạn quyển chia thẻ. Việc soạn quyển chia thẻ làm ở sở đề-điệu ở giữa Ngoại-trường và Nội-trường, bốn bề xây tường kín làm nơi đựng quyển, không quan chấm trường nào được đi lại chỗ đó, chỉ có trước ngày tiến trường năm sáu hôm, quan Phân-khảo đến đấy soạn quyển đề tên vào các thẻ gỗ, đem thẻ trộn đều lên rồi chia làm 8 vi, tên nào vào vi nào viết lên bảng treo ở cửa vi gọi là bảng cửa.

Vào khoảng 10 giờ đêm trước hôm học-trò vào thi, 8 quan trường đều bận đại-triều ngồi trên 8 ghế chéo ở tám cửa để đốc-thúc lại-phòng soạn quyển xướng tên phát cho học-trò vào thi. Quan Chánh chủ-khảo ngồi cửa Giáp-nhất, quan Phó của Ất-nhất; 2 quan Giám-khảo Giáp-nhì, Ất-nhì, 2 quan đề tuyển tả-nhất, hữu-nhất; 2 quan Phân-khảo tả-nhì, hữu-nhì. Khi học-trò vào xong, các quan hội-đồng ở nhà Thập-đạo để ra đầu bài; yết ở một cái bảng dựng trong từng vi về phía nhà Thập-đạo. Khi hết hạn, các học-trò ở các vi đem nộp quyển ở nhà Thập-đạo rồi theo cửa tiền mà ra. Lại-phòng thu quyển đóng dấu bỏ vào hòm rồi giao cho các quan Đề-tuyển coi việc dọc phách cùng chia quyển cho các quan đề chấm.

B. — Một ban là các quan trông nom việc thi; Có hai quan Đề-tuyển ở trong trường chuyên chủ việc dọc phách, kháp khách, soạn từng hiệu phong lại. Việc này thật là nghiêm-mật, và hai viên quan ấy chỉ dùng người lại-điền nghĩa là không đỗ gì. Khi quyển văn đưa đến, 2 viên ấy đem đánh dấu dọc phách tên họ học-trò cất kín đi, chỉ đem quyển văn đưa chấm, khi chấm xong, các quan chấm thi lại giao lại hai viên đề-tuyển đem phách cũ mà đính lại. Hai viên đề tuyển chỉ được biết ai đỗ ai hỏng, chứ không có quyển cho ai đỗ ai hỏng.

Một quan Ngự-sử ở Nội-trường đốc suất 4 viên mật-sát đi khám xét công-việc ở Nội-trường. Một viên Trưởng-ấn ở Ngoại-trường đốc suất tám viên thề sát khám xét các công việc ở Ngoại-trường. Các viên ấy tuy không được dự chấm quyển thi, nhưng mà hết thảy các công-việc ở trong trường, từ quan Chánh chủ-khảo trở xuống ai có sự gì tình tiết không công hay trái phép thì quan Chưởng-ấn và Ngự-sử đều phải kể tội mà tâu về triều. Trong ngày thi việc canh-phòng trong trường giao cho 8 người đội thề sát dưới quyển quan Ngự-sử. Trong 8 người đội ấy, 4 người chuyên giữ việc gian-lậu, coi cả quan-trường cùng học-trò, còn 4 người để giữ trật-tự. Các quan-trường có chừng 40 người lại-phòng do các tơ thuộc các tỉnh cắt ra để giúp đỡ, hoặc viết bảng, hoặc sao chép, v. v... Suốt cả các vụ thi quan Đề-đốc và Lãnh-binh tỉnh Nam phải đem lính diễu quanh ngoài trường để canh-phòng.

Còn học-trò, ai cũng phải sắm-sửa đủ các đồ cần dùng, lều, chiếu, yên, trống và một cái cháp trong đựng đủ các thức: bút, giấy, nghiên, mực

dao, kéo, dùi, cơm, nước và các vật-liệu dùng trong một ngày, nhưng cần nhất là một cái ống gỗ đeo ở cổ để đựng quyển thì gọi là ống quyển, và không được mang một tí giấy có chữ nào. Đêm hôm vào trường phải đủ các vật-liệu ấy, mà phải mang lấy, đứng đợi ở cửa vi nào có tên mình. Khi xướng đến tên, dạ to mà vào lĩnh quyển bỏ ống rồi vào trường đóng lều đợi khi có trống hiệu có đầu bài ra chép về mà làm. Những quyển mình lĩnh đó là quyển đã nộp ở các quan Đốc-học các tỉnh sau khi đỗ hạch; các quan Đốc đệ vào trường đóng dấu rồi mới phát cho.

Lĩnh quyển xong, đội thề-sát sai lính, lục soát khám xét kỹ càng rồi mới cho vào trong vi. Người học-trò nào mang sách vở hay văn cũ thì phải đuổi ra ngay, người ấy cả đời không được đi thi nữa, lại đem giả-hiệu ba ngày. Còn học-trò vào trong trường chính lệ ra phải đóng lều cho nghiêm-chỉnh, sao đầu bài mà làm văn, không được đi lại hỏi nhau, người nào trái phép thì đuổi ra. Cho nên có khi cha con anh em cùng một nhà mỗi người ở một vi, không được gặp nhau.

Hết kỳ thứ nhất, thứ hai đến kỳ thứ ba, quyển nào có phê, thời các quan đề-tuyển, soạn đem những quyển kỳ thứ nhất, thứ hai cùng thứ ba của từng tên đóng thành một tập, thông tính ba kỳ giỏi cả, dem kê quyển ấy tên họ là gì, tư trình quan Ngoại-trường, chiếu tên ra bảng phúc hạch.

Ai được vào phúc hạch, trước một hôm phải đóng quyển cách-thức cũng như quyển thi rồi đem nộp cùng với lều chiếu ở nhà Thập-đạo. Quan trường sai lính thu lấy đem chia đóng ở 8 vi, xét mỗi tên viết vào một cái biển cót đóng ở trước lều, mỗi lều cách nhau chừng 20 thước tây để không hỏi nhau được.

Sáng sớm ngày phúc hạch, các tú sĩ đều chực ở cửa trường đợi xướng tên rồi lãnh quyển. Quan trường sai lính đưa từng người vào vi, nhận lấy tên mà ngồi yên trong lều làm văn vì mỗi lều đã có một bản đầu bài để sẵn. Khi phúc-hạch không ai được ra khỏi lều, nếu ai trái phép thì phải đuổi ra ngay.

Làm xong bài đem chấm, ai giỏi thì để vào bạng Cử-nhân, ai trung-bình vào bạng Tú-tài còn ai kém thì hỏng hẳn. Hạng Cử-nhân lệ có xướng danh treo bảng, vua ban cấp cho mũ áo và giầy văn hài, đến sáng ngày hôm sau theo các quan trường và quan tỉnh đến vọng-cung lạy tạ rồi lĩnh cỗ yến. Đến như bằng Cử-nhân thì bằng gỗ đằng sau bảng có vẽ hình con hổ, còn bằng Tú-tài thì làm bằng phên tre mà không có xướng danh.

Việc trường xong rồi, các quan trường soạn những quyển đỗ và những quyển được vào kỳ thứ ba đóng cả vào hòm đệ về kinh giao cho bộ Lệ hội-đồng tam nha là bộ Lễ, Nội-các và khoa-đạo để xét lại tâu vua y cho. Trong những quyển đỗ nhỡ ra có ai phạm trường quí, phạm huý, viết nhầm lẫn hay văn kém còn phải đánh hỏng; còn những quyển quan trường trót đánh hỏng những văn giỏi thì có khi lại lấy đỗ. Các ông cử thì đến tháng giêng năm sau phải về kinh thi hội, vì có khi vào thi hội, nhỡ ra văn kém quá thì mất cả cử-nhân.

Đó là cuộc thi hương trường Nam từ lúc vào thi cho đến lúc đỗ Cử-nhân, còn phải thế nào mới được vào thi cùng cách học từ thuở bé những thế nào mới đủ tư-cách đi thi, xin kể qua sau đây.

Trước năm có khoa thi ở các tỉnh có một kỳ thi gọi là Hạch để chọn học-trò cho đi thi. Ai tình nguyện xin thi phải do lý-trưởng sở tại khai rõ họ, tên, tuổi, quê-quán và vẫn là người lương thiện không can án bao giờ mới được nộp quyển hạch, gọi là loại khai. Trên quyển hạch cũng đã phải theo như cách thức quyển thi, ngoài tên tuổi quê quán ra lại phải khai cho học-trò ai, gốc tích mình từ ba đời: cụ, ông và bố làm nghề gì, chức gì, còn hay mất. Các quan Huấn, Giáo các phủ, huyện phải xét hạch xem ai học thông thì làm danh sách đệ lên tỉnh, quan tỉnh hội đồng học-nha xét lại xem ai khá có thể thi đỗ được thì đệ danh sách vào bộ Lễ để biết rõ số học trò là bao nhiêu mà cử quan chấm trường. Thế gọi là đi hạch, ai đỗ hạch có giấy sức về làng đem quyển thi để phan minh nộp tại quan Đốc, mỗi người phải nộp cả quyển ba kỳ, thu xong gần đến ngày thi các quan Đốc đóng hòm đệ xuống Nam nộp các quan trường để phát cho học-trò.

Đó một phần về lính thức của khoa cử nước nhà. Còn rái chân tướng về tinh thần của khoa-cử, tại sao mà thịnh, tại sao mà suy, có lẽ đều do cách học sai lạc. Ta muốn biết kỹ, cần phải khảo sát. Khoa cử có lúc có nhân-tài, có lúc không có. Nay ta quí công hay qui tội cả cho khoa cử có lẽ chưa phải là định-luận.

TRẦN-VĂN-GIÁP

(Xem bản-đồ trang 41)

THƠ XUÂN ĐỜI HỒNG-ĐỨC

(Tiếp theo trang 9)

Trúc thụ

Kỳ-viên dưỡng dự nẻo sơ đông,
Tiễn mạt đầu cành thuở gió dong.
Giá chẳng xâm hay tiết cứng,
Giăng những tỏ biết lòng khộng.
Đài vương-tử vắng nhàn xoang phượng,
Trầm cát pha thanh dễ hóa rồng.
Thiên-hạ tri âm hay có mấy,
Mai thì ngự sử trượng phù tùng.

(Hồng-đức..., tờ 45 b).

Quân-tử trúc

Giống lạ giang lăng ắt được đành,
Một mai nắng chiếm được cao-danh.
Lòng không chẳng vả phô niềm tục,
Khi cứng hằng thì một tiết thanh.
Sớm còn đeo chim phượng đỏ,
Khuya chờ mọc cháu rồng xanh.
Kham chi thế gọi là quân-tử,
Sương tuyết nào hề biến mình ?

(Hồng-đức..., tờ 45 b-46 a).

Hải-đường thụy

Trầm-hương ngày vắng sạ sơ xông,
Hoa hai-đường đà một giấc nồng.
Nghĩ ngại tóc loan trâm chửa vén,
Mơ-màng tin điệp nhị con phong.
Lầu xuân chửa tỉnh ba canh nguyệt,
Trướng vóc thêm ngưng một đóa hồng,
Chớ thuở ôn tuyền khi tắm đã,
Tốt tươi dễ động hứng huyền-tôn.

(Hồng-đức..., tờ 48 a)

Tàn-xuân lữ-xá (Cảnh lữ-thứ buổi tàn xuân)

Hoa bay nước chảy cũng vô tình,
Gió quyến xuân đưa đến Sở-thành.
Hồ-điệp mơ-màng nhà mấy dặm,
Tử-qui khắc khoái nguyệt ba canh.
Thư nhàn dễ cách lòng nên bạc,
Tóc tuyết khôn cầm thức lại xanh.
Nẻo ấy chẳng về, về ắt được,
Năm hồ cảnh vắng, có ai tranh ?

(Hồng-đức..., tờ 29 b

Thiên-hạ thái-bình

Thụy ứng điềm lành thuận gió mưa,
Đường Ngu đem lại Thái-hòa xưa.
Giữa giời chềm-chễm áu vàng đặt,
Tám cõi lầu-lầu đuốc ngọc phau.
Ải tắt ngòi lang không nỡ quét,
Bề thanh lầu thận phẳng như tờ.
Ở yên mấy kẻ lo nghèo trước,
Tình nước lòng mây dại chẳng chừa.

(Hồng-đức..., tờ 36 a)

Ứng-hòe NGUYEN-VĂN-TỐ

Một cuốn sách quý (đang in)

Sau trận thủy chiến ở Bạch Đằng, trận Đống đa là một võ-công oanh liệt nhất ở trong sử ký Việt-Nam ; muốn biết rõ những cách hành binh cùng sự toàn thắng, xin các bạn đón coi :

QUANG TRUNG

lịch sử ký sự của HOA-BẰNG

Một quyển sách có nhiều tài liệu mới lạ về triều Tây-sơn.
Xin nhận mua trước tại :

Tỵ xuất bản Tri-Tân

95-97, Chanceaulme — Hanoi

Nhà Thục và nhà Triệu

(Tiếp theo trang 7)

có thể đứng vững được thì Thục-Phán chẳng phải là người nước Thục ở miền Tứ-Xuyên (5) mà chính là một người lẽ lạc trong dân Việt nổi lên cầm đầu trong khi nguy biến mà dân không có chủ. Cái tên Tây-Âu, hay Tây Âu-Lạc Lạc hay Âu là do người Tàu dùng để gọi xứ ấy, để phân biệt với các rợ Việt khác, như Đông-Âu, chứ không phải do Thục Phán dựng nước rồi đặt quốc hiệu. Bấy giờ Thục Phán bèn xây Loa-Thành ở Phong-Khê, (nay là làng Cổ-Loa, huyện Đông-an, tỉnh Phúc-An) để phòng bị quân nhà Tần.

Điều tôi nói đây chỉ là một ức thuyết do một câu sách Hoài-Nam-tử (làm trước năm 123 trước kỷ-nguyên). Nhưng nếu sau nầy có chứng cứ khác lắm vững-vàng thêm ức-thuyết ấy thì các nhà sử cũ (như *Toàn-thư* và *Cương-Mục*) đặt nhà Thục vào sử nước ta cũng không phải là làm càn.

Trong tạp-chí Tao-Đan số 3 (1er Avril 1939), ông Ngô-Tất-Tô (6) cho rằng thành Cổ-Loa hoặc là do người Hán đắp, hoặc là do Ngô-Quyền (Ngô-Quyền đóng đô ở Cổ-Loa) đắp, chứ quyết không phải là có vua Thục dựng lên thành ấy. Ông cho rằng các nhà chép sử nước ta chỉ bằng vào sách *Lĩnh-Nam trích-quái* mà gán thành Cổ Loa cho vua Thục và đưa vua Thục vào sử mình

Nhưng theo lời chú của họ Diêu (Diêu văn-Hàm) ở sách *Quảng-Châu-Ký* về đoạn nói vua Thục thì ta thấy họ Diêu đã nói rằng An-Dương vương đóng đô ở Phong-Khê, mà Phong-Khê thì là tên huyện (theo sách *Hậu-Hán-thư*), đặt ra từ đời Hán Kiến-Vũ, ở khoảng giữa sông Cả-Lồ và hữu ngạn sông Nhị-Hà, tức là miền mà hiện nay còn thấy dấu tích của Loa-Thành (7). Ta nên hiểu câu của họ Diêu là An Dương-Vương đóng đô tại đất mà nhà Hậu-Hán đặt làm huyện Phong-Khê. Họ Diêu là người đời Tấn (265-420) có lẽ căn cứ vào những tài liệu hoặc những truyền kỳ ở bản xứ. Vậy thì cái thuyết vua Thục đóng đô ở Phong-Khê, nghĩa là ở miền tỉnh Phúc-An ngày nay, đã có từ thế kỷ thứ 4 thứ 5 rồi. Dù vua Thục có xây Loa-Thành hay không thì ta cũng có thể nhận rằng Thục-Phán hay An-Dương-Vương đóng đô ở miền Bắc-Kỳ, thì nước Âu-Lạc, có thể là đất Lạc-Việt (8) hay Giao-chỉ.

Lại có thuyết cho rằng vì An-Dương Vương là người Thục đến đánh diệt Hùng vương mà gồm chiếm đất đai (theo thuyết chính thông xưa nay), thì ta phải xem An-Dương-Vương là kẻ chinh phục chứ không thể xem nhà Thục là một triều vua chính thống của ta được. Thuyết ấy cho An-Dương Vương là người ngoài cũng chưa có chứng cớ chắc chắn đầy đủ, nên ta chưa thể tin được.

Song, dẫu An-Dương Vương là người Việt hay là người ngoài đến chinh phục đất Việt, ta cũng không có lẽ nào bỏ chuyện An Dương-Vương mà không chép vào sử của ta. *(Còn nữa)*

ĐÀO DUY ANH

5) Sách Khâm Định Việt sử thông giám Cương mục (*ngoại kỷ, 1, 8 b*) cũng nói rằng : *Nước Thục, từ đời Chu (năm 316 trước kỷ-nguyên) đã bị nhà Tần diệt. . và cách đến 2, 3 nghìn dặm, nước Thục làm sao mà vượt qua các nước khác để đi chiếm Văn Lang ? Gọi rằng Thục đó chỉ là một họ nào ở lân cận nước Văn Lang ở miền Tây Bắc.*

6) *Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục.*

(7) *Theo L Aurousseau.*

(8) *Theo sách Du địa chí của Cô Hy Phùng ở thế kỷ thứ 6 nói rằng : đất Giao-chỉ đời Chu là Lạc Việt, đời Tần là Tây Âu hay Tây Âu Lạc.*

(9) Sử-ký, *quyển 116 — Xem luận* Tiền-Hán thư, *quyển 95*

HÃY ĐÓN XEM

XUÂN TÂY ĐÔ

— Bài vở đặc sắc của Lê văn Ngôn, Tố phang Tây Đô cát sĩ, Trực thần, Trường sơn chí, Trình Tường, Hoài vân, Trần ngọc Lân, Nguyễn văn Mười.

— Bìa láng bốn màu,

— Hi họa

— phụ bản 30 X 40 ba màu in litho rất mỹ thuật do họa sĩ Nguyễn văn Mười vẽ và trình bày

XUÂN TÂY ĐÔ

là một TẬP SÁCH TẾT mà mỗi gia đình đều phải có trong lúc Xuân về.

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa phổi . . .	1 00
Khoa chữa mắt . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : M. Nguyễn-xuân Dương Lạc long 22 Tientsin Hà nội.

Từ tinh-thần quốc-gia...

(*Tiếp theo trang 11*)

cho con, được tin ấy khóc oà (động khốc) rồi kéo quân về (938). Những giọt nước mắt ấy chấm hết cho cuộc đô-hộ Tàu, đã kéo dài hơn mười thế-kỷ trên nước Việt vậy.

Bắc cự. — Đuổi được quân Tàu, gây nền độc-lập, dân Việt lo sắp-đặt trong nước, củng-cố lực-lượng của mình. Nhưng người Tàu chẳng khi nào quên « Nam-châu » là miếng đất béo, nên không để sót cơ-hội tốt nào mà không qua xâm-lấn, chực quận huyện nước ta. Nhưng tinh-thần quốc-gia và sự hiệp nhất mà dân tộc ta đã mua được với một giá quá cao là những nỗi khổ-sở ngót mười thế-kỷ dưới chính-sách tham-tàn của người Tầu, gặp những lúc Bắc-xâm, lại giúp dân-tộc ta chiến-đấu cho đến thắng-lợi, mà bảo-toàn đất nước cùng giống-nòi.

Được các triều vua nối nhau un-đúc, xây-đắp thêm, tinh-thần quốc-gia càng ngày càng mãnh-liệt, đến nỗi sau nầy, về cuối đời Hồ (1407), trong nước vì nhất đán lòng người ly-tán, nên bị quân Minh sang đánh, đặt cuộc đô-hộ (1414), nhưng chẳng bao lâu, toàn-quốc lại do một vị đại anh-hùng là Lê-Lợi đứng chỉ-huy, nổi dậy (1418); rồi sau mười năm « nằm gai nuốt mật, chải gió tầm mưa » (6), đuổi được quân Tàu ra khỏi nước.

Bài thơ « *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* » ở đời Lý bài hịch tướng sĩ của Trần-quốc-Tuấn, bài thơ thuật-hoài của Đặng-Dung bài *Bình ngô đại-cáo* của Nguyễn-Trãi, các áng văn ấy đều « hy-dẫy một quốc-hồn, khi thì hùng-dõng, khi thì bi-ai, nhưng lúc nào cũng nồng nàn, thấm-thía.

Nam tiến. — Nhưng dân Việt sanh tụ mỗi ngày mỗi nhiều, chẳng bao lâu thấy chỗ dung-thân thành ra hẹp-hòi, bèn tìm cách mở-mang đất nước. Phía Bắc, nước Tàu to lớn, hùng-cường, làm thế nào mà tranh đất của họ được? Phía Tây, rừng-núi hiểm-trở, chỉ còn mỗi một con đường là vào Nam vậy.

Suy hiện-tại có thể biết dĩ vãng; xem cách người mình bây giờ lên Lào và qua Cao-man làm ăn, có thể tưởng-tượng được dân-tộc ta đời xưa đã đánh nước cờ Nam-tiến thế nào. Đầu-tiên là một cuộc di-dân êm-ái: dân Việt làm như vết dầu tràn sang, canh-khẩn các mảnh đất mà người Chàm bỏ hoang, hoặc làm các việc mà một dân-tộc không cần-lao bằng dân-tộc ta không thèm làm, như thương-mại, cố-công chẳng hạn. Đối-phó với sự phản-động của dân bản xứ, khi còn lẻ-loi, yếu kém, thì ta dùng mưu, đến nay dân-gian còn kể lại hai mưu-mô kỳ-quặc mà theo họ thì người mình đã dùng để phỉnh người Chàm. như trồng tre, trở gốc lên Trời (7) và xây thành bằng cót (8). Rồi chẳng bao lâu nền kinh-tế các khoảng đất ấy lọt vào tay ta, khi ấy ta ra mặt chiếm lấy.

Chắc-hẳn người Chàm cố giành lại đất-đai của họ, nhưng người Việt đã vững chân mất rồi. Người Chàm đến ít thì di-dân Việt vác cuốc và nấp sau những lũy tre đã trồng lên một cái tài-tình như vừa nói trên, mà trống cự lại. Quân Chàm kéo đến đông chăng? Thì di-dân Việt đã có hậu-thuẫn chắc-chắn là những đạo binh Việt ồ-ạt, hùng-hổ tiến vào. Đến khi ấy binh-lính Việt, chẳng những lấy các mảnh đất đã có người Việt ở mà thôi, lại còn nhân tiện thẳng tay chiếm thêm đất-đai nữa, rồi cho di-dân vào làm ăn. Nhưng chẳng bao lâu tất cả các khoảng đất nói trên kia đều đầy dân Việt, đến khi ấy làn sóng Nam-tiến của dân ta lại nhưng cựu tràn vào.

Năm 1069, Lý-Thánh-Tông lấy ba châu Bố-chính Ma-linh, Địa-lý (9) Đến 1306, người Việt đổi chiến-lược, dùng sắc đẹp của Công-chúa Huyền-Trân đánh lấy hai Châu Ô, Lý; (10) Rồi vua Hồ-Hán Thương giựt châu Amaravati (11) (năm 1402). Nhưng oanh-liệt nhất là vua Lê-Thánh-Tông diệt nước Chiêm-thành, lấy thêm được châu Vi-jaya to rộng (1471) (12).

Trên bước đường Nam-tiến, sở-dĩ ta đã thành công rực-rỡ như thế, chính là nhờ một tinh-thần quốc-gia bồng-bộ, nhờ sự hợp-nhất mạnh-mẽ (forte unité) của dân-tộc ta, nhờ nhà vua biết đặt quyền-lợi quốc-gia trên thành-kiến, trên quyền-lợi cá-nhân, trên cả quyền-lợi gia-đình. Tôi muốn nói đến việc vua Trần-Anh-Tông, chẳng để tai đến các lời gièm-pha, chẳng kể đến cái lễ-giáo hẹp-hòi, mà gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chàm. (13) Bà Huyền-Trân phải chăng đã hiểu được đôi phần lẽ hy-sinh cao-thượng của vua Trần-Anh-Tông, nên mới « nước non ngàn dặm ra đi » như thế — ? Ta hãy nghe vài lời than-thở mà nhà thi-sĩ vô-danh đã để vào miệng công-chúa Huyền-Trân :

« *Nước non ngàn dặm ra đi*
Mối tình chi!

Mượn màu son phấn
Đền lận Ô, Ly,
. . . . . .
Vàng lộn theo chì!

Nhưng,

Vì lợi cho dân,
Tình đem lại mà cân,
Đắng cay muôn phần;

Nỗi lòng vì nước vì dân ấy, tinh-thần quốc-gia ấy, cũng tràn-trề trong bài Chiếu thân-chinh Chiêm-thành của vua Lê-Thánh-Tông. Ngài đã viết:

(Vua tôi Chiêm-thành) « *Phát chứng điện lại dám nghĩ xằng, xưng vua bác mà cho vua ta là cháu;*

« *Buông thói ngược bỏ điều nhơn-đức, hiệu nước Phật mà đòi nước ta làm tôi* ».

« *Coi dân ta nhẹ hơn là cỏ rác, nỡ sinh lòng bỏ-chết hại người;*

Cho nước ta dễ lấy như đánh cờ, mong tìm cốt Bồng-Nga lúc nọ ».

Vì-thế nên vua Lê-Thánh-Tông mới:

« *Chỉ thu công trong một buổi, mà rửa thẹn cho trăm vua.*

« *Đã vì dân trừ nạn cũ của sâu keo;*

« *Không nuôi giặc để HỌA SAU CHO CON CHÁU.* »

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có:
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tín-nhiệm hoàn toàn

Nhưng, như trên kia đã nói, trong lịch-sử thường xảy ra lắm chuyện bất ngờ, người cầm quyền dù cho hăng-minh tài-trí đến bực nào, cũng không ngăn-ngừa được. Các vua Việt, nhơn muốn diệt giặc Hời để trừ họa sau cho con cháu, nhưng vì các ngài quá hăng-hái nên đã gây ra trong nước tai-họa tam phân ngũ liệt, như ta sẽ thấy sau nầy.

(*Còn nữa*).

Mãn khánh DƯƠNG-KỲ

---

6) Chữ của Lê Tung, trong bài tổng luận nói trên kia:

7, 8) Ở Quảng bình, tại huyện Bố trạch còn lượng một con bò của người Chàm. Dân vùng ấy thuật lại như thế này: Người Việt vào ở đấy rồi giành nhau đất với người Chàm. Sau người Việt đặt ra một cuộc thi tài, ai hơn thì ở, ai thua phải đi. Người Chàm vốn chạm trổ khéo thì phải chạm một con bò bằng đá, nếu bò đá ấy biết cử-động thì người Chàm hơn. Còn người Việt phải trồng một cây tre, trở gốc lên Trời, nếu cây tre ấy sống thì người Việt hơn. Người Chàm thạt thà nhận cuộc thi kỳ-dị ấy, chạm một con bò bằng đá, nhưng ôi thôi! roi vọt mấy cũng chẳng chịu đi, đến nay còn nằm ỳ trong bụi rậm. Còn người Việt thì trồng tre trở gốc lên Trời thực, nhưng ban đêm lén ra quay gốc xuống đất, nên cây tre sống: người Việt hơn.

Chuyện trồng tre này ở Thừa-thiên người ta cũng có kể; nhưng các ông lão mà tôi đã hỏi chuyện lại nói thêm rằng: vì có chuyện đấu-trí ấy nên nay người mình, khi nào trồng tre, cũng lấy bẹ chuối bọc đất ướt vào đầu chông tre (thực ra, bọc như thế để cho chông tre khỏi phải khô trước khi bén rễ). Hồi xưa, khi ta thi với người chàm, trước mặt họ, ta trồng một chông tre đầu xuống đất, gốc lên Trời, nhưng sợ nắng khô rễ tre, nên phải lấy đất và bẹ chuối bọc lại. Rồi, thừa đêm tối, ta trở đầu chông tre xuống đất; nhưng muốn cho người Chàm khỏi nghi ngờ, người Việt lại lấy bẹ chuối bọc đất vào đầu chông tre làm như gốc vẫn còn giơ lên Trời thực.

Người Việt ở chung quanh thành Lồi (làng Nguyệt biều, Thừa thiên) thuật lại rằng thành ấy do người Hời (Lồi) xây lên trong một cuộc đấu trí với người Việt. Hai bên thách nhau rằng, trong một thời gian nhất-định, bên nào xây được một bức thành dài, cao hơn bên kia, thì được ở, bên thua phải đi. Tài kiến-trúc của người Chàm không cần phải nói ai cũng biết là hơn người mình nhiều. Họ xây mau lẹ và tài-tình quá: cứ lấy đất ướt nặn gạch, sấp thành thành, rồi chất lửa đốt. Nhưng người Việt đã có mưu sẵn, họ đan một bức thành khổng lồ bằng cót, ở ngoài phết vôi màu gạch và kẻ đường chỉ giống như gạch thực; rồi đương đêm dựng bức thành cót ấy lên. Đến sáng, Người Chàm thấy bức thành ấy cao và dài hơn bức thành của họ nhiều, tưởng thật, nên chịu thua, kéo nhau đi, giao đất và thành của họ cho người Việt.

Những truyền-thuyết ấy, lẽ tất nhiên ta không thể tin là hoàn toàn thực được, nhưng cũng cho ta ý hội qua loa cách Nam tiến của dân tộc ta khi xưa thế nào

9) Tỉnh Quảng bình và một phần tỉnh Quảng trị, cho thấu Cửa Việt bây giờ.

10 Một phần Tỉnh Quảng trị và Tỉnh Thừa thiên bây giờ

11) Tỉnh Quảng-Nam và Tỉnh Quảng ngãi bây giờ

12) Tỉnh Bình-định bây giờ

13) Bấy giờ có người hiểu sự đặt vè quốc ngữ chế diễu việc gả Công-chúa cho vua Chàm. Sự chế diễu ấy chắc là gay gắt lắm vì mãi 200 năm sau này, mà sử gia Lê-Tung còn viết trong bài tổng-luận nói trên kia như thế này: Đem một vương cơ đang kính gả cho Chàm, người biết giữ lễ không ai làm

Nhưng những bậc anh hùng, như vua Trần-Anh Tông, nghĩ đến việc ích lợi lâu dài cho quốc gia sau này, thường đi trước thời đại, thì khi nào thèm để ý đến sự chế bai của người đương thời, đang mà quan sát bơi nhưng thành kiến lạp hòi cổ hủ

Trên đường nghĩa-vụ

(Tiếp theo trang 33)

Ruộng tuy rộng, đất đảo lên vẫn theo luống thẳng mà cặp chân da đồng chưa ngớt bước đều.

Quá trưa, lúc chim ẩn dưới bóng cây, cá chìm đáy nước, ngọn cỏ héo rấp trên mặt đất nóng, con trâu mới được nghỉ ngơi.

Chiều chiều, khi tham đồng lúa, lúc phát cỏ bờ, luôn luôn bác sẵn câu hát trên môi. Kìa mấy cô gái thơ ngây gánh nặng trĩu-trịt trên vai đã từ làng bên kéo qua thung lung cắt cỏ trên sườn non xanh. Cô nào nhí-nhảnh mà bác chẳng ghẹo một đôi câu :

« Hỡi cô gánh cỏ bên đồng,
Để tôi gánh đỡ cùng chung một nhà...

***

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm đôi ;
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng ! »

(Phong-dao)

Ơn vua lộc nước, bác không ao ước, mà có lẽ cũng không hay biết, bác chỉ cần làm hết bổn phận của một tên dân lành.

Bác sống bằng cơm ngô, cơm khoai, bác mặc quần cộc, khoác áo vá, khi ngủ cây, lúc phơi sương ; bác đâu có nghĩ gì đến việc thế giới chiến tranh, quan tâm gì đến vận hội nước nhà.

Về phần Văn, được sống cái đời giản dị như bác nông-phu đó, được xuốt hàng ấp mến tài đức, Văn càng nghĩ cách làm cho cái ấp cậu đứng quản lý đó được thêm phần thịnh-đạt.

Ông chủ ấp thấy mỗi năm hoa lợi mỗi tăng, cũng rõ biết cái công của Văn không nhỏ, nên năm đầu, trừ số lương hằng tháng, ông lại tặng thêm Văn mười lăm phần trăm cái số ông thu được ở ấp ; năm thứ hai, số hoa hồng ấy tăng lên hai mươi nhăm phần trăm, thành ra mới có vừa vặn hai năm giời, đúng hôm 30 tháng chạp năm nay Văn đã để dành được cái vốn tới sáu nghìn đồng bạc.

Hồi tưởng cái Xuân năm Ngọ, nếu Văn không sớm nghĩ tới tương-lai thì có đâu được như thế, vì vậy, Văn vừa trích ra số tiền ba nghìn đồng giúp vào công-cuộc bài-trừ nạn « dốt ». Còn ba nghìn đồng, văn đang tìm mua một ngôi nhà ở Hà-nội có thể cho thuê được độ hai mươi đồng một tháng, Văn sẽ dùng số tiền thuê ấy làm một cái học bổng vĩnh-viễn cho một học-sinh nghèo ở một trường Canh-nông thực hành.

***

Một buổi tân xuân Văn cùng bạn uống trà, ngắm những bông đào đương chúm-chím, Văn nói với bạn : « Tôi mong các bạn thanh niên nước ta nên làm việc tùy theo sở năng. Nếu ai có đủ điều-kiện và hợp sở-thích nên trở lại với thôn quê, nghĩ đến sự sinh hoạt nơi đồng ruộng, chốn vườn trại để các sản vật của ta được đồi-dào, tốt đẹp, hòng chen chân lấn bước trên thị trường thế giới. Phải chăng đó cũng là một nước bước trên đường « Nghĩa vụ... »

KHÁI SINH

ĐÃ CÓ BÁN

Triết học Descartes	4$50
Triết học Einstein	2.30
Phật giáo triết học	3.50
Siêu hình học	5 00
Học thuyết Freud	2 50
Triết lý về vũ-trụ và nhân-sinh	2 30
Thi hào Tagore	4.80
Văn hào Tolstoï	2.40
Luận Tùng	1.50
Vàng Sao	2.50

HÃY ĐỌC

TRĂNG MA LẦU VIỆT
của Quách Tấn
(Viết theo bộ Tân Biên Truyền Kỳ của cụ Nguyễn Dữ)

Phiếm luận về
AUGUSTE COMTE
của Ng. Ái-Lang

MÁI TÂY *tức Tây sương Ký*
Bản dịch của Nhượng Tống

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH
Khảo cứu của Ng. đồng Chi tác giả « Việt nam cổ văn học sử »

ĐANG IN

Vương dương Minh
của Phan văn Hùm

Việt-Nam cổ văn học sử
quyển II
của Ng. đồng Chi

Lý Tao
bản dịch của Nhượng Tống

Triết học Aristote
của Ng. anh Nghĩa

Truyện dị thường
của Edga Poë
(bản dịch của Mộng Huyền)

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT 29 LAMBLOT HANOI

Chú ý.—Trong năm 1944-45 ngoài những sách *triết học, văn học, sách dịch,* nhà xuất bản Tân Việt còn cho ra mắt độc giả những tác phẩm giá trị về *khoa học, xã hội học, kinh tế học* do các ngòi bút chuyên môn về các khoa ấy.

Nhân một năm qua

NHẬT-NHAM

TRONG khi khắp thế-giới đương chìm đắm trong vòng khói lửa, trong cơn giông-tố, riêng xứ Đông-dương được thảnh-thơi ngoài cảnh núi xương, sông núi, để tiến-hành mọi việc về văn-hóa, xã-hội, chính-trị. Được như thế là nhờ cái vận may-mắn, lại nhờ sự khôn-khéo của các nhà cầm-quyền, nên dân-chúng Đông-dương, tuy có bị thiệt-thòi ít nhiều về sự tàn-phá của quân địch, nhưng so với các nước dự-chiến, cũng đã tránh được nhiều nông nỗi thảm sầu của chiến-tranh, vẫn được sống một cuộc đời bình-thường, tuy không sung-túc nhưng cũng không thiếu thốn nhiều. Trước cảnh-tượng hoà-bình ấy, giữa trăm mối lo âu hằng ngày, người Pháp cũng như người Nam vẫn không quên đoàn-kết với nhau, nỗ-lực để phấn-đấu với mọi nỗi khó khăn, hăng-hái thẳng tiến, để giúp Chính-phủ cải tạo xã-hội về mọi phương-diện.

Nhân một năm qua, ta thử tóm tắt công việc của Chính-phủ đã thực hành từ đầu năm 1943 đến ngày nay :

I — *Những công-cuộc cách-mệnh quốc-gia đã thực-hành tại Đông-dương và nhất là ở Bắc-kỳ.*

— Truyền-bá những phương-pháp cách-mệnh quốc-gia để cứu-vãn lấy cái nền-tảng luân-lý của xã-hội Những phương-pháp ấy hợp với cổ-tục di-truyền, đã tạo nên một phong-trào để duy-trì những phong-tục cổ-điển của ta.

— Cải-tạo văn-hóa và phát-triển văn-học (mở mang việc học : đặt trường Đại-học về khoa-học, dựng Học-xá, dạy môn-học về Viễn-Đông, bành-trướng nền học bình-dân như mở trường làng, trường công-nghệ thực-hành truyền-bá những điều cần-thiết về vệ-sinh, canh-nông và dưỡng-súc. Khuyến-khích việc lập các hội xuất-bản như thư-xã Alexandre de Rhodes, vân vân)

— Thu-dụng các nhân-tài, tuyển bổ vào những chức giám-đốc (đặc-cách thuyên-bổ các viên chủ sự, mở kỳ thi tuyển các quan hành-chính, tư-pháp và các học-quan).

— Mở mang nền thể-dục và phong-trào thanh-niên trên khắp cõi Đông-dương. — Mở các trường thể-dục và các trường huấn-luyện thanh niên. Công việc của Tổng-ủy-ban thanh-niên, thể-dục đã đem lại nhiều kết quả mỹ-mãn.

II — *Sự hợp-tác Pháp-Nam có ích-lợi và cần-thiết như thế nào ?*

Sự hợp-tác giữa tinh-thần Pháp và nỗ-lực Nam càng ngày càng cần-thiết và có nhiều sự ích-lợi.

— Cải tạo về mọi phương-diện : tuy tình-thế hiện-thời có bề nghiêm-trọng, nhưng chính-phủ Bảo-bộ đã cải-tạo chương-trình học-quy, tổ-chức lại ngạch tư-pháp, khuyếch-trương nền tiểu-công-nghệ, mở rộng các thành-phố Hà-nội và Nam-định và sửa-sang lại miền Sàigòn — Chợlớn, cùng thực-hành những công việc vệ-nông và trị thủy tại miền nam xứ Trung kỳ

— Làm thực hiện cái tinh thần đoàn-kết của Liên-bang Đông-dương Nhờ có máy truyền thanh mà các huấn-lệnh được phổ-cập, những điều mới lạ được lưu-hành một cách có hiệu-quả trong dân gian.

— Việc mua và bán thóc được Chính-phủ giám-sát. Nhờ thế dân-chúng không bị ăn ít và tránh được nạn đói kém. Chính-phủ lại bài-trừ những nạn chợ đen, có ảnh-hưởng đến cuộc sinh hoạt của quần-chúng.

III — *Sự hòa-bình tại Đông-dương.* — Đương lúc năm châu khói lửa. biết bao gia-đình phải bùi-ngùi trước cảnh tử biệt sinh-ly biết bao người phải uống sương, ăn tuyết, gối súng, tầm bom, thế mà riêng xứ Đông dương được yên ổn, thảnh thơi ngoài vòng nước sôi, lửa nóng.

Cũng có một vài thị trấn Bắc kỳ bị quân-địch tàn phá, nhưng nhà chức-trách đã hết sức liệu các phương-pháp để cứu-vãn tình-thế. Nhiều nhà từ-thiện tự-ý quyên tiền giúp nạn-nhân chiến tranh và hằng ngày có rất nhiều đồng-bào ta hưởng-ứng giúp vào qũy cứu-tế Bắc-kỳ.

Nhờ vậy, sự thảm-sầu của chiến-tranh cũng giảm được nhiều phần và dân chúng Đông dương cũng đỡ được nhiều nỗi lo âu. Trong bước khó-khăn đã thực-hiện cái tinh thần đoàn-kết giữa hai dân-tộc Pháp Nam.

NHẬT NHAM

Nhơn tết năm nào...

(*Tiếp theo trang 19*)

biến nó cho nhà thờ. Đứng một bên, cô con gái của ông trong bộ y-phục rất tân-thời dương-dương tự-đắc kéo đờn violon nghe cũng hay-hay. Đối với phụ-nữ trong làng, có lẽ cô là người « bảnh » nhứt về mọi phương-diện nên cô có dáng nhơ kiêu kỳ. Nhưng nếu bỏ cái kiêu-kỳ ấy ra — vả lại người con gái nào đứng vào địa-vị cô mà không thế! — cô dâu phải là người mà hạng « tu mi » ao-ước. Mà sao đương ở trong giờ phút trang-nghiêm nầy, tôi cứ quan sát lôi-thôi, lần thần thế!

Một giọng hát ồ-ề nổi lên. Anh thầy giáo đã đứng tuổi mà tôi định là người có học nhiều nhứt trong làng, hát một bài ca tụng. Giọng lên giọng xuống rang rảng hoà rất ăn nhịp với đờn. Nhưng, rủi thay, anh rán lên cao quá nên phải hụt hơi rồi bỏ rơi một đoạn làm nhà nữ-tài-tử phải rùng vai. Trên bàn thờ, ông cố đạo làm lễ đã xong, đeo vào ngón tay cặp uyên-ương hai chiếc nhẫn vàng. Cuộc lễ tới đây chấm dứt.

Tân-Lang và tân giai-nhơn rút vào phía sau bàn thờ đặng ký tên vào sổ. Họ-hàng kéo vô sau chúc mừng. người bắt tay, người ôm cô dâu hun chùn-chụt trên gò má. Một lần nữa, tiếng kiểng vang lên inh ỏi: tin vui mừng loang khắp hương-thôn.

Ra khỏi nhà thờ, cô dâu ôm tay chú rể, rồi ai nấy đứng theo sau, từng cặp, một người đàn ông và một người đàn bà. Trớ-trêu thay! Cô Emilie, nhà nữ-nhạc-sĩ mà tôi tự-do bình-phẩm khi nãy, lại « bị » cắt đi đôi với tôi. Rồi cả đoàn theo thứ-tự kéo ra làng, đi hết phố nầy sang phố khác.

Tuyết lai-rai chẳng sót một nơi nào, Gió hiu-hiu hắt nó vào đầu, vào mặt đoàn dự lễ. Nhưng mặc kệ.

— Ô, ra coi đám cưới!

Trẻ con trong nhà tung cửa chạy ra, có bọn chạy theo bao chung-quanh cô dâu chú rể, lăng-xăng cười nói. Hai bên đường, cửa sổ trên lầu mở toát để ló ra lố-nhố đầu người.

— Chúc mừng!... Hạnh-phúc!

— Cám-ơn!..., Cám ơn!

Không những chỉ buông tiếng chúc mừng ồ ạt, họ còn liệng xuống nào bông giấy, bông thiệt, nào giấy xanh đỏ cắt nhỏ (confettis), nào cuộn giấy đủ màu (serpentins). Chúng tôi qua chỗ nào, chỗ đó đều có bông và giấy vàng, xanh, trắng, đỏ che trời lợp đất.

Cô Emilie siết chặt tay tôi, thỏ-thẻ:

— Lạnh quá, chú há! Bên chú, đám cưới có vui như vầy không!

— Vui lắm. Có lẽ còn ồn-ào, vui-vẻ hơn bên nầy nữa.

Như đã quen nhau lâu ngày, vừa đi tôi vừa thuật chuyện cho cô nghe những nghi-lễ trong đám cưới ở xứ ta. Tuy nhiên, tôi không quên thêm bớt ít nhiều làm cô tưởng tôi là một ông hoàng đi lạc và Việt-nam là một cảnh Bồng-lai. Luôn dịp, tôi cũng không quên « thả » ra vài câu sáo đặc-biệt ái-đông tán-tụng tài cô về khoa âm-nhạc. Mấy câu sáo ấy như một cục ngải có hiệu-lực diệu-kỳ, vì sau khi thốt nó ra rồi, tôi dường như nghe mấy ngón tay mũi viết của cô lần-lần siết chặt lại và ngo-ngoe trên tay tôi như lúc nãy uyển-chuyển trên tơ đờn.

***

Bảy giờ rưỡi tối! Đèn khí trong tiệm ăn lớn nhứt trong làng sáng rực như trăng một đêm thu. Trong lò lửa, một khúc gỗ kếch-xù đang cháy lên ngùn-ngụt. Khi anh Jean và tôi vào tới, khách có mặt sớm mai ở nhà thờ đã tề tựu đủ vì chiều nay có tiệc đãi cả họ-hàng trai lẫn gái. Cô Emilie đương đứng sửa bông huệ trong bình, thấy tôi, lật-đật chạy tới nắm tay nói:

« Hai anh tới trễ quá làm tôi tưởng đã về mất rồi chớ! »

Khách-sáo nữa, tôi thốt: « Về vội sao được vì tôi biết đêm nay cô cũng lại đây.»

Cô hảy tôi, rồi thân-mật: « Tôi đã sắp anh ngồi gần bên tôi.»

— Thế thì vui lắm! Còn gì hơn nữa?

Sau khi chào hỏi mọi người, chúng tôi ngồi vào tiệc. Giữa mỗi khoảng bốn người ăn, trên bàn để sẵn một cái xoong nhỏ, dưới có một ngọn đèn leo-lét. Trong xoong, một vật trăng-trắng như hồ đương sôi ùn-ụt. Gì mà lạ vậy? Đã ngụ hơn mười năm bên Pháp và nhiều lần qua chơi nước Ý, Thụy-sĩ, tôi chưa hề ăn một vật chi như thế. Tuy vậy, tôi cũng làm bộ biết rành, không hỏi-han chi cả, chỉ đợi người ta khởi-sự đặng có coi theo mà hành động. Tôi liếc qua phía cô Emilie, thấy cô lấy dao cắt bánh mì ra từng miếng nhỏ. Tự nhiên, tôi cũng bắt chước làm theo. Rồi cứ việc mạnh ai nấy lấy nĩa mình xâm miếng bánh mì, chấm vào xoong mà ăn coi rất ngon lành. Cách ăn nầy cũng nên cho là lạ, vì ai cũng biết không

khi nào người Âu-châu ăn chung trong một đĩa, một xoong bao giờ. Họ cho thế là ghớm-ghiếc lắm. Mà đây, thật khác hẳn! Tôi cũng chấm bánh mì vào... Thấy dễ chịu làm nữa... rồi nữa... Trong xoong ấy chỉ toàn là phố-mách nấu tan ra sệt-sệt, ăn thật thơm-tho. Có người còn... tiếc của, tuy xoong đã hết sạch, còn lấy bánh mì vét cho sạch thêm hơn. Không biết cách ăn ấy chỉ ở đây mới có hay ở đâu cũng thế? Ngày sau, trong khi chuyện-vấn, tôi mới hỏi khéo anh Jean. Tôi mới học được rằng vùng nầy, nhứt là ở Fribourg, người ta thích ăn phố-mách như thế lắm. Ăn và uống rượu chát trắng trước khi dùng cơm như ở xứ khác người ta uống rượu khai-vị vậy.

Hết món nầy đến món kia. Trong phòng ồn-ào như phòm chợ. Nút sâm-banh nổ lốp-bốp. Tôi nhận nó là tiếng pháo mừng xuân từ Việt-nam vang dội đến nước non nầy. Tới từng cà-phê, một cụ đã già-nua đứng dậy. Cô Emilie ra dấu biểu mọi người im lặng. Với giọng run-run, cụ hát một bài chúc mừng rất xưa mà ngộ-nghĩnh. Rồi anh thầy giáo đứng lên, sửa lại cặp nhãn kính tẳng-hẳng vài ba tiếng, rút trong túi ra một xấp giấy trắng đầy những giòng chữ lằng-nhằng. Là một nhà mô-phạm, một bậc tri-thức đáng kính trong làng — và cũng có lẽ bởi anh ta biết chúng tôi cũng có chữ ít nhiều — trong hơn ba mươi phút, anh tuôn ra dài dọc nào triết-lý, nào luân-lý, nhiều vị nhiều màu. Mấy người nhà quê trong đám ngồi không chớp mắt, lằng-lặng thưởng-thức mây câu văn đầy ý-nghĩa cao-xa mà có lẽ họ không hiểu thấu...

Đến lượt cô dâu. Cô đứng dậy vui tươi, cầm mảng the trùm đầu mà cô mang khi ở nhà thờ xuống, rồi mỗi người dùng kéo cắt lấy một miếng nhỏ. Theo phong-tục Âu-châu, chút vải mỏng ấy sẽ đem lại cho người nào có nó nhiều điều hạnh-phúc. Tôi cũng cắt lấy hai miếng: một, cho tôi và một, tôi trao cho cô Emilie với nụ cười mà tôi muốn hết sức... có duyên?

— Vật quí nầy sẽ đem đến cho cô một ông Hoàng mà cô mong-ước. Mà cô muốn ông ấy như thế nào?

Cô mỉm cười, đáp:

— Dễ thương như chú vậy!...

Tiệc đã mãn, ai nấy đều đứng dậy. Bàn ghế dẹp lại một bên. Cuộc khiêu-vũ bắt đầu vô cùng vui-vẻ. Một anh trai-trẻ — có lẽ bởi anh không biết khiêu vũ hay còn e-lệ — tình nguyện đứng ra lựa đĩa hát và quây máy hát. Mọi người — ông già bà cả cũng thế — ôm nhau từng cặp đi theo nhịp đờn một cách dịu-dàng. Sẵn trong góc có một cây « đờn máy », anh Jean bỏ hai xu vào lỗ ở bên, cây đờn bỗng tự-nhiên trổi lên một bản tango xèn-xẻn cũ kỹ. Xu nầy rồi xu khác. Đĩa nầy rồi đĩa nọ. Cuộc khiêu-vũ cứ tiếp tục không ngừng. Thoạt nhiên, anh Jean vỗ tay biểu dừng yên cả rồi; hô to:

— Bà con có biết không? Ngày hôm nay lại là ngày Tết của anh Thành đó. Ở bên xứ anh, người ta không ăn Tết một ngày với xứ mình.

— Vậy à! Vậy à!

Đoạn ai nấy xúm lại bắt tay tôi và nói: « Chúc mừng năm mới! » Nhiều cô xin phép hun tôi. Cô Emilie cũng chạy lại đề hai môi tốt đẹp của cô trên gò má tôi và thì thầm: « Ông Hoàng của tôi ơi! Tôi chúc ông được muôn điều hạnh phúc trong năm tới đây! » Tôi rung động cả người...

Nút sâm-banh nổ nữa. Người nào cũng muốn cụn ly với tôi. Nhiều cô còn bắt tôi uống riêng với mỗi cô một ly nữa. Tuy không phải là độ-tử trung-thành của Lưu Linh, tôi cũng tự biết sức mình đáng đứng vào hạng khá về việc... « chịu đựng » với vit ky, cồ nhắc. Nhưng tới ly thứ chín, dẫu chưa có chi gọi là say, tôi cũng đã thấy trong cổ tôi một cảm-giác dị kỳ: Họng tôi thấy dường như bị tê cứng đến nỗi uống chi vào cũng không nghe đắng hay ngọt hay cay chi cả...

Hôm nay: ngày tết Việt nam

Hôm nay tôi đã thí-nghiệm được « ảnh-hưởng của chín ly rượu sâm-banh trong cuống họng một người Nam-Việt ».

Và cũng nhờ sự thí-nghiệm tình-cờ nầy mà đám tiệc hôm nay in sâu vào trí-não tôi một ký-ức đậm-đà của tuổi trẻ không khi nào quên đặng.

Mỗi năm mỗi nhớ cái ngày hôm nay:

Người say rượu say....

LÊ-VĂN-NGÔN

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Phap

1p·00 một vé

(*Tiếp theo trang 35*)

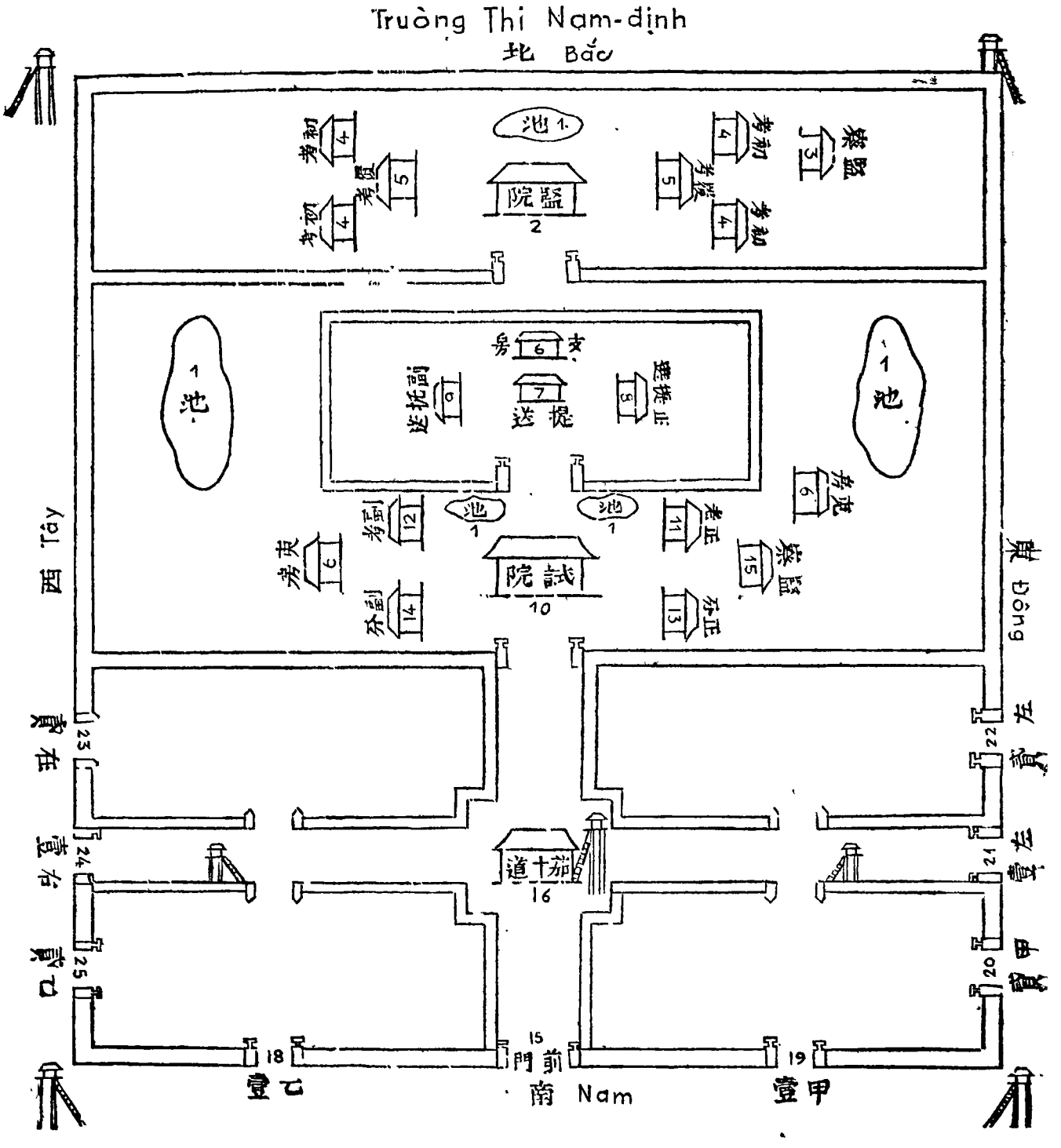
Trường Thi Nam-định
北 Bắc
池 1
院監 2
考初 4
考覆 5
考初 4
考覆 5
考初 4
考初 4
考覆 5
考初 4
考初 4
考覆 5
考初 4

Văn-học Nam-kỳ 1943

(*Tiếp theo trang 35*)

Trong *Triết lý về vũ trụ và nhân sinh* có câu : « Về tôn giáo thì Ấn-độ là thủy tổ của hoàn cầu. Triết lý Phật giáo cao siêu và thâm trầm không có tôn giáo nào bì kịp » (trang 141).

Thảo nào trong năm vừa qua, Phan văn Hùm đã chẳng cho in đến hai lần quyển *Phật giáo triết học*.

Người đọc sách ấy thì nhiều. Nhưng hồ dễ mấy ai đọc nó khôn ngoan bằng nhà sư Mật Thề ? Trong tạp chí *Viên-Âm* số 63, sư Mật Thề, sau khi đọc *Phật giáo triết học*, có viết bài biện chánh về mười mấy chỗ lầm của quyển ấy. Những lời biện chánh xác đáng của nhà sư, chính Phan văn Hùm cũng tuyên bố công nhận là đúng. Cả đến quyển « *Phật giáo triết học*, của một nhà trước thuật Nhật bản tên Tiểu-giả-Thanh-Tú, do Trương Phất dịch ra Han-văn và do Thương vụ ấn quán ở Thượng-hải xuất bản, là quyển sách mà sư ông Mật Thề bảo Phan văn Hùm lấy nhiều tài liệu để viết tác-phẩm mình, Phan-quân cũng công nhận là quả có như thế !

***

Đoạn đường văn học 1943 của Nam-kỳ tuy có hơi ngắn, nhưng trông về tương-lai có nhiều hi vọng lắm ! Có điều đáng mừng lắm !

Với 1943 là một bước đầu khả quan, thì những ngày sẽ tới toàn là những ngày sán-lạn — như tôi mong ước !

15-XII-1943
KIỀU-THANH-QUẾ

MỘT ĐÊM GIAO-THỪA...

(*Tiếp theo trang 17*)

« ông kễnh » đấy ! thì ra « ông » vào hiên, thấy anh sáng đèn... nên tò-mò thò đuôi vào xem có gì không... sau khi nghe ta thét thì bỏ chạy đi nên có tiếng ầm-ầm... kia kìa còn thấy ở vườn hoa bên này cũng có vết chân rõ lắm !

Theo lối tay chỉ, tôi ra góc vườn thì quả có vết chân mà lối « ông » đi qua đã làm cho những bông hoa hồng, cúc cành rụng rã rời lả tả trên mặt đất.

Thì ra đêm giao thừa năm ấy, « ông kễnh » đã đến « sòng đạt » nhà tôi, một sự « sòng đất » tuy có táo bạo nhưng đã làm cho chúng tôi hết vía. Tôi liên tưởng đến câu truyện « thần đất » của thày chánh vụt hiểu ngay là câu truyện tưởng tượng của người quen nằm mơ-mộng bên ngọn đèn dầu lạc.

TIÊN ĐÀM thuật

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương !
lạ nhất nhân - loại !

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ :

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thay tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giày trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Đỏ	(đựng hộp bọc lụa)	50.00
Hạng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

HÀN-THUYÊN
71, Tiên Tsin — Hanoi
Giám Đốc
NGUYỄN XUÂN TÀI

Sắp có bán

CẬN ĐÔNG CỔ SỬ

của giáo-sư NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH
Giá 3$00

Miền cận đông giữ vai trò quan-trọng trên lịch sử thế giới — Muốn biết rõ lai lịch miền cận đông xin đọc Cận Đông Cổ Sử trong loại sách Tân Văn Hóa

HÀN THUYÊN
71 Tiên Tsin Hanoi

TIN VĂN

1) Về cuộc thi văn-chương ALEXANDRE de RHODES năm 1943

Trước khi năm 1943 đã tàn, làng văn Nam-Việt, — hay nói cho đúng — của khắp 5 xứ Liên-bang Đông-Dương đã được biết rõ về số-phận và kết-quả của 133 bản dự-thi hai giải GIA-LONG và ALEXANDRE de RHODES.

Bản hội tự-trọng cám-ơn anh-em dự-thi đông như thế; con số 133 cuốn thực không ngờ!

Bản-hội muốn có vài lời nói với làng văn, mà những ý-kiến dưới đây là dư-luận của cả Hội-đồng khảo-duyệt:

Về Phẩm. — Xét ra trong các tác-phẩm, có một số những người mới bắt-đầu làm văn, nhân thấy có thi thì lạo-thảo gửi tới, nào có hiểu rằng văn-chương là phải dày công tu luyện! Lại thấy có nhiều người, vì quá nông-nổi hăng hái tưởng có thể gửi những sự bực-tức chế riễu vào tờ giấy trắng mực đen, chỉ lăm-le phá-đổ cái nền-nếp cũ chứ tinh-vô chẳng có hoài-bão xây-dựng chi cả. Làm văn như thế chỉ có tội, chớ chẳng thể giúp ích cho đời. Ngoài ra, có tới một chục tác-phẩm bị loại ngay từ kỳ đầu, vì tác-giả không chịu xét kỹ điều-lệ, hoặc gửi tới một cuốn thơ, cuốn phú một tập bài hát. Cố-nhiên, bản hội chẳng muốn nhận những pho tiểu-thuyết «tràng giang» quá 600 trang cũng như những đoản-thiên vẻn-vẹn độ mươi trang. Trong cái phẩm cũng phải tinh cân được g.

Về dịch-thuật.— Nhiều dịch-giả đã sơ-ý trong sự lựa chọn tìm những tác-giả ngoại-quốc, hay những tác-giả Pháp-quốc, nhưng lối hành-văn thuộc về hạng đặc-biệt — như Proust hay Duhamel — dịch ra chắc hẳn ít có số độc-giả người Nam có thể hiểu nổi. Về giải Alexandre de Rhodes, chúng-ta chỉ nên theo gương ông Ng. v. Vĩnh, dịch những danh-văn cổ điển sẵn có một tinh-cách đại-đồng và đã vượt ra khỏi vòng thời-gian.

Về hạn thi. — Dư-luận làng văn có ý phàn-nàn về sự chậm-trễ trong công-cuộc chấm-bài của Hội-đồng, thành ra định tuyên-bố kết-quả vào lễ Hưng quốc mà phải lui tới cuối năm 1943 lại khóa sổ cuộc thi văn-chương 1944 thì thời-hạn quá ư gấp-rút. Xin anh-em thể-lượng, một Hội-đồng muốn làm việc cho đứng mực, trong 4 tháng không tài nào chấm-phê 133 cuốn văn, có khi dài tới 5, 600 trang được. Còn về khóa-sổ, bản hội xin nhắc năm 1943, tờ-đạt đã tuyên bố cuộc-thi văn-chương của hội Alexandre de Rhodes sẽ tổ-chức hàng năm, vậy thì sự dự-định đã cố báo trước rõ-ràng. Nhưng vì hiện-tình, bản-hội vui lòng lui hạn khóa sổ vào 1er mars 1944.

Hỡi làng văn Việt-Nam. Cuộc thi văn-chương 1944 đã bắt-đầu. Lần này, điều-lệ có vài chỗ sửa-đổi tỉ như nhận các sách đã xuất-bản từ cuối năm 1941. Bản-hội rất mong các văn-nhân cao-sĩ lại dự đông hơn kỳ trước, để xây đắp và trau-dồi cho nền văn-học nước-nhà.

Một lần nữa, bản-hội cám-ơn 133 nhà-văn dự-thi năm 1943. Trong số đó, có nhiều tác-giả đã từng nên tên tuổi trong văn-đàn, lại có vị đã chiếm giải văn-chương trước kia. Sự sai-biệt ở kỳ này, có lẽ vì kém ở như cao-hứng, cho nên tác-phẩm chẳng được Hội-đồng phê đủ điểm-số. Nhưng dù sao, các bạn sẽ thể-lượng cho bản-hội rằng một hội-đồng khảo-duyệt có những vị đã đăng tên trên báo-chương, đều độc một công-tâm, chỉ mong cho *văn-chương quốc-ngữ* một ngày tốt-đẹp, sản-xuất vài tác phẩm có thể sánh vai với những thiên kiệt-tác của đàn-anh thế-giới.

TRÚC ĐÌNH

1) Báo Indochine số 176 có nói rõ về cuộc thi văn-chương năm 1943

II) Kết quả cuộc thi của hội Liên Hữu Tương Tế (Asecourfi) về «Đố Kiều» và «Tập Kiều»

Giải nghĩa câu đố.

Câu 1 : máy điện thoại — 2 : bút hồ tây — 3 : phong bì thư vàng — 4 : bút chì xanh — 5 : đôi nến sáp — 6 : chữ Mịch (tịch mịch) — 7 : Hàn Thiên Thu — 8 : Đa hậu bất cấm.

Giải nhất : ông Hoàng gia-Thân, giáo học ở Kiến An.

Giải nhì : ông Phượng Trì, ở Phất Lộc Hanoi.

Giải ba : ông Đinh văn-Liên, Đốc học trường Vĩnh-Lộc Thanh Hóa

Giải tư (thiêm thủ) : ông Nguyễn chi-Toại, ở huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây.

Asecourfi cẩn bạch

— Vì số Xuân dày gấp đôi số thường và số báo in ra tăng hơn nhiều nên theo lệnh của sở Thông tin, tuyên truyền và báo chí (I.P.P), chúng tôi bắt buộc phải nghỉ một số trước Tết và sau Tết. Xin các bạn thể tình cho.

Số sau 128 sẽ ra nhằm ngày mùng 5 tết (29 Janvier 1944)

Bản chí được tin buồn Decoux phu nhân đã tạ thế tại Dalat ngày 6 Janvier 1944, tang lễ đã cử hành ngày 8 Janvier 1944.

Nhân dịp buồn rầu này bản chí xin trân trọng kính viếng Decoux phu-nhân và phân ưu cùng quan Toàn quyền Đông-dương.

TRI-TÂN

Tết lánh nạn

(*Tiếp theo trang 21*)

— Có bác cứ tự nhiên. Chắc bác đề dành được cái vốn lớn.

— Bẩm bu cháu ở nhà cũng chuộc được năm sào đất cháu cầm năm ngoái cho ông Hàn bên cạnh. Và có thế mới có tiền cược xe chứ. Ông tính cai xe họ ác lắm. Tết nhất đến nơi cháu phải thầy thợ đút lót mới có xe kéo. Tiền thuê xe cháu phải cược một món tiền lớn tới vài chục đồng cho cai rồi kéo ngày nào trả tiền ngày ý, mà xe hỏng đâu thì xăm lốp phải chữa lấy mà dùng. Ông tính xăm lốp bây giờ có rẻ gì cho cam. Chẳng những thế họ có ma tà đi thám thính không cho đi xa sợ hỏng xe. Nhỡ ra gặp ma tà đi thanh tra thì lại phải khấn nó dăm đồng kẻo nó về hót với chủ.

Nói ông thứ lỗi cho chúng cháu cứ muốn thỉnh thoảng lại tu tu thì chúng cháu lại tha hồ mà kéo dân chạy nạn...Tết đến nơi, thế nào năm nay cháu cũng nghỉ ba ngày tết cho bố đề báo thù mọi năm vất vả quá.

Bác phu xe của tôi vừa nói vừa đi từ trong tiệm ăn ra chân nam đá chân xiêu từ giã tôi bằng câu :

— Ông cho cháu uống say quá. Hôm nào cháu xin kéo hầu ông xuống Vạn Thái !

Kết luận

Khói lửa chiến tranh đang bùng cháy ở khắp mọi nơi. Biết bao nhiêu triệu sinh linh đã nghiêng mình nhắm mắt bên bờ nghĩa vụ.

Giang sơn đất Việt, trước cơn giông tố của năm châu cũng đã từng qua những ngày mưa gió nặng nề !

Cuộc ném bom tàn khốc, vô nhân đạo liên tiếp trong hai ngày 10 và 12 12-1943 đã đem reo rắc sự rùng rợn, sự khủng bố trong đám dân gian đông đúc của kinh thành Thăng Long. Hàng trăm gia đình đang sống trong cuộc yên vui đã biết những chua xót của tan tác, những đau thương của biệt ly mà nhuộm một mầu tang tóc.

Hết thầy mọi người như có cảm tưởng đang sống trong cơn ác mộng. Sống thì sống giờ, sống ngày nay không còn giám biết đến ngày mai.

Nay năm cũ đã qua, gió xuân đã bắt đầu đùa rỡn trên nhành cây ngọn cỏ. Trước sự hăm dọa của Thần chiến tranh, mọi người như thiết tha cầu khẩn cho những ngày đen tối dừng trở lại đề cùng vạn vật đón xuân sang với bao niềm mong ước trong tâm tưởng.

PHẠM-MẠNH-PHAN

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ

— Bìa Xuân này do ông bạn thân của chúng tôi là Họa-sĩ **Phạm-gia-Giang** *vẽ giúp. Xin cảm ơn bạn.*

— Nhiều bạn quá yêu có gửi bài về tòa soạn để cùng chúng tôi vui Xuân, song gửi chậm quá nên không sao cho ra được. Chúng tôi sẽ lần lượt đăng vào các số tới. Xin các bạn lượng thứ.

— Ô. N. T. H. Rạch giá. Đã nhận mandat 16$00 đã chuyển 10$00 sang ban cứu tế nạn nhân. Cảm tạ.

TRI-TÂN

DẦU NĂM

MUỐN LÀM QUÀ
BẠN KHÔNG GÌ QUÝ VÀ LẠ HƠN

Rất dễ, ai làm cũng được : cắt 1 phần thư lấy bút tích và chữ ký của bạn mình (không kể *trai* hay *gái*) cho nhà triết tự có chân-tài, thực học **Mr An ngọc-Phụng kiosque Thanh Tao** (vinh) đợi vài ngày sẽ nhận được bản cắt nghĩa rõ ràng tính tình, tâm-địa, ý-chí, tư-tưởng và sức khỏe của bạn mình thư nhớ kèm theo tem **1$00**

Một bộ sách quí

do thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

xuất-bản

THƯƠNG-CHI VĂN-TẬP

quyển nhất

của cụ PHẠM-QUỲNH Lại-bộ thượng-thư

Sưu-tập những áng văn hay đã đăng trong tạp-chí Nam-Phong từ 1917-19, sẽ lần-lượt phát-hành từ 6 đến 10 quyển.

Sách dày 350 trang, khổ 12×18

Bản thường 5$00 — Bản giấy láng 10$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :

1) Trịnh-gia Chính Phả (in lần thứ hai) hết
2) Hưng yên địa chí — —
3) Gương Luân-Lý —
4) Bắc-giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50

B) 5) Vị tiền hết
6) Hoa xưa ong cũ Giá cũ 0$30
7) Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-ký) 2$00

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao « nhiêu anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-« sĩ đăng lâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy « là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch-sử Ba Hồ, mà lại kể cả cuộc hành-trình-« đi đến đâu cũng để mắt quan-sát : nào là nhân, « tình phong-tục, nào là công cuộc mở mang của « đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo-« cứu, có thể làm kim chỉ-nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« Du-ký này có giá-trị lắm thay ! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bảng Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng

II — Sắp xuất-bản :

Uyên-Hải Tử-Bình ; — Ngàn Treo Đanh (Thuyền Đình Sơn) ; — Bac-ninh địa-chí.

Xin viết thơ cho :

Nhật-nham Trịnh-như-Tau, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ hay Biên-tập-viên Tạp-chí Tri-Tân

95-97 Rue Chanceaulme Hanoi

Hai quyển sách trọn lọc in khổ lớn 21×18 trình bầy rất công-phu in giấy trên trăm trang, mỗi quyển 2$80, bản quý in trên giấy Hoàng-minh chân, Tường-vi, Giò lụa giá 25$00, sắp phát hành khắp Đông-dương.

LÃ GIA

Danh nhân chuyện

của HẢI-TRẦN

Thân thế và công nghiệp một vị lão thần nhà Triệu. Một quãng sử vẻ vang và bi đát.

Một tâm trạng éo le thắc-mắc của một người thiết tha yêu nước thương dân.

MẸ TÔI

Sách đọc trong gia-đình

của NGUYỄN KHẮC-MẪN

Tặng tất cả những ai đã thiếu thốn sự âu-yếm nuông chiều. Đây không là lời văn mà là những rung động thành thực của một tâm hồn hiếu tử.

Có phụ thêm mấy truyện tâm-tình nhẹ nhàng và

ĐÓN COI

ANH THƯ ĐỜI MẠC của Chu-Thiên

THANH NIÊN CA lời ca và âm nhạc của Đào-Hợp

MÓN QUÀ TRẺ EM của bà Tương-Phố

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

Giám đốc : Ái Lang NGUYỄN-TẾ-MỸ

50 Sinh-Từ — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

1·)	Nguyễn Du và Truyện Kiều	3$50
2·)	Nhân loại tiến hóa sử	1, 80
3·)	Gốc tích loài người	1, 80
4·)	Đời sống thái cổ	2, 20
5·)	Ai cập cổ sử	2, 50
6·)	Cận đông cổ sử	2, 50
7·)	Nguồn gốc văn minh	2, 20
8·)	Luân lý thực nghiệp	2, 50
9·)	Lê thánh Tông	3 00
10·)	Óc khoa học	2, 20
11·)	Triết học là gì	2, 50
12·)	Lý thường Kiệt	2, 50

Sắp phát hành

NGUYỄN - CÔNG - TRỨ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá 5$00

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC

71 Tiên Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi